BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

XÂY DỰNG WEBSITE MẠNG XÃ HỘI QMSNET VỚI REACTJS VÀ NODEJS

Giáo viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Ngọc

Sinh viên thực hiện:

1.NGUYỄN NGỌC QUÂN 0306191158

2.TRẦN ĐỨC MINH 0306191144

LỚP: CĐTH19PMB

KHÓA: 2019 - 2022

TP.HỒ CHÍ MINH, ngày 09 tháng 07 năm 2022

NHẬN XÉT GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tp.HCM, Ngày tháng năm 2022

Giáo viên hướng dẫn

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tp.HCM, Ngày tháng năm 2022

Giáo viên phản biện

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG BẢO VỆ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TP.HCM, Ngày ……..Tháng…….Năm 2022

Thư kí hội đồng Chủ tịch hội đồng

DANH MỤC

NHẬN XÉT GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN II

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN III

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG BẢO VỆ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP IV

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT IV

DANH MỤC BẢNG BIỂU V

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ VIII

LỜI CẢM ƠN XII

LỜI NÓI ĐẦU XIII

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI 1

1.1 Lý do chọn đề tài 1

1.2 Ý nghĩa thực tiễn 1

1.2.1 Ý nghĩa với người dùng website: 1

1.2.2 Ý nghĩa với cá nhân sinh viên: 2

CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG NGHỆ CÁC CÔNG CỤ SỬ DỤNG 3

2.1 Ngôn ngữ lập trình: 3

2.1.1 Javascript: 3

2.2 Front-end 3

2.2.1 Html 3

2.2.2 Css 4

2.2.3 Reactjs 4

2.2.4 Ant design: 6

2.2.5 Axios 7

2.3 Quản lý mã nguồn: 7
2.3.1 Git 7
2.4 Back-end 8
2.4.1 Nodejs 8
2.4.2 Express 9
2.4.3 Mongooses 10
2.5 Gửi email 10
2.5.1 Nodemailer: 10
2.6 Quản lý trạng thái ứng dụng 11
2.6.2 Redux 11
2.6.3 Redux saga 11
2.7 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và lưu trữ dữ liệu 12
2.7.1 MongoDB 12
2.7.2 Cloud Moongoose Atlas: 12
2.7.3 Cloudinary 13
2.8 công cụ quản lý gói pakage 14
2.8.1 Npm 14
2.9 Công cụ kết nối tức thì giữa server và client 15
2.9.1 SocketIO 15
CHƯƠNG 3: YÊU CẦU CHỨC NĂNG 17
3.1 Lược đồ Use case 17
3.1.1 Lược đồ chức năng cho phân hệ thành viên 17
3.1.2 Lược đồ chức năng cho phân hệ quản trị viên 18
3.2 Danh sách Use case 19

3.2.1Bảng damh sách chức năng cho thành viên 19
3.2.2 Bảng danh sách chức năng cho Admin 21
3.3 Đặc tả Usecase 22
3.3.1 Đặc tả Usecase dành cho phân hệ thành viên 22
3.3.2 Đặc tả Usecase dành cho phân hệ quản trị viên 45
CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ 60
4.1 Lược đồ quan hệ 60
4.2 Đặc tả lược đồ quan hệ 61
CHƯƠNG 5:HÌNH ẢNH VÀ HƯỚNG DẪN 68
5.1 Chức năng cho phân hệ thành viên 68
5.2 Chức năng cho phân hệ Quản trị viên 101
CHƯƠNG :6 TỔNG KẾT 109
6.1. Những điều làm được 109
6.2. Nhược điểm 109
6.3 Hướng phát triển 109
Tài liệu 111

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ref(user)	Khoá ngoại đến bảng user
Ref(post)	Khoá ngoại đến bảng post
Ref(comment)	Khoá ngoại đến bảng comment
Ref(conversation)	Khoá ngoại đến bảng conversation
CRUD	Create, Read, Update, Delete
Npm	Node Package Manager
VCS	Version Control System
AWS	Amazon Web Services
CSDL	Cơ sở dữ liệu
Npm	Node package manager

DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG CHƯƠNG 3: YÊU CẦU CHỨC NĂNG

Bảng 3.1 Danh sách chức năng cho thành viên 19
Bảng 3.2 Danh sách chức năng Admin.....21
Bảng 3.3 Đăng kí.....22
Bảng 3.4 Đăng nhập.....23
Bảng 3.5 Đăng xuất.....24
Bảng 3.6 Lấy lại mật khẩu 24
Bảng 3.7 Quản lý bài viết.....25
Bảng 3.8 Đăng bài viết.....26
Bảng 3.9 Cấm bình luậnbài viết của mình 26
Bảng 3.10 Sửa bài viết của mình 27
Bảng 3.11 Xoá bài viết của mình.....27
Bảng 3.12 Thích bài viết 28
Bảng 3.13 Bỏ thích bài viết.....28
Bảng 3.14 Bỏ cấm bình luận 29
Bảng 3.15 Lưu bài viết.....29
Bảng 3.16 Tố cáo bài viết của thành viên khác 30
Bảng 3.17 Quản lý bình luận.....30
Bảng 3.18 Bình luận bài viết.....31
Bảng 3.19 Xoá bình luận.....31
Bảng 3.20 Trả lời bình luận 32
Bảng 3.21 Thích bình luận 33
Bảng 3.22 Quản lý tin nhắn.....33
Bảng 3.23 Nhắn tin với thành viên 34
Bảng 3.24 Sao chép tin nhắn.....34
Bảng 3.25 Xoá tin nhắn.....35
Bảng 3.26 Quản lý cuộc trò chuyện 35

Bảng 3.27 Xoá cuộc trò chuyện 36
Bảng 3.28 Tra cứu cuộc trò chuyện 36
Bảng 3.29 Quản lý mối quan hệ.....37
Bảng 3.30 Theo dõi thành viên 38
Bảng 3.31 Huỷ theo dõi thành viên.....38
Bảng 3.32 Chặn thành viên 39
Bảng 3.33 Tra cứu thành viên 39
Bảng 3.34 Huỷ chặn thành viên 40
Bảng 3.35 Tố cáo thành viên.....41
Bảng 3.36 Quản lý thông tin cá nhân.....41
Bảng 3.37 Cập nhật mật khẩu 42
Bảng 3.38 Chỉnh sửa thông tin cá nhân 43
Bảng 3 39 Quản lý quyền riêng tư 44
Bảng 3 40 Đăng nhập Admin.....45
Bảng 3 41 Quản lý tài khoản.....45
Bảng 3 42 Quản lý bài viết admin.....46
Bảng 3 43 Quản lý thông báo.....46
Bảng 3 44 Quản lý bình luận Admin 47
Bảng 3 45 Quản lý báo cáo vi phạm 47
Bảng 3 46 Quản lý loại báo cáo 48
Bảng 3 47 Quản lý màu sắc bài viết.....48
Bảng 3 48 Thêm tài khoản 49
Bảng 3 49 Chỉnh sửa tài khoản 49
Bảng 3 50 Xoá tài khoản.....50
Bảng 3 51 Xoá bài viết.....50
Bảng 3 52 Xoá thông báo.....51
Bảng 3 53 Xoá bình luận.....52
Bảng 3 54 Xoá báo cáo vi phạm 52
Bảng 3 55 Sửa báo cáo vi phạm.....53

Bảng 3 56 Xoá loại báo cáo 54
Bảng 3 57 Thêm loại báo cáo.....54
Bảng 3 58 Sửa loại báo cáo.....55
Bảng 3 59 Xoá màu sắc.....57
Bảng 3 60 Thêm màu sắc 57
Bảng 3 61 Đổi màu sắc 58
Bảng 3 62 Tra cứu theo từ khoá.....59

BẢNG CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ

Bảng 4.1 Chi tiết đặc tả bảng user.....61
Bảng 4.2 Bảng đặc tả bảng post 62
Bảng 4.3 Bảng đặc tả bảng comment.....63
Bảng 4.4 Bảng đặc tả bảng coversation 63
Bảng 4.5 Bảng đặc tả notify.....64
Bảng 4.6 Bảng đặc tả message.....65
Bảng 4.7 Bảng đặc tả report.....65
Bảng 4.8 Bảng đặc tả reportType.....66
Bảng 4.9 Bảng đặc tả Portstyle 66
Bảng 4.10 Bảng đặc tả subdocument 67

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

HÌNH CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG

Hình 2.1 Logo javascript....3
Hình 2.2 Logo HTML....3
Hình 2.3 Logo Css....4
Hình 2.4 Logo Reactjs....5
Hình 2.5 Logo Ant design....6
Hình 2.6 Logo axios....7
Hình 2.7 Logo Github và Git....8
Hình 2.8 Logo Nodejs....9
Hình 2.9 Logo Express....9
Hình 2.10 Logo Nodemailer....10
Hình 2.11 Phương thức hoạt động của redux....11
Hình 2.12 Logo Redux-saga....11
Hình 2.13 Logo MongoDB....12
Hình 2.14 Logo MongoDB Atlas....13
Hình 2. 15 Logo Cloudinary....13
Hình 2.16 Logo Npm....14
Hình 2.17 Logo SoketIO....15

HÌNH CHƯƠNG 3 : YÊU CẦU CHỨC NĂNG

Hình 3.1 Lược đồ chức năng cho hệ thành viên....17
Hình 3.2 Lược đồ chức năng cho hệ quản trị viên....18

HÌNH CHƯƠNG 4 :PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ

Hình 4 1 Lược đồ quan hệ.....60

HÌNH CHƯƠNG 5:HÌNH ẢNH VÀ HƯỚNG DẪN

Hình 5.1 Giao diện Đăng kí 1 68
Hình 5.2 Giao diện đăng kí 2 69
Hình 5.3 Xác nhận email đăng kí.....69
Hình 5.4 Kích hoạt thành công tài khoản đăng kí.....70
Hình 5.5 Giao diện đăng nhập.....71
Hình 5.6 Lấy lại mật khẩu 1.....72
Hình 5.7 lấy lại mật khẩu 2 72
Hình 5.8 Lấy lại mật khẩu 3.....73
Hình 5.9 Xác nhận email lấy mật khẩu.....73
Hình 5.10 Mật khẩu mới 74
Hình 5 11 Giao diện trang chủ 1 75
Hình 5.12 Giao diện trang chủ 2 75
Hình 5.13 Giao diện tìm kiếm người dùng 1 77
Hình 5.14 Giao diện tìm kiếm người dùng 2 77
Hình 5.15 Giao diện thông báo 1 79
Hình 5.16 Giao diện thông báo 2 79
Hình 5.17 Giao diện tìm cuộc trò chuyện 1 81
Hình 5.18 Giao diện tìm cuộc trò chuyện 2 81
Hình 5.19 Giao diện cuộc trò chuyện nhanh.....82
Hình 5.20 Giao diện tin nhắn 1 82
Hình 5.21 Giao diện tin nhắn 2 và 3 83
Hình 5.22 Giao diện cuộc trò chuyện 4 83
Hình 5.23 Giao diện đăng bài viết 84
Hình 5.24 Giao diện bài viết 1 84
Hình 5.25 Giao diện bài viết 2 86
Hình 5.26 Giao diện chỉnh sửa bài viết.....86

Hình 5.27 Giao diện lưu bài viết 1 88
Hình 5.28 Giao diện lưu bài viết 2 88
Hình 5.29 Giao diện Bình luận 1 90
Hình 5.30 Giao diện bình luận 2 90
Hình 5.31 Giao diện bình luận 3 91
Hình 5.32 Giao diện trang cá nhân a 91
Hình 5.33 Giao diện trang cá nhân b 92
Hình 5.34 Giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân 92
Hình 5.35 Giao diện thay đổi ảnh đại diện 93
Hình 5.36 Giao diện thay tiểu sử 93
Hình 5.37 Giao diện người theo dõi 94
Hình 5.38 Giao diện người đang theo dõi 94
Hình 5.39 Giao diện bạn bè a 95
Hình 5.40 Giao diện bạn bè b 96
Hình 5.41 Giao diện cài đặt a 96
Hình 5 42 Giao diện cài đặt chỉnh sửa thông tin cá nhân b 98
Hình 5.43 Giao diện cài đặt sửa chữa thông tin cá nhân c và d 98
Hình 5.44 Chức năng thay đổi mật khẩu 99
Hình 5.45 Chức năng thay đổi quyền riêng tư 99
Hình 5.46 Danh sách thành viên bị chặn 100
Hình 5.47 Liên hệ và hỗ trợ 100
Hình 5.48 Đăng nhập 101
Hình 5.49 Hướng dẫn thanh điều hướng 102
Hình 5.50 Trang quản lý tài khoản admin 102
Hình 5.51 Sửa tài khoản 103
Hình 5.52 Giao diện xoá tài khoản 103
Hình 5.53 Giao diện thêm tài khoản 104
Hình 5.54 Giao diện tra cứu bài viết đã xoá 105
Hình 5.55 Giao diện quản lý bài viết admin 105

Hình 5.56 Giao diện quản lý bình luận 106
Hình 5.57 Giao diện quản lý báo cáo vi phạm.....106
Hình 5.58 Giao diện quản lý thông báo 107
Hình 5.59 Giao diện quản lý loại vi phạm 107
Hình 5.60 Giao diện quản lý màu sắc bài viết 108

LỜI CẢM ƠN

Chúng em xin chân thành cảm ơn khoa Công Nghệ Thông Tin, trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng em thực hiện đề tài tốt nghiệp này. Đặc biệt là cô Nguyễn Thị Ngọc đã tận tình chỉ bảo chúng em trong quá trình thực hiện đề tài.Chúng em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô trong khoa đã tận tình giãng dạy, trang bị cho em những kiến thức quý báu trong những năm qua.

Chúng em xin cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ và ủng hộ của các bạn bè trong quá trình thực hiện khoá đề tài

Tuy bài viết còn nhiều thiếu sót và hạn chế nhưng rất mong nhận được sự góp ý và nhận xét của quý thầy cô.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!

Tp.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2022

Nhóm sinh viên thực hiện

Trần Đức Minh& Nguyễn Ngọc Quân

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời đại 4.0 ngày nay, xã hội càng phát triễn, cuộc sống con người ngày càng hiện đại hoá. Bên cạnh những nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống thì những nhu cầu giải trí của con người ngày càng được nâng cao. Nhu cầu ch việc liên lạc, theo dõi, kết nối giữa con người và con người lại với nhau trở nên đơn giản và thật sự cần thiết. Cùng lúc đó chính là sự bùng nổ của các trang mạng xã hội ở Việt Nam, trên thế giới.

Mạng xã hội ngày càng đi sâu vào cuộc sống của con người. Có thể nói đây là mô hình mới nhất trong quá trình phát triển đương đại. đơn giản hoá các phương thức tương tác và kết nối con người lại với nhau trong suốt chiều dài lịch sử.

Hiện nay, Mạng xã hội không còn là gì xa lạ với chúng ta mà ngược lại mạng xã hội lại trở thành thói quen giải trí tiêu kiển hàng ngày của giới trẻ. Điển hình là mọi người có thể nhắn tin ,tiếp nhận thông tin thông qua mạng xã hội mà không cần phải nhắn tin qua sim điện thoại nữa, giảm,bớt chi phí mà hiệu quả một cách nhanh chóng.

Tuy đã cố gắng hết sức tìm hiểu, phân tích thiết kế và cài đặt hệ thống nhưng chắc chắn rằng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng em rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý của quý thầy, cô. Chúng em xin cảm ơn

Tp.HCM, Ngày 09 tháng 07 năM 2022

Nhóm sinh viên thực hiện

Trần Đức Minh & Nguyễn Ngọc Quân

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

1.1 Lý do chọn đề tài

Kể từ ki có mạng internet và nhất là khi có điện thoại thông minh, máy tính xách tay được chế tạo nhỏ gọn, việc sử dụng mạng xã hội (Facebook, Instagram, Zalo, Skys, Whatapp, Youtube, Linked, Twitter,… đã không còn xa lạ với hầu hết người dùng, kể cả trẻ em , thanh thiếu niên và người lớn tuổi. Nó giúp mọi người kết nối lại với nhau 1 cách dễ dàng hơn, giải trí, tiết kiệm chi phí thời gian ….

Nhắm nghiên cứu và góp phần phát triển đầy đủ 1 website mạng xã hội cung cấp các tính năng cần thiết để đáp ứng các lợi ích trên, nhóm chúng em đã tìm hiểu và thực hiện đề tài: 'XÂY DỰNG WEBSITE MẠNG XÃ HỘI QMSNet VỚI REACTJS VÀ NODEJS'

1.2 Ý nghĩa thực tiễn

1.2.1 Ý nghĩa với người dùng website:

Đặc điểm nỗi bật của mạng xã hội chính là đẩy mạnh tương tác với bạn bè, người thân, giúp bạn thoãi mái liên hệ với bạn bè, người thân ở bất cứ đâu chỉ cần bạn có trông tay 1 chiếc điện thoại thông minh và internet.

Thời đại ngày nay, con người có thói quen chia sẽ bày tỏ cảm xúc, quan điểm của mình trên mạng xã hội mà cho nhiều người biết tới một cách nhanh nhất.Bạn có thể chát chít với họ mà không cần phải tăng thêm tiền bạc mà có thể kết bạn với nhiều người mà mình muốn gặp hoặc chưa bao giờ có thể gặp.

Người dùng có thể đăng bài viết,bình luận, nhắn tin, chia sẽ hình ảnh cá nhân với mọi người xung quanh.

1.2.2 Ý nghĩa với cá nhân sinh viên:

Tạo ra 1 website thân thiện, nhanh, hiệu quả. Hoàn thành tốt luận án tốt nghiệp đồng thời qua đó tăng khả năng trình độ của mình.Để có hành trang tốt khi ra trường có công việc tốt.

CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG NGHỆ CÁC CÔNG CỤ SỬ DỤNG

2.1 Ngôn ngữ lập trình:

2.1.1 Javascript:

Nhiệm vụ của Javascript là xử lý những đối tượng HTML trên trình duyệt. Nó có thể can thiệp với các hành động như thêm / xóa / sửa các thuộc tính CSS và các thẻ HTML một cách dễ dàng. Hay nói cách khác, Javascript là một ngôn ngữ lập trình trên trình duyệt ở phía client. Tuy nhiên, hiện nay với sự xuất hiện của NodeJS đã giúp cho Javascript có thể làm việc ở backend.

Hình 2.1 Logo javascript

2.2 Front-end

2.2.1 Html

Hình 2.2 Logo HTML

HTML là nghĩa là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản. Nó dùng để định dạng bố cục, các thuộc tính liên quan đến cách hiển thị của một đoạn text và được hiển thị trên một chương trình đặc biệc, ta gọi là trình duyệt browser.

2.2.2 Css

Hình 2.3 Logo Css

CSS là chữ viết tắt của Cascading Style Sheets, nó là một ngôn ngữ được sử dụng để tìm và định dạng lại các phần tử được tạo ra bởi các ngôn ngữ đánh dấu (ví dụ như HTML). Bạn có thể hiểu đơn giản rằng, nếu HTML đóng vai trò định dạng các phần tử trên website như việc tạo ra các đoạn văn bản, các tiêu đề, bảng,…thì CSS sẽ giúp chúng ta có thể thêm một chút "phong cách" vào các phần tử HTML đó như đổi màu sắc trang, đổi màu chữ, thay đổi cấu trúc,…rất nhiều.

2.2.3 Reactjs

Reactjs**:** là một Opensource được phát triển bởi facebook, được ra mắt vào năm 2013. Bản thân nó là 1 thư viện javascript để xây dựng các tương tác với các thành phần trên website. Một trong những điểm nổi bật nhất của reactjs là việc render dữ liệu không chỉ thực thiện ở dưới tầng server mà còn ở dưới tầng client nữa.

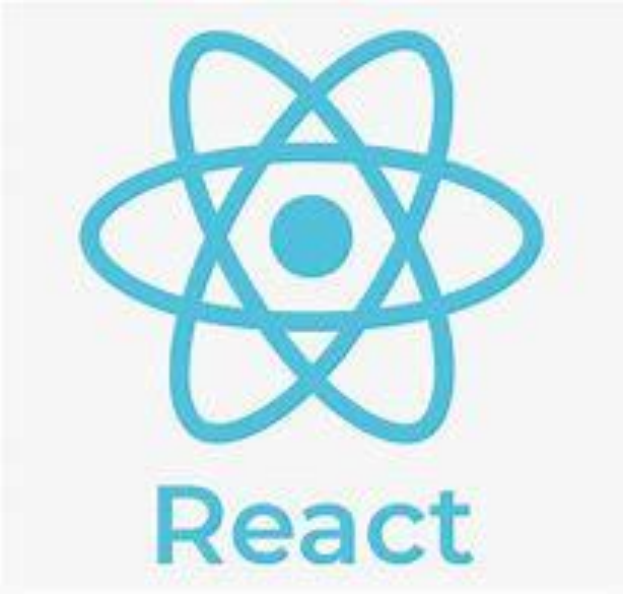

Hình 2.4 Logo Reactjs

Reacjs chuyên giúp các nhà phát triển xây dựng giao diện người dùng hay UI. Trong lập trình front-end, lập trình viên phải làm việc chính trên 2 thành phần là xử lý tương tác người dùng và UI. UI là tập hợp những thành phần mà bạn nhìn thấy được trên bất kì một ứng dụng nào , ví dụ có thể kể đến bao gômg menu, thanh tìm kiếm, những nút nhấn …

Phù hợp với đa dạng thể loại website: ReactJS khiến cho việc khởi tạo website dễ dàng hơn bởi vì bạn không cần phải code nhiều như khi tạo trang web thuần chỉ dùng JavaScript, HTML và nó đã cung cấp cho bạn đủ loại "đồ chơi" để bạn có thể dùng cho nhiều trường hợp.

Tái sử dụng các Component**:** Nếu bạn xây dựng các Component đủ tốt, đủ flexible để có thể thoả các "yêu cầu" của nhiều dự án khác nhau, bạn chỉ tốn thời gian xây dựng ban đầu và sử dụng lại hầu như toàn bộ ở các dự án sau.

Thân thiện với SEO: SEO là một phần không thể thiếu để đưa thông tin website của bạn lên top đầu tìm kiếm của Google. Bản chất ReactJS là một thư viện JavaScript, Google Search Engine hiện nay đã crawl và index được

code JavaScript, tuy nhiên bạn cũng cần thêm một vài thư viện khác để hỗ trợ điều này nhé!

Debug dễ dàng**:** Facebook đã phát hành 1 Chrome extension dùng trong việc debug trong quá trình phát triển ứng dụng. Điều đó giúp tăng tốc quá trình release sản phẩm cung như quá trình coding của bạn.

Có thể sử dụng cho cả Mobile application**:** Hầu hết chúng ta đều biết rằng ReactJS được sử dụng cho việc lập trình website, nhưng thực chất nó được sinh ra không chỉ làm mỗi đều đó. Nếu bạn cần phát triển thêm ứng dụng Mobile, thì hãy sử dụng thêm React Native – một framework khác được phát triển cũng chính Facebook, bạn có thể dễ dàng "chia sẻ" các Component hoặc sử dung lại các Business Logic trong ứng dụng.

2.2.4 Ant design:

Ant design là một thư viện UI được sử dụng phổ biến trong React. Nó cung cấp hầu hết các thành phần thường dùng trong web hiện nay như Button, DatePicker, Modal, Form…, ngoài ra ant design còn có một số thành phần đặc biệt như LocaleProvider cho phép bạn thay đổi ngôn ngữ toàn ứng dụng.

Hình 2.5 Logo Ant design

Hơn nữa, antd có thể được kết hợp với các mô-đun css hoặc sass. Từ đó chúng ta có thể thay đổi các thành phần dễ dàng hơn so với Material Ui. Vậy là mới đây, số lượt thích trên github của ant design đã vượt qua Material Ui với hơn 70k lượt thích

Ant Design for React có thể coi là tập hợp của hầu hết các thư viện React. Nó đáp ứng hầu hết các yêu cầu của bạn trong dự án mà không cần cài đặt thêm bất kỳ thư viện nào.

2.2.5 Axios

Hình 2.6 Logo axios

Axios là một HTTP client dựa được phát triển trên đối tượng Javascript Promise, nó có thể sử dụng trong các ứng dụng font-end Vue.js, React, Angular... Sử dụng Axios dễ dàng gửi đi các request HTTP bất đồng bộ đến các REST endpoint và thực hiện các chức năng CRUD.

2.3 Quản lý mã nguồn:

2.3.1 Git và Git Hub

Git là một hệ thống quản lý phiên bản phân tán (Distributed Version Control System – DVCS), nó là một trong những hệ thống quản lý phiên bản phân tán phổ biến nhất hiện nay. Git cung cấp cho mỗi lập trình viên kho lưu trữ (repository) riêng chứa toàn bộ lịch sử thay đổi.

Hình 2.7 Logo Github và Git

VCS là hệ thống kiểm soát các phiên bản phân tán mã nguồn mở**.** Các VCS sẽ lưu trữ tất cả các file trong toàn bộ dự án và ghi lại toàn bộ lịch sử thay đổi của file. Mỗi sự thay đổi được lưu lại sẽ được và thành một version (phiên bản).Hệ thống giúp lập trình viên có thể lưu trữ nhiều phiên bản khác nhau của một mã nguồn được nhân bản (clone) từ một kho chứa mã nguồn (repository), mỗi thay đổi vào mã nguồn trên local sẽ có thể ủy thác (commit) rồi đưa lên server nơi đặt kho chứa chính

GitHub là một hệ thống quản lý dự án và phiên bản code, GitHub được coi giống như một mạng xã hội dành riêng cho các lập trình viên. Với GitHub, các lập trình viên có thể clone lại mã nguồn từ một repository. Nó cũng là một dịch vụ máy chủ repository giúp lưu trữ code và mỗi người có thể tạo tài khoản trên đó để tạo ra các kho chứa của riêng mình để làm việc.

2.4 Back-end

2.4.1 Nodejs

NodeJS là một mã nguồn được xây dựng dựa trên nền tảng Javascript V8 Engine, nó được sử dụng để xây dựng các ứng dụng web như các trang video clip, các forum và đặc biệt là trang mạng xã hội phạm vi hẹp. NodeJS là một mã nguồn mở được sử dụng rộng bởi hàng ngàn lập trình viên trên toàn thế giới.

Hình 2.8 Logo Nodejs

2.4.2 Express

ExpressJS là một trong những framework phổ biến dùng để xây dựng API và Website phổ biến nhất của NodeJS. Nó được sử dụng rộng rãi đến mức hầu như mọi dự án Web nào đều bắt đầu bằng việc tích hợp Express. Có rất nhiều lý do để chọn

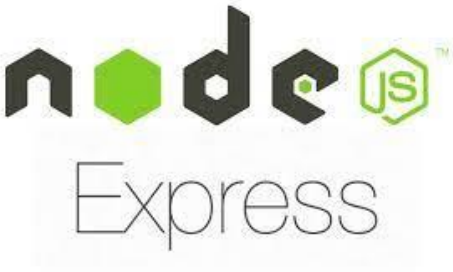

Hình 2.9 Logo Express

- Có nhiều tính năng hỗ trợ tất cả những gì bạn cần trong việc xây dựng Web và API
- Quản lý các route dễ dàng
- Cung cấp một nền tảng phát triển cho các API
- Hỗ trợ nhiều thư viện và plugin
- Bảo mật và an toàn hơn so với việc code thuần
- Cộng đồng hỗ trợ tuyệt vời

2.4.3 Mongooses

Mongooses là một thư viện mô hình hóa đối tượng (Object Data Model - ODM) cho MongoDB và Node.js. Nó quản lý mối quan hệ giữa dữ liệu, cung cấp sự xác nhận giản đồ và được sử dụng để dịch giữa các đối tượng trong mã và biểu diễn các đối tượng trong MongoDB.

2.5 Gửi email

2.5.1 Nodemailer:

Hình 2.10 Logo Nodemailer

Nodemailer là một module cho các ứng dụng Node.js để cho phép dễ dàng gửi email.

Cài đặt :sau khi cài đặt npm Mở cmd. Nhập ‘npm install nodemailer’

2.6 Quản lý trạng thái ứng dụng

2.6.2 Redux

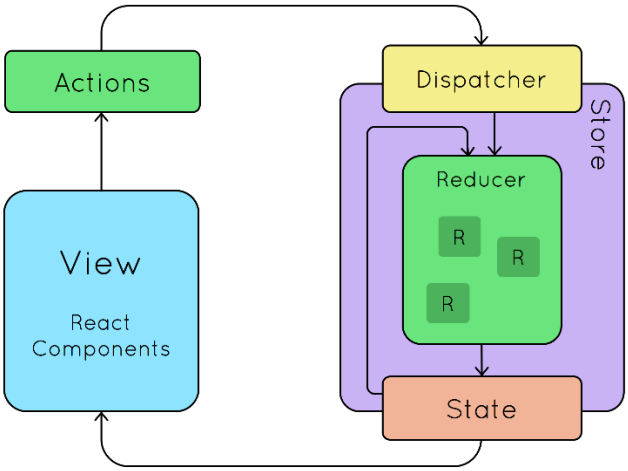

Hình 2.11 Phương thức hoạt động của redux

Redux js là một thư viện Javascript giúp tạo ra thành một lớp quản lý trạng thái của ứng dụng.

2.6.3 Redux saga

Hình 2.12 Logo Redux-saga

Redux saga là một thư viện redux middleware, giúp quản lý những side effect trong ứng dụng redux trở nên đơn giản hơn. Bằng việc sử dụng tối đa tính năng Generators (function) của ES6 để xử lý bất đồng bộ

2.7 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và lưu trữ dữ liệu

2.7.1 MongoDB

MongoDB là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu mã nguồn mở, là CSDL thuộc NoSql và được hàng triệu người sử dụng.

MongoDB là một database hướng tài liệu (document), các dữ liệu được lưu trữ trong document kiểu JSON thay vì dạng bảng như CSDL quan hệ nên truy vấn sẽ rất nhanh.

Hình 2.13 Logo MongoDB

Với CSDL quan hệ chúng ta có khái niệm bảng, các cơ sở dữ liệu quan hệ (như MySQL hay SQL Server...) sử dụng các bảng để lưu dữ liệu thì với MongoDB chúng ta sẽ dùng khái niệm là collection thay vì bảng.

Các collection trong MongoDB được cấu trúc rất linh hoạt, cho phép các dữ liệu lưu trữ không cần tuân theo một cấu trúc nhất định.

Thông tin liên quan được lưu trữ cùng nhau để truy cập truy vấn nhanh thông qua ngôn ngữ truy vấn MongoDB.

2.7.2 Cloud Mongo Atlas:

MongoDB Atlas là cloud database của MongoDB được ra mắt vào năm 2016 chạy trên AWS, Microsoft Azure và Google Cloud Platform. Nó cũng cung cấp rất nhiều các công cụ để quản lý khai thác, phân tích dữ liệu.

Hình 2.14 Logo MongoDB Atlas

2.7.3 Cloudinary

Hình 2. 15 Logo Cloudinary

Cloudinary là Dịch vụ lưu trữ đám mây.Nó cung cấp một giải pháp quản lý hình ảnh, video bao gồm upload, lưu trữ, thao tác, tối ưu hóa.

Với cloudinary bạn có thể dễ dàng upload ảnh lên cloud, tự động thực thi các thao tác với ảnh một cách thông minh mà không cần phải cài đặt bất kì một phần mềm phức tạp nào khác. Cloudinary cung cấp các APIs toàn diện và màn hình quản lý giúp chúng ta dễ dàng tích hợp vào các trang web và ứng dụng di động.

2.8 công cụ quản lý gói pakage

2.8.1 Npm

Hình 2.16 Logo Npm

Npm (Node package manager) là một công cụ tạo, quản lý các thư viện lập trình javascript cho Nodejs.Có rất nhiều các lập trình viên trong Javascript sử dụng Node thường xuyên, điều này giúp chia sẻ các công cụ và cài đặt nhiều mô-đun khác nhau cho việc quản lý dependency. Node package manager còn giúp cho các dự án mới không phải viết lại các thành phần cơ bản hoặc các thư viện lập trình hay thậm chí cả các framework.

Cách cài đặt :

Download nodejs tại nodejs.org và giải nén và chạy chương trình. Kiểm tra đã có chương trình hay chưa mở cmd nhập lệnh ‘npm-v’ để xem version của npm. Nếu muốn cài đặt 1 thư viện nào đó nhập lệnh ‘npm install pakage-name’.

Kiểm tra các gói cài đặt bằng cách tạo ra file Package.json. Mở cmd.

Nhập ‘npm init’. Các gói đã cài đặt hiện trên file theo kiểu json.

Xoá các gói đã cài đặt. Ta mở cmd . Nhập ‘npm unistall package_name’

2.9 Công cụ kết nối tức thì giữa server và client

2.9.1 SocketIO

Quá trình giao tiếp giữa server và client đặc biệt cần thiết khi tùy cập vào bất kỳ website ứng dụng nào. Theo đó, để server và client nhận biết thay đổi đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của một số giao thức như short-polling, AJAX,.. Tuy nhiên, những tiêu tốn nhiều tài nguyên, hiệu suất hoạt động chưa cao.

Nhằm khắc phục những nhược điểm trên, Socket IO đã ra đời tạo thuận lợi cho quá trình giao tiếp giữa server và client. Công cụ này chính thức được phát hành từ năm 2010. Đây có thể xem như công cụ hỗ trợ tạo môi trường giao tiếp thuận lợi hơn trong hệ thống mạng internet. Từ đó trả về kết quả hữu ích ngay tại thời điểm các bên đang giao tiếp với nhau. Quá trình tương tác giữa server và client được duy trì bởi Socket IO với điều kiện client cần module tại trình duyệt. Đồng thời, server phải tích hợp sẵn dịch vụ Socket IO. Phần lớn ứng dụng tích hợp Socket IO đều yêu cầu tốc độ phản hồi ngay

SocketIO là một web-socket framework có sẵn cho nhiều ngôn ngữ lập trình.

Hình 2.17 Logo SoketIO

Trong NodeJS, SocketIO cho phép xây dựng một các ứng dụng realtime như chatbot, tickers, dashboard APIs, và nhiều ứng dụng khác. SocketIO có lợi ích hơn so với NodeJS thông thường.

- Hỗ trợ route URL tùy chỉnh cho web socket
- Tích hợp dễ dàng hơn với Express JS

Cài đặt :Sau khi tải npm. Ta mở cmd. Sau đó nhập ‘npm install socketio’.

Nguyên lý hoạt động:

Cơ chế hoạt động của một ứng dụng realtime đó là thông qua server để lắng nghe (listen) data và truyền data về các máy client. Vì vậy cần cài khai báo sử dụng socketio ở cả phía server và clien

Để lắng nghe data, ta sử dụng câu lệnh socket.on(), để phát dữ liệu thì sử dụng lệnh socket.emit() .

CHƯƠNG 3: YÊU CẦU CHỨC NĂNG

3.1 Lược đồ Use case

3.1.1 Lược đồ chức năng cho phân hệ thành viên

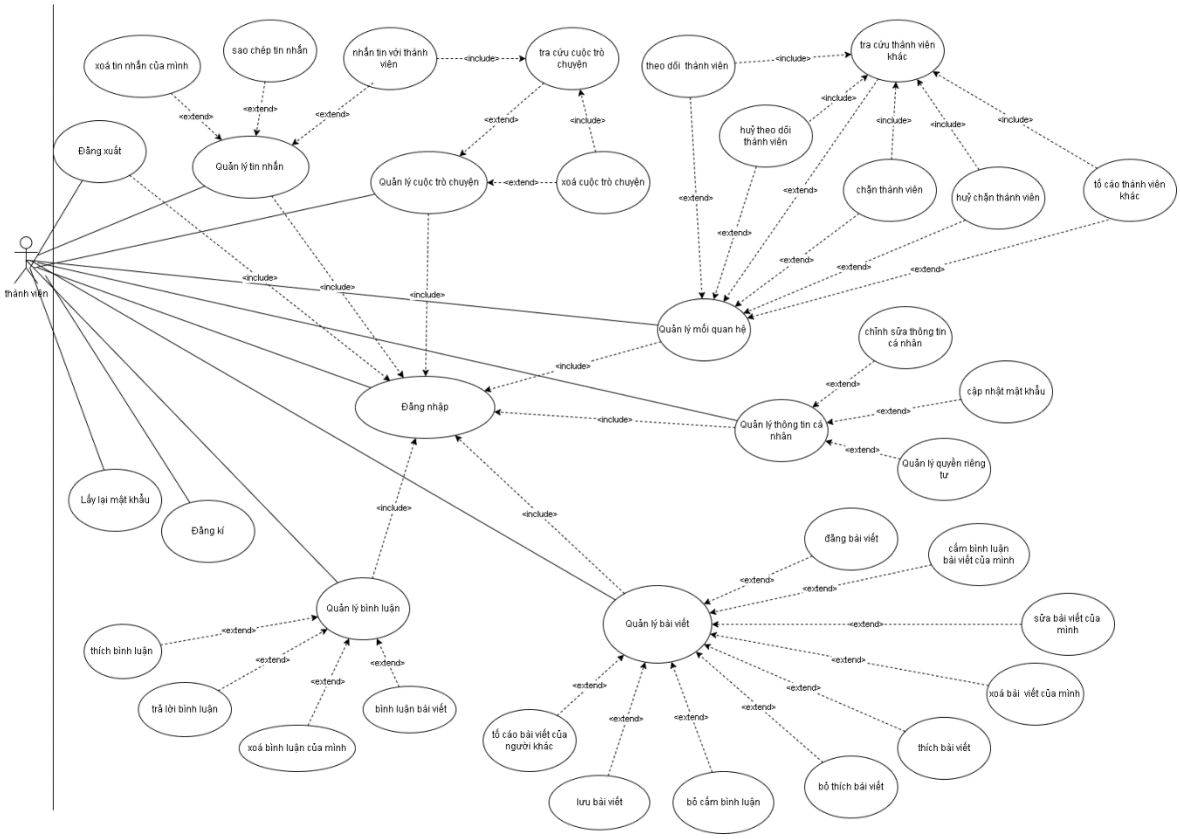

Hình 3.1 Lược đồ chức năng cho hệ thành viên

3.1.2 Lược đồ chức năng cho phân hệ quản trị viên

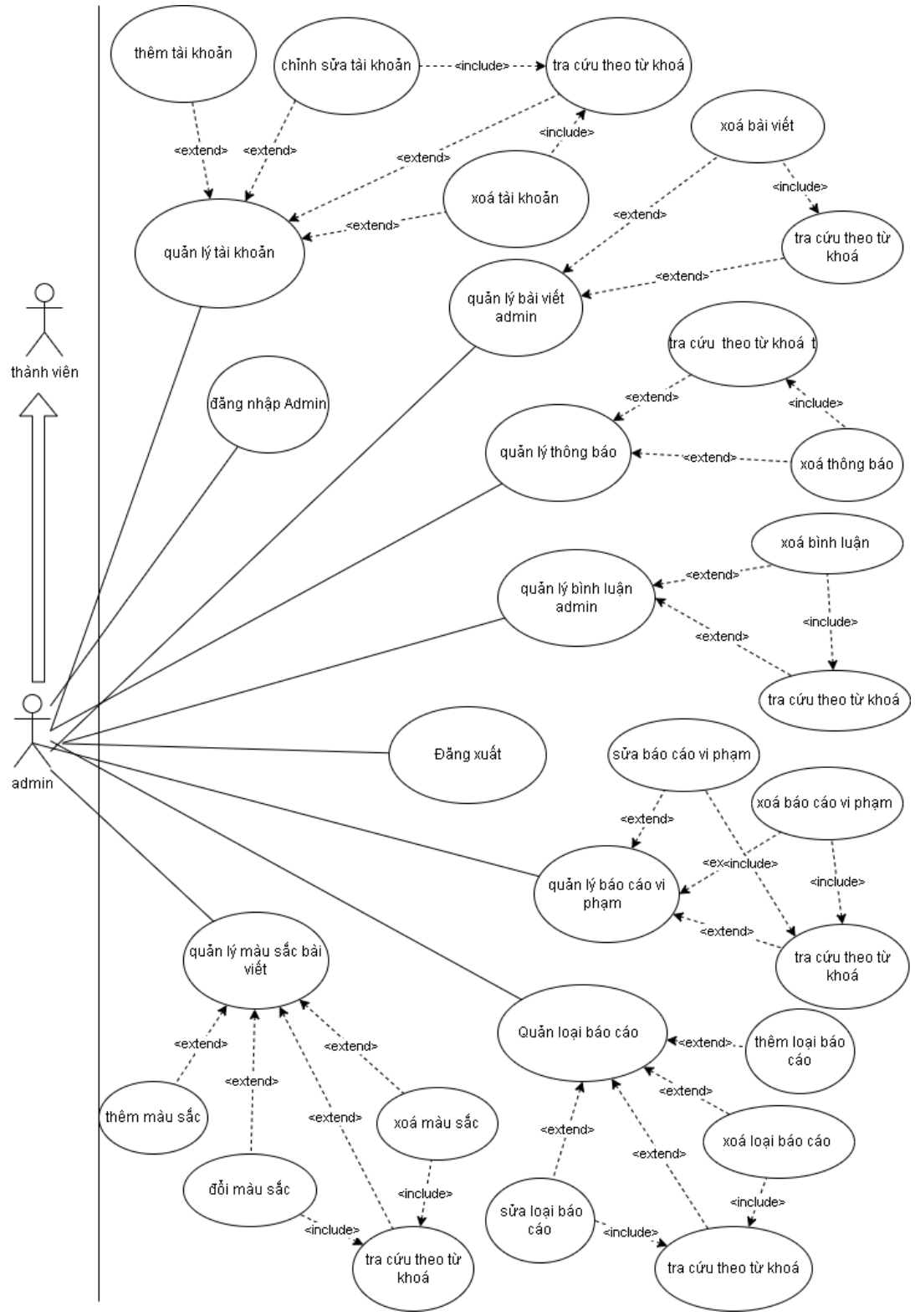

Hình 3.2 Lược đồ chức năng cho hệ quản trị viên

3.2 Danh sách Use case

3.2.1Bảng damh sách chức năng cho thành viên

Bảng 3.1 Danh sách chức năng cho thành viên

mã	Tên use case	Ý nghĩa
UC01	Đăng kí	Người dùng đăng kí tài khoản
UC02	Đăng nhập	Người dùng đăng nhập
UC03	Đăng xuất	Người dùng đăng xuất
UC04	Lấy lại mật khẩu	Người dùng có thể sửa mật khẩu khi đã quên mật khẩu
UC05	Quản lý bài viết	Quản lý các chức năng tương tác với bài viết
UC06	Đăng bài viết	Người viết đăng bài viết của mình
UC07	Cấm bình luận bài viết của mình	Người viết không cho phép người khác bình luận bài viết của mình
UC08	Sửa bài viết của mình	Chỉnh sửa bài viết của mình
UC09	Xoá bài viết của mình	Xoá bài viết của mình
UC10	Thích bài viết	Thích/bỏ thích bài viết của mình và của người khác
UC11	Bỏ thích bài viết	Bỏ thích bài viết
UC12	Bỏ cấm bình luận	Bỏ cấm bình luận bài viết
UC13	Lưu bài viết	Lưu bài viết
UC14	Tố cáo bài viết của thành viên khác	Tố cáo bài viết của thành viên khác
UC15	Quản lý bình luận	Quản lý bình luận
UC16	Bình luận bài viết	Bình luận bài viết
UC17	Xoá bình luận của mình	Xoá bình luận bài viết của mình
UC18	Trả lời bình luận	Trả lời bình luận

UC19	Thích bình luận	Thích bình luận
UC20	Quản lý tin nhắn	Quản lý bình luận
UC21	Nhắn tin với thành viên	Nhắn tin với thành viên khác
UC22	Sao chép tin nhắn	Sao chéo tin nhắn
UC23	Xoá tin nhắn	Xoá tin nhắn
UC24	Quản lý cuộc trò chuyện	Quản lý cuộc trò chuyện
UC25	Xoá cuộc trò chuyện	Xoá cuộc trò chuyện
UC26	Tra cứu cuộc trò chuyện	Tra cứu cuộc trò chuyện
UC27	Quản lý mối quan hệ	Quản lý mối quan hệ thành viên
UC28	Theo dõi thành viên	Theo dõi thành viên
UC29	Huỷ theo dõi thành viên	Huỷ theo dõi thành viên
UC30	Chặn thành viên	Chặn thành viên
UC31	Tra cứu thành viên	Tra cứu thành viên
UC32	Huỷ chặn thành viên	Huỷ chặn thành viên
UC33	Tố cáo thành viên	Tố cáo thành viên
UC34	Quản lý thông tin cá nhân	Quản lý thông tin cá nhân
UC35	Cập nhật mật khẩu	Cập nhật mật khẩu
UC36	Chỉnh sửa thông tin cá nhân	Chỉnh sửa thông tin cá nhân
UC37	Quản lý quyề n riêng tư	quản lý quyền riêng tư

3.2.2 Bảng danh sách chức năng cho Admin

Bảng 3.2 Danh sách chức năng Admin

mã	Tên use case	Ý nghĩa
UCA01	Đăng nhập	Đăng nhập Admin
UCAD02	Quản lý tài khoản	Quản lý tài khoản
UCA03	Quản lý bài viết admin	Quản lý bài viết
UCAD04	Quản lý thông báo	Quản lý thông báo
UCAD05	Quản lý bình luận admin	Quản lý bình luận
UCAD06	Quản lý báo cáo vi phạm	Quản lý báo cáo vi phạm
UCAD07	Quản lý loại báo cáo	Quản lý các loại báo cáo vi phạm
UCAD08	Quản lý màu sắc bài viết	Quản lý màu sắc bài viết
UCAD09	Thêm tài khoản	Thêm tài khoản mới
UCAD10	Chỉnh sửa tài khoản	Chỉnh sửa thông tin, trạng thái tài khoản
UCAD11	Xoá tài khoản	Xoá tài khoản
UCAD12	Xoá bài viết	Xoá bài viết
UCAD13	Xoá thông báo	Xoá thông báo
UCAD14	Xoá bình luận	Xoá bình luận
UCAD15	Xoá báo cáo vi phạm	Xoá báo cáo vi phạm
UCAD16	Sửa báo cáo vi phạm	Sửa báo cáo vi phạm
UCAD17	Xoá loại báo cáo	Xoá loại báo cáo
UCAD18	Thêm loại báo cáo	Thêm loại báo cáo vi phạm
UCAD19	Sửa loại báo cáo	Chỉnh sửa loại báo cáo vi phạm
UCAD20	Xoá màu sắc	Xoá màu sắc bachgrounf của bài viết
UCAD21	Thêm màu sắc	Thêm màu nền , màu chữ vào bài viết
UCAD22	Đổi màu sắc	Đổi màu sắc của bài viết

UCAD23	Tra cứu theo từ khoá	Tra cứu chủ thể theo yêu cầu của chức năng quản lý

3.3 Đặc tả Usecase

3.3.1 Đặc tả Usecase dành cho phân hệ thành viên

Bảng 3.3 Đăng kí

Use Case Id	UC01
Tên Use Case	Đăng kí
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Chức năng này cho phép người dùng tạo tài khoản mới để có thể truy cập mạng xã hội
Kết quả	Người dùng có tài khoản để truy cập mạng xã hội
Dòng sự kiện chính	Từ trang đăng nhập, người dùng chọn vào nút đăng kí trên màn hình. Trang đăng kí hiện ra, bạn nhập thông tin theo yêu cầu: email, tên đầy đủ, tên người dùng, mật khẩu. Chọn nút đăng kí . Hệ thống gửi email yêu cầu xác nhận qua email đã đăng kí Hộp thoại đăng kí thành công hiện ra và chọn đóng. Kiểm tra email, mở mail của Qmsnet gửi chọn xác nhận tài khoản. khi đó hộp thoại xác nhận tài khoản thành công sẽ xuất hiện. chọn đóng. Và người dùng có thể đăng nhập tài khoản
Dòng sự kiện khác	Khi người dùng để trống 1 trường thì không để chọn nút đăng kí. Nếu tên tài khoản/email đăng kí đã tồn tại thì hộp thoại thông báo tài khoản/ email đã tồn tại, yêu cầu nhập tên tài khoản/email khác.

Điều kiện tiên quyết	không có

Bảng 3.4 Đăng nhập

Use Case Id	UC02
Tên Use Case	Đăng nhập
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Chức năng này cho phép người dùng đăng hập bằng tài khoản đã đăng kí,
Kết quả	Người dùng đã đăng nhập tài khoản thành công, chuyển vào trang chủ khi thành công
Dòng sự kiện chính	Từ trang đăng nhập.Người dùng nhập email và mật khẩu chọn nút đăng nhập. Đăng nhập thành công đưa về trang chủ
Dòng sự kiện khác	Người dùng nhập sai email hoặc mật khẩu thì hệ thống báo lỗi, yêu cầu nhập lại email hoặc tên đăng nhập. Tài khoản bị khoá thì sẽ đưa ra thông báo liên hệ với admin qua gmail.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải đăng kí thành công vào tài khản của mình

Bảng 3.5 Đăng xuất

Use Case Id	UC03
Tên Use Case	Đăng xuất
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Chức năng này cho phép thành viên đăng xuất ra khỏi website
Kết quả	Người dùng đã đăng xuất tài khoản thành công, đưa người dùng vào trang login
Dòng sự kiện chính	Từ trang chủ người dùng chọn vào hình đại diện trên góc phải màn hình, Chọn đăng xuất
Dòng sự kiện khác	Không có sự kiện khác.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản của mình

Bảng 3.6 Lấy lại mật khẩu

Use Case Id	UC04
Tên Use Case	Lấy lại mật khẩu
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Chức năng này cho người dùng lấy mật khẩu mới do hệ thống đề ra
Kết quả	Người dùng thay đổi mật khẩu thành công
Dòng sự kiện chính	Từ trang đăng nhập, người dùng chọn Quên mật khẩu. Hộp thoại yêu cầu nhập email hiện ra .Yêu cầu mình nhập email. Sau khi nhập email chọn nút Quên mật khẩu. hiện ra hộp thoại yêu cầu kiểm tra email. Kiểm tra email của mình sẽ chọn vào nút nhận mật

	khẩu mới. Trang sẽ chuyển hướng sang 1 trang có chứa mật khẩu email mới. Lấy mật khẩu mới email này đăng nhập với email của bạn. Thay mật khẩu bạn muốn ở UC42
Dòng sự kiện khác	Người dùng nhập sai email thì hệ thống báo không tồn tại email này.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải có email đăng kí trước đó

Bảng 3.7 Quản lý bài viết

Use Case Id	UC05
Tên Use Case	Quản lý bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Chức năng này cho phép người dùng quản lý các chức năng tương tác với bài viết
Kết quả	Thành viên sẽ thấy được các chức năng tương tác với bài viết
Dòng sự kiện chính	Từ trang chủ, sau khi đăng nhập, chọn nút 3 chấm trên bài viết muốn quản lý. Nếu là bài viết của thành viên khác thanh chức năng hiện ra gồm ‘lưu bài viế’t và ‘báo cáo bài viế’t Nếu là bài viết của thành viên thanh công cụ hiện ra: ‘lưu bài viết’, ‘chỉnh sửa bài viết’, ‘tắt bình luận’, ‘xoá bài viết’.
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải đăng nhập trước đó

Bảng 3.8 Đăng bài viết

Use Case Id	UC06
Tên Use Case	Đăng bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên có thể đăng bài viết của mình
Kết quả	Bài viết mới xuất hiệntrên tường cá nhân của thành viên đó và trang chủ của mọi người theo dõi bạn
Dòng sự kiện chính	B1: chọn vào 'Bạn đang nghĩ gì ' trên trang chủ, hoặc chọn vào tạo bài viết trên góc phải màn hình. B2: nhập nội dung bài viết, chọn 'chế độ riêng tư' B3: chọn 'đăng' Hộp thoại thông báo thành công hiện ra và chọn
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản của mình

Bảng 3.9 Cấm bình luậnbài viết của mình

Use Case Id	UC07
Tên Use Case	Cấm bình luận bài viết của mình
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên cấm tất cả bình luận của mọi người
Kết quả	Người khác không thể viết được bình luận vào bài viết của bạn
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý bài viết(UC05) , chọn 'cấm bình luận'
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản của mình Phải là bài viết của mình mới có quyền cấm bình luận

Bảng 3.10 Sửa bài viết của mình

Use Case Id	UC08
Tên Use Case	Sửa bài viết của mình
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn có thể sửa bài viết của mình
Kết quả	Nội dung bài viết của bạn được sửa đổi
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý bài viết(UC05) , chọn 'chỉnh sửa bài viết' B2:Chọn trạng thái. Nhập nội dung sửa bài viết. B3:Chọn 'Đăng'.Hộp thoại thông báo đã chỉnh sửa thành công hiện ra, và nội dung đã được sửa.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản của mình Phải là bài viết của bạn bạn mới có quyền chỉnh sửa.

Bảng 3.11 Xoá bài viết của mình

Use Case Id	UC09
Tên Use Case	Xoá bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên xoá bài viết của mình
Kết quả	Xoá bài viết thành công
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý bài viết(UC05) , chọn xoá bài viết Xuất hiện hộp thư thoại 'xác nhận bạn muốn xoá bài viết' B2: chọn 'Xoá' thì xuất hiện hộp thư xác nhận đã xoá .

Dòng sự kiện khác	Nếu xác nhận là 'huỷ 'thì sẽ đưa về trạng thái ban đầu
Điều kiện tiên quyết	Phải là bài viết của mình mới có quyền xoá bài viết

Bảng 3.12 Thích bài viết

Use Case Id	UC10
Tên Use Case	Thích bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên thích bài viết
Kết quả	Icon trái tim hiện màu đỏ, số lượng lượt thích tăng lên 1
Dòng sự kiện chính	Tìm bài viết bạn muốn thích trên tường hoặc dòng thời gian của bạn và của thành viên khác, chọn nút hình trái tim dưới góc bài viết
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Bạn phải đăng nhập được vào tài khoản của bạn

Bảng 3.13 Bỏ thích bài viết

Use Case Id	UC11
Tên Use Case	Bỏ thích bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên bỏ thích bài viết
Kết quả	Icon trái tim chuyển sang màu trắng, Số lượng lượt thích giảm 1
Dòng sự kiện chính	Bạn tích vào biểu tượng icon trái tim màu đỏ dưới góc trái của bài viết
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác

Điều kiện tiên quyết	Bạn phải thực hiện chức năng thích bài viết mới có thể thực hiện chức năng này. Bạn cần phải đăng nhập vào hệ thống.

Bảng 3.14 Bỏ cấm bình luận

Use Case Id	UC12
Tên Use Case	Bỏ cấm bình luận
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Người khác có thể vào bình luận bài viết của bạn
Kết quả	Người khác có thể vào bình luận bài viết của bạn
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý bài viết(UC05) , chọn bỏ cấm bình luận
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Phải là bài viết do người đó tạ ra mới có quyền. Trước đó đã thực hiện chức năng cấm bình luận

Bảng 3.15 Lưu bài viết

Use Case Id	UC13
Tên Use Case	Lưu bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn có thể lựu bài viết của mình trong mục lưu bài viết
Kết quả	Bài viết đã được lưu
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý bài viết(UC05) , chọn lưu bài viết Hộp thoại thông báo bài viết đã được lưu B2: chọn đúp chuột vào biểu tượng icon tài khoản

	của mình trên thanh menu. Chọn 'bài viết đã lưu',ở đây ta thấy tất cả bài viết mình đã lưu từ trước.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Không có điều kiện tên quyết

Bảng 3.16 Tố cáo bài viết của thành viên khác

Use Case Id	UC14
Tên Use Case	Tố cáo bài viết của thành viên khác
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn tố cáo bài viết của người khác
Kết quả	Bài viết tố cáo được gửi lên cho admin để admin xem xét và xử lý. Đưa ra tố cáo thành công
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý bài viết(UC05) , chọn 'tố cáo bài viết' Hộp thoại yêu cầu nhập loại báo cáo vi phạm, Nhập nội dung thêm. Chọn 'tố cáo '. thì bài của bạn đã được tố cáo
Dòng sự kiện khác	Tại B2: bạn chọn huỷ thì sẽ không thực hiện chức năng này. Nếu admin 'xác nhận' hơn 3 lần tố cáo đúng thì tài khoản sẽ bị khoá.
Điều kiện tiên quyết	Không có điều kiện tiên quyết

Bảng 3.17 Quản lý bình luận

Use Case Id	UC15
Tên Use Case	Quản lý bình luận
Tác nhân	Thành viên

Tóm tắt	Bạn quản lý bình luận của mình
Kết quả	Xuất hiện các chức năng: tố cáo bình luận, thích bình luận, xoá bình luận
Dòng sự kiện chính	B1Chọn bài viết bạn muốn quản lý B2: Chọn‘ tất cả bình luận’,và cuộn con chuột B3: , Khi thấy bình luận bạn muốn quản lý, chọn nào nút ‘…’ bên phải bình luận đó
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Bạn phải tra cứu được bài viết tại chức năng

Bảng 3.18 Bình luận bài viết

Use Case Id	UC16
Tên Use Case	Bình luận bài viết
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn có thể bình luận bài viết của mình và của người khác
Kết quả	Dưới bài viết xuất hiện bài viết của bạn
Dòng sự kiện chính	B1: bạn tìm kiếm bài viết bạn muốn tìm trên dòng thời gian của bạn hoặc tường của người khác. B2: bạn chọn vào mục ‘thêm bình luận’ để bình luận B3:Sau đó chọn ‘đăng’.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Bạn phải theo dõi thành viên đăng bài viết mới có thể bình luận

Bảng 3.19 Xoá bình luận

Use Case Id	UC17

Tên Use Case	Xoá bình luận của mình
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn xoá bình luận của mình của mình
Kết quả	Bình luận không cồn xuất hiện nữa
Dòng sự kiện chính	B1:Từ quản lý bình luận(UC16), chọn xoá bình luận. Hộp thoại xác nhận bạn muốn xoá bình luận hiện lên. B2:Chọn 'xoá'.Bình luận biến mất trên bài viết
Dòng sự kiện khác	Nếu B2: chọn 'huỷ 'thì chức năng này sẽ không thực hiện**.**
Điều kiện tiên quyết	Thành viên đã Bình luận viết, thành viên mới thực hiện chức năng này.

Bảng 3.20 Trả lời bình luận

Use Case Id	UC18
Tên Use Case	Trả lời bình luận
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Trả lời bình luận khác
Kết quả	Bài viết xuất hiện thêm bình luận con của bình luận muốn trả lời
Dòng sự kiện chính	B1:Chọn bình luận muốn trả lời, chọn 'trả lời'. B2: nhập nội dung trả lời rồi chọn 'đăng'.Nội dung bình luận sẽ xuất hiện the thứ tự từ trên xuống theo thứ tự thời gian sớm nhất đến trể nhất
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Bạn phải đăng nhập vào tài khoản Phải xác định đúng bình luận mình muốn trả lời.

Bảng 3.21 Thích bình luận

Use Case Id	UC19
Tên Use Case	Thích bình luận
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn thích bình luận của mình và của người khác.
Kết quả	Icon bên trái bình luận sẽ xuất hiện màu đỏ.
Dòng sự kiện chính	B1:Chọn bình luận ,thành viên chọn tích vào icon 'trái tim' màu trắng . Icon màu trắng chuyển sang màu đỏ. Lượt thích sẽ cộng thêm 1
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Phải tra cứu được bình luận bạn muốn thích.

Bảng 3.22 Quản lý tin nhắn

Use Case Id	UC20
Tên Use Case	Quản lý tin nhắn
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bạn có thể quản lý các chức năng trong tin nhắn của mình
Kết quả	Hiện lên các chức năng trong tin nhắn
Dòng sự kiện chính	B1:Chọn tin nhắn muốn quản lý trong cuôc trò chuyện. B2:Trong chọn '…' bên trái tin nhắn thành viên muốn quản lý tin nhắn của bạn. Bên phải nếu đó là tin nhắn của thành viên khác. Các chức năng hiện ra: xoá hoặc sao chép nếu đó là Tin nhắn của thành viên đó
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải tra cứu được tin nhắn muốn quản lý.

Bảng 3.23 Nhắn tin với thành viên

Use Case Id	UC21
Tên Use Case	Nhắn tin với thành viên
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Tin nhắn của bạn được hiện thị lên cuộc trò chuyện.
Kết quả	Tin nhắn được đưa lên cuộc trò chuyện của 2 người thành công và theo thứ thự thời gian của tin nhắn
Dòng sự kiện chính	B1:Từ tra cứu cuộc trò chuyện (UC26). Thành viên chọn , nhập nội dung vào ô text box dươi cuộc trò chuyện. B2: chọn vào hình 'icon mũi tên bên trái text box' Nội dung được gắn lên hội thoại cuộc trò chuyện
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Thành viên phải tra cứu đúng người nhắn tin và mở hộp thoại cuộc trò chuyện.

Bảng 3.24 Sao chép tin nhắn

Use Case Id	UC22
Tên Use Case	Sao chép tin nhắn
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên sao chép tin nhắn
Kết quả	Tin nhắn được lưu tại dữ liệu tạm thời của bạn
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý tin nhắn(UC20) , chọn sao chép tin nhắn
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Thành viên phải tra cứu đúng người nhắn tin và mở hộp thoại cuộc trò chuyện.

	Chọn đúng tin nhắn muốn sao chép

Bảng 3.25 Xoá tin nhắn

Use Case Id	UC23
Tên Use Case	Xoá tin nhắn
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Xoá tin nhắn của bạn trên hộp thoại trò chuyện
Kết quả	Tin nhắn của bạn không còn xuất hiện trên hộp thoại trò chuyện nữa
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý tin nhắn(UC20) , chọn sao xoá tin nhắn. Hộp thoại xác nhận bạn muốn xoá tin nhắn xuất hiện B2: Bạn chọn 'Xoá' Vị trí Tin nhắn trên hộp thại cuộc trò chuyện chuyển sang 'tin nhắn đã bị thu hồi'
Dòng sự kiện khác	Tại B2: chọn 'huỷ' thì chức năng này không được thực hiện
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Thành viên phải tra cứu đúng người nhắn tin và mở hộp thoại cuộc trò chuyện. Chọn đúng tin nhắn muốn xoá

Bảng 3.26 Quản lý cuộc trò chuyện

Use Case Id	UC24
Tên Use Case	Quản lý cuộc trò chuyện
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên quản lý cuộc trò chuyện của mình, thông qua các chức năng: Xoá cuộc trò chuyện, chặn người dùng.

Kết quả	Thấy được các chức năng quản lý cuộc trò chuyện
Dòng sự kiện chính	B1:Từ tra cứu cuộc trò chuyện(UC26), B2:Chọn'…' bên phải cuộc trò chuyện gần dấu'X'.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Thành viên phải tra cứu đúng người để mở hộp thoại cuộc trò chuyện.

Bảng 3.27 Xoá cuộc trò chuyện

Use Case Id	UC25
Tên Use Case	Xoá cuộc trò chuyện
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên xoá cuộc trò chuyện giữa mình và người khác.
Kết quả	Cuôc trò chuyện sẽ bị xoá.
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý cuộc trò chuyện(UC24) , chọn 'xoá cuộc trò chuyện bài viết'. Hộp thoại thông báo xác nhận bạn muốn xoá cuộc trò chuyện. B2:Chọn 'Xoá'.
Dòng sự kiện khác	Tại B2: thành viên chọn 'huỷ ' thiif chức năng này không được thực hiện.
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Thành viên phải có cuộc hội thoại với người kia.

Bảng 3.28 Tra cứu cuộc trò chuyện

Use Case Id	UC26
Tên Use Case	Tra cứu cuộc trò chuyện

Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên tra cứu cuộc hội thoại của mình với người khác
Kết quả	Tìm thấy cuộc hội thoại của 2 người.
Dòng sự kiện chính	C1: vào trang cá nhân của người đó , chọn nhắn tin Hộp thoại sẽ hiện ra. C2: vào trang chủ của mình, chọn tin nhắn, chọn người mình đã nhắn tin hoặc tra cứu tên người mình nhắn tin trên thanh công cụ thì cuộc hộp thoại sẽ hiện ra.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập vào tài khoản của mình. Thành viên phải theo dõi người mà mình muốn nhắn tin.

Bảng 3.29 Quản lý mối quan hệ

Use Case Id	UC27
Tên Use Case	Quản lý mối quan hệ
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên quản lý các mối quan hệ với các chức năng: theo dõi, chặn người dùng, báo cáo người dùng, huỷ theo dõi(nếu bạn đã theo dõi)
Kết quả	Các chức năng để quản lý mối quan hệ hiện ra .
Dòng sự kiện chính	B1:Tra cứu thành viên (UC34). Sau đó bạn thấy trang cá nhân /của thành viên bạn muốn tìm. Các chức năng hiện thị trên màn hình hoặc sau khi chọn (…) bên góc phải màn hình trag cá nhân.

Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập bằng tài khoản của mình Thành viên phải tra cứu thành viên mà bạn muốn quản ly

Bảng 3.30 Theo dõi thành viên

Use Case Id	UC28
Tên Use Case	Theo dõi thành viên
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên theo dõi thành viên khác để có thể nhắn tin, cập nhật các bài mới của thành viên theo dõi
Kết quả	Thành viên chuyển từ 'theo dõi' sang 'bỏ theo dõi' và nhắn tin
Dòng sự kiện chính	B1:Tra cứu thành viên muốn theo dõi, chọn 'theo dõi thành viên'
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình

Bảng 3.31 Huỷ theo dõi thành viên

Use Case Id	UC29
Tên Use Case	Huỷ theo dõi thành viên
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên huỷ thro dõi thành viên khác
Kết quả	Hộp thoại đưa ra thông báo huỷ theo dõi thành công, và trên tường trang cá nhân của thành viên theo dõi từ 'bỏ theo dõi , nhắn tin' chuyển sang 'theo dõi'

Dòng sự kiện chính	B1:Tra cứu thành viên(UC34) đã theo dõi, chọn 'huỷ bỏ theo dõi'.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình Thành viên đã theo dõi thành viên kia

Bảng 3.32 Chặn thành viên

Use Case Id	UC30
Tên Use Case	Chặn thành viên
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Không cho người khác tìm thấy mình và ngược lại
Kết quả	Bạn không thể tìm kiếm bất cứ thông tin gì của thành viên này, và thành viên này cũng không thể liên lạc được với bạn.
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý thành viên.Chọn 'Chặn người dùng'. Hộp thoại xác nhận thông báo bạn muốn chặn người dùng. B2:Chọn 'chặn' tại họp thoại thông báo . Nó sẽ chuyển hướng bạn sang trang cài đặt(nơi danh sách bị chặn).
Dòng sự kiện khác	Từ trang chủ, vào cài đặt bên góc trái màn hình. Chọn 'chặn', để xem các thành viên bị mình chặn. Nếu Hộp thoại xác nhận(tại B2) mà bạn chọn 'huỷ' thì chức năng này sẽ không được thực hiện.
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình

Bảng 3.33 Tra cứu thành viên

Use Case Id	UC31
Tên Use Case	Tra cứu thành viên

Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên tra cứu thành viên khác
Kết quả	Chuyển về trang cá nhân của người muốn tìm
Dòng sự kiện chính	C1:Thông qua thanh 'tìm kiếm' trên trang chủ, nhập tên tài khoản người muốn tìm kiếm. Chọn tên người muốn tìm kiếm . C2: Qua hộp thoại trên tin nhắn, tích '…', chọn xem trang cá nhân.
Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình

Bảng 3.34 Huỷ chặn thành viên

Use Case Id	UC32
Tên Use Case	Huỷ chặn thành viên
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Bỏ chặn người dùng
Kết quả	Mọi mối quan hệ với người chặn trở lại khi chưa theo dõi. Bạn có thể tra cứu người bị chặn và ngược lại.
Dòng sự kiện chính	B1:Từ trang chủ, vào cài đặt bên góc trái màn hình.Chọn 'chặn', để xem các thành viên bị mình chặn. B2:chọn 'huỷ chặn ' B3:Hộp thoại đưa ra thông báo là xác nhận việc huỷ chặn. Chọn 'Huỷ chặn'.
Dòng sự kiện khác	Tại B3: 'chọn huỷ' thì coi như chưa thực hiện chức năng này.
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình

Bảng 3.35 Tố cáo thành viên

Use Case Id	UC33
Tên Use Case	Tố cáo thành viên
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên tố cáo thành viên khác
Kết quả	Dữ liệu tố cáo sẽ được đưa lên admin để admin xữ lý
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý thành viên(UC05) , chọn 'tố cáo thành viên'. Chọn 'loại vi phạm' theo danh sách, nhập mô tả thông tin thêm. Chọn 'Báo Cáo'.
Dòng sự kiện khác	Nếu thành viên chọn 'huỷ'thì xem như không dùng chức năng này. Nếu admin 'xác nhận' hơn 3 lần tố cáo đúng thì tài khoản sẽ bị khoá.
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình

Bảng 3.36 Quản lý thông tin cá nhân

Use Case Id	UC34
Tên Use Case	Quản lý thông tin cá nhân
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Quản lý thông tin thành viên của mình.
Kết quả	Thành viên có thể thấy các chức năng quản lý thông tin tài khoản của mình
Dòng sự kiện chính	Chọn 'Cài đặt' tại trang chủ bên góc phải màn hình.Hiện lên các chức năng: chỉnh sửa trang cá nhân, đổi mật khẩu, quản lý quyền riêng tư ,

Dòng sự kiện khác	Không có dòng sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Thành viên phải đăng nhập tài khoản của mình

Bảng 3.37 Cập nhật mật khẩu

Use Case Id	UC35
Tên Use Case	Cập nhật mật khẩu
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên đổi mật khẩu của mình
Kết quả	Mật khẩu đã được đổi
Dòng sự kiện chính	B1:Từ quản lý thông tin cá nhân(UC34) chọn đổi mật khẩu. B2:Bạn nhập lại mật khẩu cũ.Nhập 'mật khẩu mới', Nhập lại 'xác nhận mật khẩu' .Hiện thị hộp thoại xác nhận bạn có muốn đổi mật khẩu. B3:Chọn 'đổi mật khẩu'. Màn hình hiện thị đổi mật khẩu thành công
Dòng sự kiện khác	Tại B2: Nếu như mật khẩu mới và mật khẩu cũ khoong gióng nhau thì đưa ra thông báo lỗi. Tại b3: Nếu chọn 'Huỷ' thì xem như chưa dùng chức năng này.
Điều kiện tiên quyết	Phải là bài viết của mình mới có quyền cấm

Bảng 3.38 Chỉnh sửa thông tin cá nhân

Use Case Id	UC36
Tên Use Case	Chỉnh sửa thông tin cá nhân
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên đổi thông tin cá nhân của mình gồm:thông tin chung, công việc, trường học, quê quán.
Kết quả	Thông tin cá nhân được cập nhật
Dòng sự kiện chính	B1: Vào trang cá nhân, chọn chỉnh sửa thông tin cá nhân. Chọn tải ảnh đại diện lên, chỉnh sửa tiểu sử, chỉnh sửa giới thiệu để chuyển sang trang cài đặt sửa thông tin giới thiệu B2: vào cài đặt tại trang chủ dưới góc màn hình bên phải để chỉnh sửa thông tin giới thiệu
Dòng sự kiện khác	Không có sự kiện khác
Điều kiện tiên quyết	Phải là bài viết của mình mới có quyền cấm

Bảng 3.39 Quản lý quyền riêng tư

Use Case Id	UC37
Tên Use Case	Quản lý quyền riêng tư
Tác nhân	Thành viên
Tóm tắt	Thành viên quản lý các thông tin công khai hay riêng tư như email, người theo dõi mình, Người mình theo dõi,bài viết.
Kết quả	Thông tin cá nhân được cập nhật
Dòng sự kiện chính	B1: Vào trang cá nhân, chọn chỉnh sửa thông tin cá nhân. Chọn tải ảnh đại diện lên, chỉnh sửa tiểu sử, chỉnh sửa giới thiệu để chuyển sang trang cài đặt sửa thông tin giới thiệu B2: vào cài đặt tại trang chủ dưới góc màn hình bên phải để chỉnh sửa thông tin giới thiệu
Dòng sự kiện khác	Tại B2: Nếu như mật khẩu mới và mật khẩu cũ không giống nhau thì đưa ra thông báo lỗi. Tại B3: Nếu chọn 'Huỷ' thì xem như chưa dùng chức năng này.
Điều kiện tiên quyết	Phải là bài viết của mình mới có quyền cấm

3.3.2 Đặc tả Usecase dành cho phân hệ quản trị viên

Bảng 3.40 Đăng nhập Admin

Use Case Id	UCAD01
Tên Use Case	Đăng nhập Admin
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Cho Admin đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Admin đăng nhập vào hệ thống thành công
Dòng sự kiện chính	Admin nhập gmail, nhập password vào trang đăng nhập , chọn đăng nhập
Dòng sự kiện khác	Nếu mật khẩu hoặc gmail không đúng thì đưa ra thông báo yêu cầu nhập lại
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản phải có quyền admin mới có thể truy cập

Bảng 3.41 Quản lý tài khoản

Use Case Id	UCAD02
Tên Use Case	Quản lý tài khoản
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan đến tài khoản như thêm, xoá , sửa, tra cứu tài khoản
Kết quả	Vào trang danh sách tài khoản chứa các chức năng thêm , xoá, sửa tra cứu tài khoản
Dòng sự kiện chính	sau khi đăng nhập , chọn ‘tài khoản’ tại thanh điều hướng bên trái màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.42 Quản lý bài viết admin

Use Case Id	UCAD03
Tên Use Case	Quản lý bài viết admin
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan đến bài viết :tra cứu , xoá bài viết
Kết quả	Vào trang danh sách bài viết chứa các chức năng xoá, tra cứu
Dòng sự kiện chính	Sau khi đăng nhập , chọn 'bài viết'tại thanh điều hướng bên trái màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.43 Quản lý thông báo

Use Case Id	UCAD04
Tên Use Case	Quản lý thông báo
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan đến thông báo :tra cứu, xoá thông báo
Kết quả	Vào trang danh sách thông báo chứa các chức năng xoá, tra cứu
Dòng sự kiện chính	Sau khi đăng nhập , chọn 'thông báo' tại thanh điều hướng bên trái màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.44 Quản lý bình luận Admin

Use Case Id	UCAD05
Tên Use Case	Quản lý bình luận Admin
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan đến bình luận của thành viên:tra cứu, xoá
Kết quả	Vào được trang danh sách bình luận chứa các chức năng xoá, tra cứu
Dòng sự kiện chính	Từ trang thống kê sau khi đăng nhập , chọn 'bình luận' tại thanh điều hướng bên trái màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.45 Quản lý báo cáo vi phạm

Use Case Id	UCAD6
Tên Use Case	Quản lý báo cáo vi phạm
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan báo cáo vi phạm của thành viên:tra cứu, xoá , chỉnh sửa
Kết quả	Vào được trang danh sách quản lý vi phạm chứa các chức năng xoá, tra cứu, chỉnh sửa
Dòng sự kiện chính	Sau khi đăng nhập , chọn 'báo cáo vi phạm'tại thanh điều hướng bên trái màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.46 Quản lý loại báo cáo

Use Case Id	UCAD07
Tên Use Case	Quản lý loại báo cáo
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan loại vi phạm của thành viên:tra cứu, xoá , chỉnh sửa
Kết quả	Vào được trang danh sách quản lý vi phạm chứa các chức năng thêm xoá, tra cứu, chỉnh sửa
Dòng sự kiện chính	Sau khi đăng nhập, chọn 'loại vi phạm'tại thanh điều hướng bên trái màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3 47 Quản lý màu sắc bài viết

Use Case Id	UCAD08
Tên Use Case	Quản lý màu sắc bài viết
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Quản lý các chức năng liên quan màu sắc bài viết của thành viên:tra cứu, xoá , chỉnh sửa
Kết quả	Vào được trang danh sách màu sắc bài viết các chức năng thêm xoá, tra cứu, chỉnh sửa
Dòng sự kiện chính	Sau khi đăng nhập, chọn 'sách màu sắc bài thanh điều hướng bên trái màn hình.
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.48 Thêm tài khoản

Use Case Id	UCAD09
Tên Use Case	Thêm tài khoản
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Cho phép Admin thêm tài khoản mới
Kết quả	Xuất hiện hộp thoại thông báo thêm mới tài khoản thành công. Tài khoản xuất hiện trong danh sách tài khoản.
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý tài khoản , 'chọn thêm mới' tại góc phải màn hình. Màn hình xuất hiện ra hộp thoại yêu cầu nhập thông tin và trạng thái tài khoản. Admin nhập thông tin và trạng thái tài khoản . Chọn 'lưu'.
Dòng sự kiện khác	Yêu cầu nhập đầy đủ thông tin tài khoản, nếu rỗng yêu cầu nhập lại.
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.49 Chỉnh sửa tài khoản

Use Case Id	UCAD10
Tên Use Case	Chỉnh sửa tài khoản
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin chỉnh sửa tài khoản của thành viên
Kết quả	Hộp thoại xác nhận chiinhr sửa thành công xuất hiện Thông tin hoặc trạng thái của tài khoản được chỉnh sửa.
Dòng sự kiện chính	B1:Từ Quản lý tài khoản ,chọn Icon 'chỉnh sửa' trong cột hành động tại tài khoản bạn muốn sửa

	Màn hình xuất hiện ra hộp thoại chỉnh sửa yêu cầu nhập thông tin và trạng thái tài khoản. B2:Admin nhập thông tin và trạng thái tài khoản . B3:Chọn 'lưu'.
Dòng sự kiện khác	B3: Nếu admin chọn huỷ xem như chưa thực hiện chức năng này.
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.50 Xoá tài khoản

Use Case Id	UCAD11
Tên Use Case	Xoá tài khoản
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin xoá tài khoản của thành viên
Kết quả	Xuất hiện hộp thoại xác nhận xoá thành công Tài khoản thành viên không thể đăng nhập được. Yêu cầu liên lạc với gmail admin
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý tài khoản ,chọn icon 'Xoá' trong cột hành động tại tài khoản bạn muốn xoá. Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu tại hộp thoại xác nhận chọn 'không' thì xem như chưa dùng chức năng này.
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.51 Xoá bài viết

Use Case Id	UCAD12
Tên Use Case	Xoá bài viết

Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Xoá bài viết của thành viên
Kết quả	Xuấ hiện hộp thoại xác nhận xoá thành công Bài viết đó được xoá trong giao diện thành viên. Còn giao diện Admin thì chuyển sang màu vàng
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý bài viết ,chọn Icon 'Xoá' trong cột hành động tại tài khoản bạn muốn xoá Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì bài viết khoong được xoá
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.52 Xoá thông báo

Use Case Id	UCAD13
Tên Use Case	Xoá thông báo
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Xoá thông báo
Kết quả	Xuất hiện hộp thoại xác nhận xoá thành công Thông báo đó được xoá khỏi danh sách thông báo thành viên. Trong danh sách Admin chuyển sang màu vàng
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý thông báo ,chọn Icon 'Xoá' trong cột hành động tại thông báo bạn muốn xoá Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'

Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì thông báo không được xoá
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.53 Xoá bình luận

Use Case Id	UCAD14
Tên Use Case	Xoá bình luận
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin xoá bình luận
Kết quả	Xuất hiện hộp thoại xác nhận xoá thành công Bình luận đó được chuyển sang màu vàng. Và không thể tác động chức năng lên bình luận đó. Bình luận đó bị biến mất khỏi giao diện thành viên
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý bình luận ,chọn Icon 'Xoá' trong cột hành động tại bình luận bạn muốn xoá Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì bình luận không được xoá
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.54 Xoá báo cáo vi phạm

Use Case Id	UCAD15
Tên Use Case	Xoá báo cáo vi phạm
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin xoá báo cáo vi phạm

Kết quả	Xuất hiện hộp thoại xác nhận xoá thành công báo cáo vi phạm đó được chuyển sang nền màu vàng.
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý báo cáo vi phạm,chọn icon 'Xoá' trong cột hành động tại báo cáo vi phạm bạn muốn xoá Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì báo cáo vi phạm không được xoá
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.55 Sửa báo cáo vi phạm

Use Case Id	UCAD16
Tên Use Case	Sửa báo cáo vi phạm
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin sửa báo cáo vi phạm
Kết quả	Admin chỉnh lại trạng tháicủa báo cáo. Và báo cáo đó hiện thị lên những thay đổi đó trên danh sách
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý báo cáo vi phạm. Admin chọn vào icon trong cột hành động.Hộp hội thoại sửa hiện ra Chọn thông tin muốn sửa, trạng thái báo cáo vi phạm. chọn 'Lưu
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại sửa chọn 'Huỷ'. Thì chức năng này không được sử dụng.
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị Những báo cáo vi phạm đã xữ lí sẽ không được chỉnh sửa.

Bảng 3.56 Xoá loại báo cáo

Use Case Id	UCAD17
Tên Use Case	Xoá loại báo cáo
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin xoá loại báo cáo
Kết quả	Xuất hiện hộp thoại xác nhận xoá thành công Loại báo cáo đó được chuyển sang vàng trong danh sách loại báo cáo. Và mọi người thành viên không thấy loại báo cáo đó nữa trong tố cáo thành viên và tố cáo bài viết.
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý loại báo cáo,chọn Icon 'Xoá' trong cột hành động tại loại báo cáo bạn muốn xoá Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì chức năng này không được sử dụng
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.57 Thêm loại báo cáo

Use Case Id	UCAD18
Tên Use Case	Thêm loại báo cáo
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin thêm loại báo cáo
Kết quả	Xuất hiện hộp thoại xác nhận thêm thành công Loại báo cáo đó được hiện thị trên danh sách loại báo cáo

	Mọi người thành viên thấy thêm loại báo cáo đó trong tố cáo thành viên và tố cáo bài viết.
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý loại báo cáo,chọn Icon 'thêm mới' trên bên phải màn hình. Màn hình xuất hiệp hộp thoại thêm báo cáo.Chọn kiểu báo cáo là nội dung hoặc tài khoản, Thêm nội dung loại báo cáo. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì chức năng này không được sử dụng
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.58 Sửa loại báo cáo

Use Case Id	UCAD19
Tên Use Case	Sửa loại báo cáo
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin sửa loại báo cáo vi phạm
Kết quả	Thay đổi nội dung của báo cáo.
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý loại báo cáo vi phạm. Admin chọn vào icon sửa trong cột hành động.Hộp hội thoại sửa hiện ra. Chọn kiểu báo cáo là nội dung hoặc tài khoản, chỉnh sửa nội dung báo cáo. Chọn 'Lưu
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại sửa chọn 'Huỷ'. Thì chức năng này không được sử dụng.
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị Những báo cáo vi phạm đã xữ lí sẽ không được chỉnh sửa.

Bảng 3.59 Xoá màu sắc

Use Case Id	UCAD20
Tên Use Case	Xoá màu sắc
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Xoá màu sắc ra khỏi giao diện người dùng, và màu đó chuyển sang vàng trong danh sách màu sắc bài viết của admin
Kết quả	Hiện thị thông báo xoá màu sắc thành công Nền màu Màu sắc đó chuyển sang màu vàng trong danh sách. Và không thấy màu đó trong giao diện thêm bài viết của thành viên
Dòng sự kiện chính	Từ Quản lý màu sắc bài viết ,chọn Icon hình 'Xoá' trong cột hành động tại màu bạn muốn xoá Màn hình xuất hiện ra hộp thoại xác nhận 'bạn có muốn xoá không'. Chọn 'Xoá'
Dòng sự kiện khác	Nếu hộp thoại xác nhận chọn 'không'. Thì chức năng này không được sử dụng
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3 60 Thêm màu sắc

Use Case Id	UCAD21
Tên Use Case	Thêm màu sắc
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Thêm màu nền và màu chữ cho bài viết
Kết quả	Hộp thoại thông báo thành công hiện lên.Có thêm màu

	nền và màu chữ mới tại chức năng tạo bài viết, sửa bài viết của thành viên.
Dòng sự kiện chính	Từ quản lý màu sắc bài viết ,chọn Icon thêm mới ở trên bên phải màn hình . Chọn màu nền , màu chữ theo mã màu mình muốn Chọn 'Lưu'
Dòng sự kiện khác	Chọn huỷ xem như chưa sửa dụng chức năng này
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.61 Đổi màu sắc

Use Case Id	UCAD22
Tên Use Case	Đổi màu sắc
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Đổi màu nền và màu chữ của màu sắc bài viết
Kết quả	Thay đổi màu của màu của màu được chọn sang màu đã đổi
Dòng sự kiện chính	Từ quản lý màu sắc bài viết ,chọn icon sửa tại cột 'hoạt động' dòng tại màu sắc mình muốn đổi . Chọn màu nền , màu chữ theo mã màu mình muốn Chọn 'Lưu'
Dòng sự kiện khác	Chọn 'huỷ' xem như chưa sửa dụng chức năng này
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

Bảng 3.62 Tra cứu theo từ khoá

Use Case Id	UCAD23
Tên Use Case	Tra cứu theo từ khoá
Tác nhân	Admin
Tóm tắt	Admin tra cứu thành viên/bài viết/thông báo/bình luận /báo cáo vi phạm/loại báo cáo vi phạm/màu sắc bài viết.
Kết quả	Hiện danh sách theo những yêu cầu
Dòng sự kiện chính	Admin nhập từ khoá tại các trang quản lý qua từ khoá liên quan đến thành viên/bài viết/thông báo/bình luận /báo cáo vi phạm/loại báo cáo vi phạm/màu sắc bài viết. Chọn tìm kiếm tại trên bên phải màn hình
Dòng sự kiện khác	Không có
Điều kiện tiên quyết	Phải đăng nhập bằng tài khoản có quyền quản trị

CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ

4.1 Lược đồ quan hệ

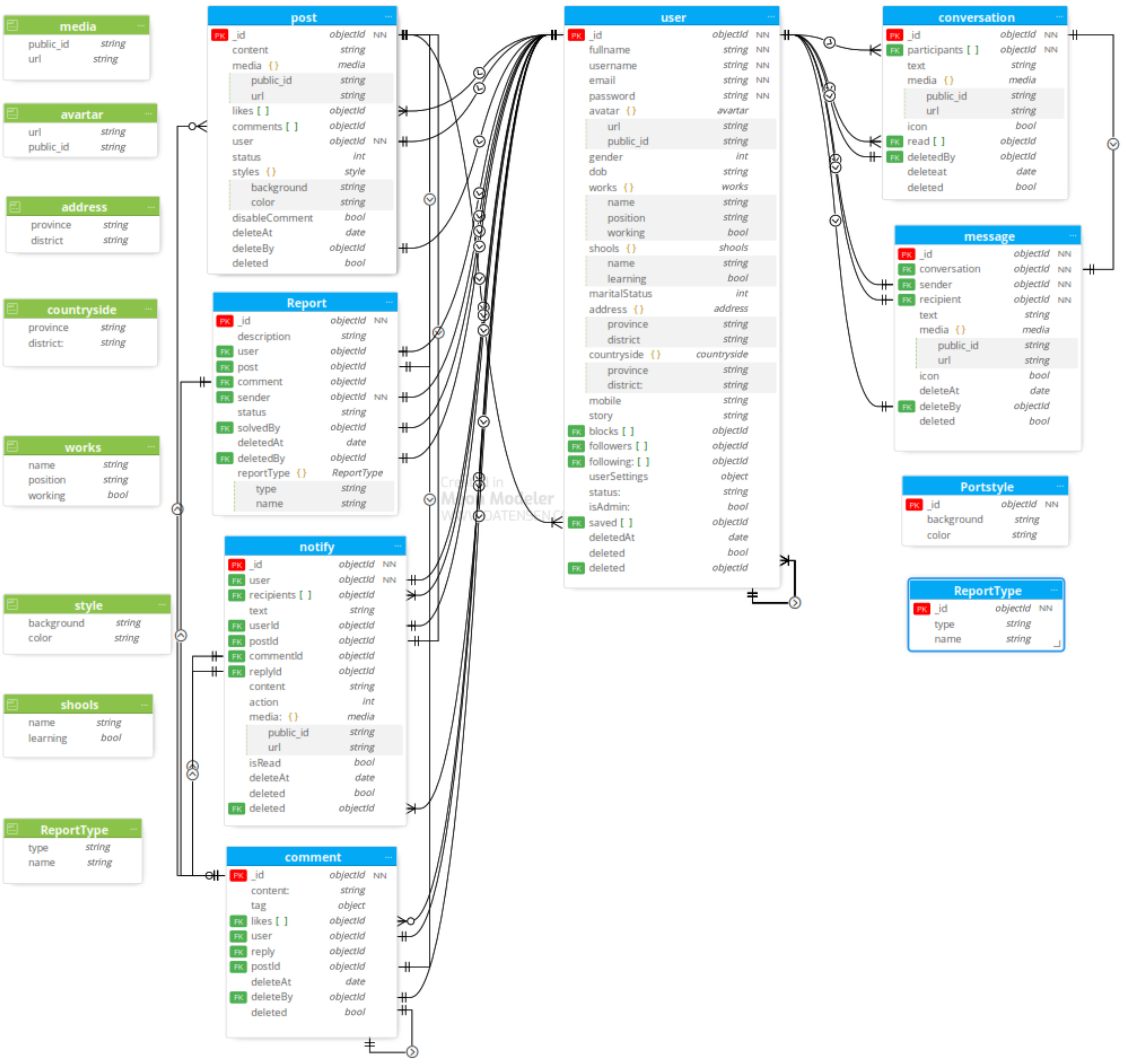

Hình 4 1 Lược đồ quan hệ

4.2 Đặc tả lược đồ quan hệ

Bảng 4.1 Chi tiết đặc tả bảng user

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
Id	objectId	Khoá chính	x	Duy nhất
fullname	string		x	Tên ngừi dùng
username	string		x	Tên tài khoản
email	string		x	Địa chỉ email
password	string		x	Mật khẩu
avartar	subdocument			ảnh
gender	int			Giới tính
works	subdocument			Công việc
shools	subdocument			Trường học
maritalStatus	int			Tình trạng hôn nhân
adress	subdocument			Địa chỉ
countryside	subdocument			Quê quán
mobile	string			Số điện thoại
story	string			Tiểu sử
followers	ObjectId[]	Ref(user)		Người mình đang theo dõi
following	ObjectId[]	Ref(user)		Người đang theo dõi mình
userSetting	object			Cài đặt người dùng
status	string			Trạng thái tài khoản
isAdmin				Có phải Admin
Saved[]	ObjectId[]	Ref(post)		Bài viết đã lưu
deleteAt	date			Thời gian xoá
deleteBy	ObjectId			Người xoá

deleted	bool			Đã xoá ?

Bảng 4.2 Bảng đặc tả bảng post

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
Id	ObjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
content	string			Nội dung
media	subdocument			Hình ảnh, video
likes	ObjectId[]	Ref(user)		Người thích
Comment	ObjectId[]	Ref(comment)		bình luận
user	objectId	Ref(user)		Người đăng
status	int			Trạng thái bài viết
styles	subdocument			Chủ đề
Disablecomment	bool			Cấm bình luận
deleteAt	date			Thời gian xoá
deleteBy	ObjectId	Ref(user)		Người xoá
deleted	bool			Đã xoá

Bảng 4.3 Bảng đặc tả bảng comment

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
Id	ObjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
content	string			Nội dung
tag	Object			Gắn thẻ người dùng
likes	Object[]	Ref(user)		Người thích
user	objectId	Ref(user)		Người comment
reply	objectId	Ref(comment)		comment trả lời
PostId	ObjectId	Ref(post)		Bài comment
deleteAt	date			Thời gian xoá
deleteBy	objectId	Ref(user)		Người xoá
deleted	bool			Đã xoá

Bảng 4.4 Bảng đặc tả bảng coversation

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
Id	ObjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
Participants	ObjectId[]	Ref(user)		Số người
Text	string			Nội dung
media	subdocument			Hình ảnh,video
icon	bool			icon
read	objectId[]	Ref(user)		Đã đọc hay chưa
deleteBy	ObjectId	Ref(user)		Người xoá
deleteAt	date			Thời gian xoá
deleted	bool			Đã xoá

Bảng 4.5 Bảng đặc tả notify

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
Id	ObjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
user	ObjectId			Người tạo thông báo
recipients	ObjectId[]	Ref(user)		Người nhận
Text	string			Nội dung thông báo
userId	ObjectId	Ref(user)		Người folow
postId	ObjectId	Ref(post)		Bài viết thông báo
commentId	ObjectId	Ref(comment)		Bình luận
replyId	ObjectId	Ref(comment)		bình luận trả lời
content	string			Nội dung bài viết
action	int			Kiểu thông báo
media	subdocument			Hình ảnh, video
isread	bool			Đã đọc?
deleteAt	date			Thời gian xoá
deleteBy	ObjectId	Ref(user)		Người xoá
deleted	bool			Đã

Bảng 4.6 Bảng đặc tả message

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
Id	ObjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
conversation	ObjectId	Ref(conversation)		Cuộc trò chuyện
sender	ObjectId	Ref(user)		Người gửi
recipent	ObjectId	Ref(user)		Người nhận
Text	string			Nội dung
media	subdocument			Hình ảnh, video
icon	bool			icon
deleteAt	date			Thời gian xoá
deleteBy	ObjectId	Ref(user)		Người xoá
deleted	bool			Đã

Bảng 4.7 Bảng đặc tả report

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
id	ObjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
description	string			Mô tả báo cáo
user	objectId	Ref(user)		Thành viên bị tố cáo
post	ObjectId	Ref(post)		Bài viết bị tố cáo
comment	ObjectId			Bình luận bị tố cáo
sender	ObjectId	Ref(user)		Người gửi
status	string			Trạng thái bài viết
solvedby	ObjectId	Ref(user)		Người hoàn thành
reportType	subdocument			Kiểu tố cáo
deleteBy	ObjectId	Ref(user)		Người xoá
deleteAt	date			Thời gian xoá

deleted	bool			Đã xoá?

Bảng 4.8 Bảng đặc tả reportType

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
id	ỌbjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
type	string			Kiểu báo cáo
name	string			Tên báo cáo

Bảng 4.9 Bảng đặc tả Portstyle

Trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Không rỗng	Ghi chú
id	ỌbjectId	Khoá chính	x	Duy nhất
background	string			Màu nền
color	string			Màu chữ

Bảng 4.10 Bảng đặc tả subdocument

Trường	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
avartar	url	string	Link
	publicId	string	Id
address	province	string	Tỉnh
	district	string	Huyện
contriside	province	string	Tỉnh
	district	string	Huyện
media	publicId	string	Id
	url	string	Link
style	color	string	Màu chữ
	background	string	Màu nền
shools	name	string	Tên trường
	learning	bool	Còn học hay không
reportType	type	string	Kiểu báo cáo
	name	string	Tên báo cáo
works	name	string	Tên công việ c
	position	string	Tên công ty
	working	bool	Con làm?

CHƯƠNG 5:HÌNH ẢNH VÀ HƯỚNG DẪN

5.1 Chức năng cho phân hệ thành viên

Chức năng đăng kí:

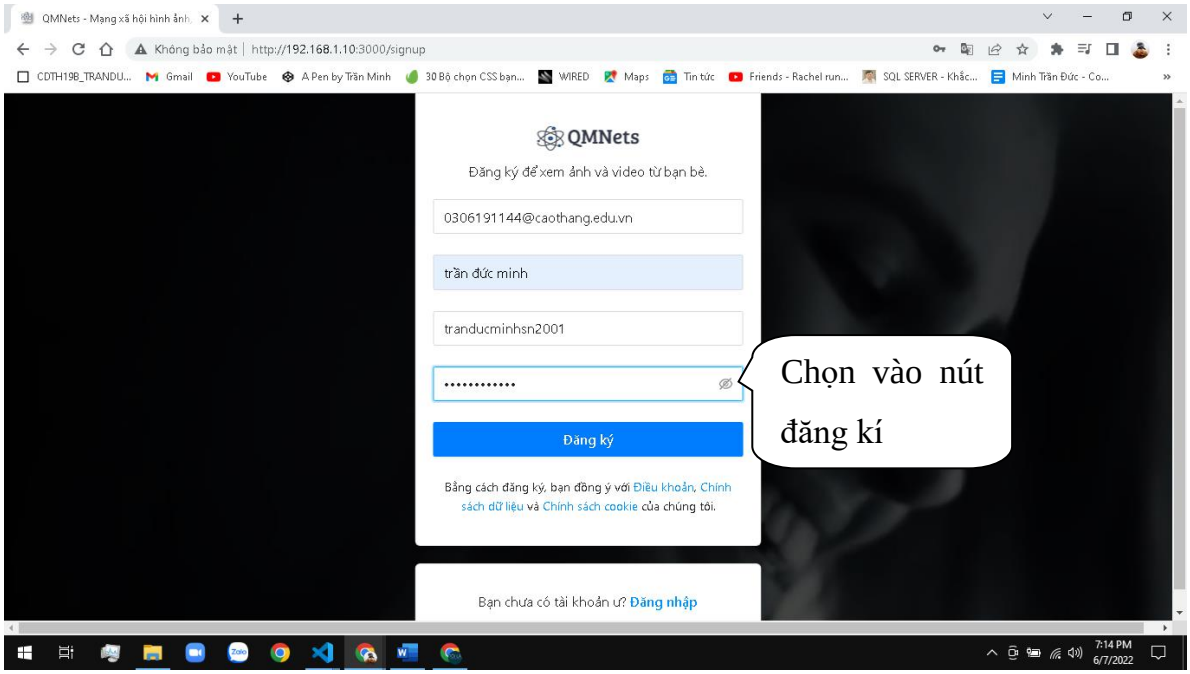

Hình 5.1 Giao diện Đăng kí 1

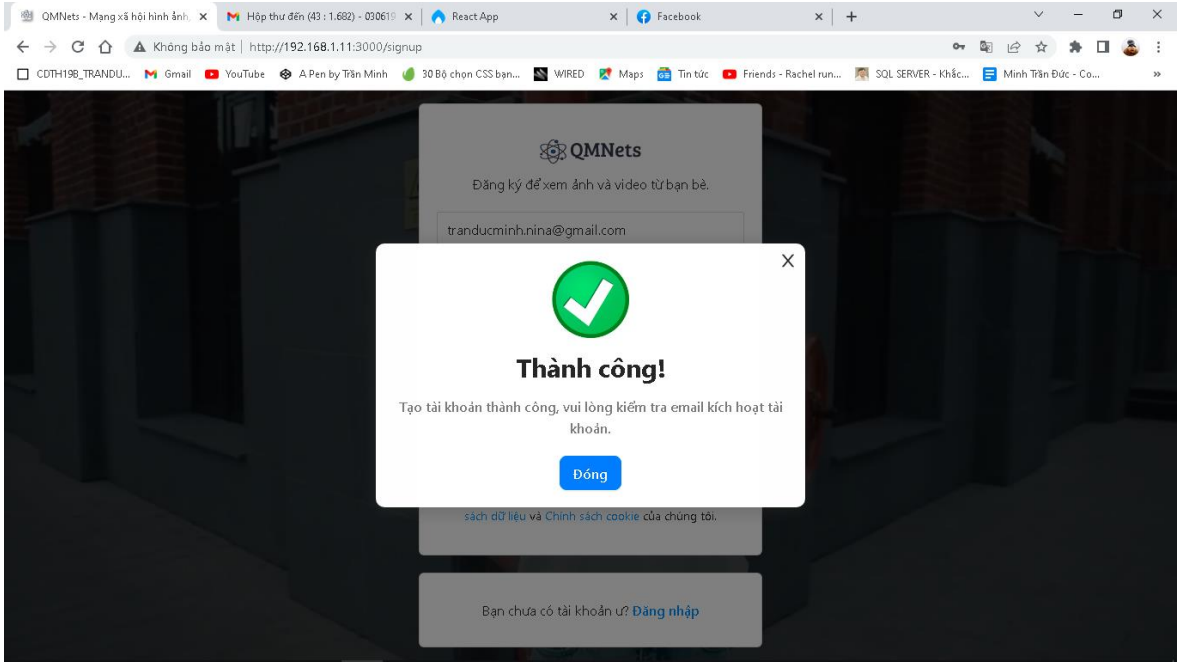

Hình 5.2 Giao diện đăng kí 2

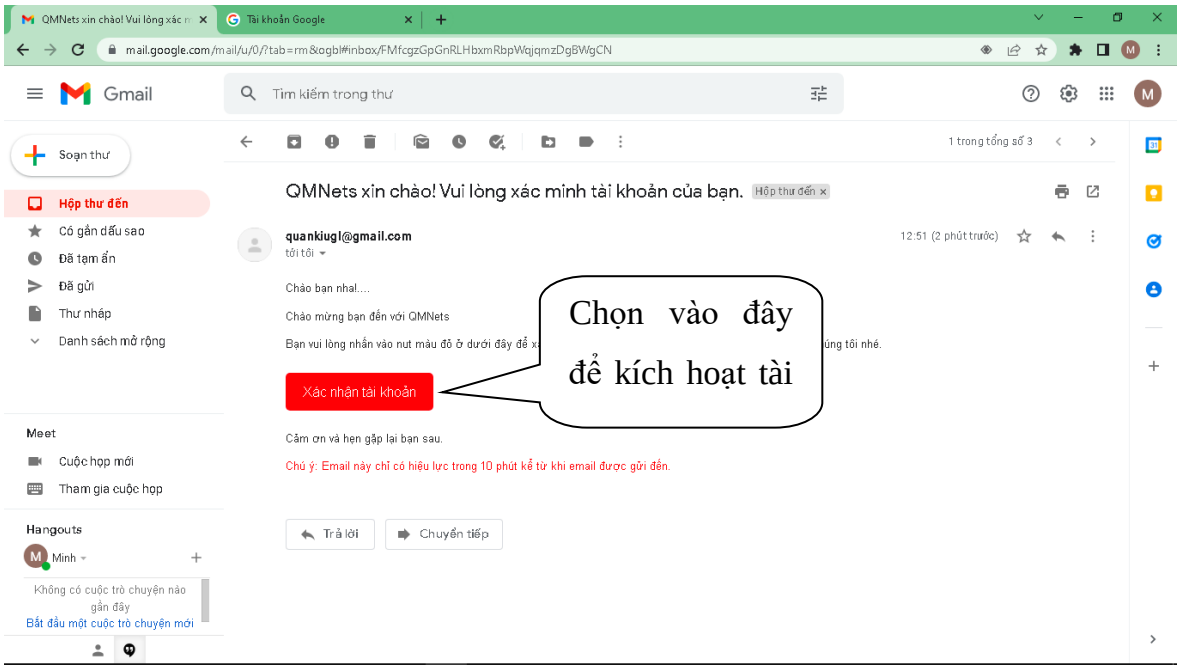

Hình 5.3 Xác nhận email đăng kí

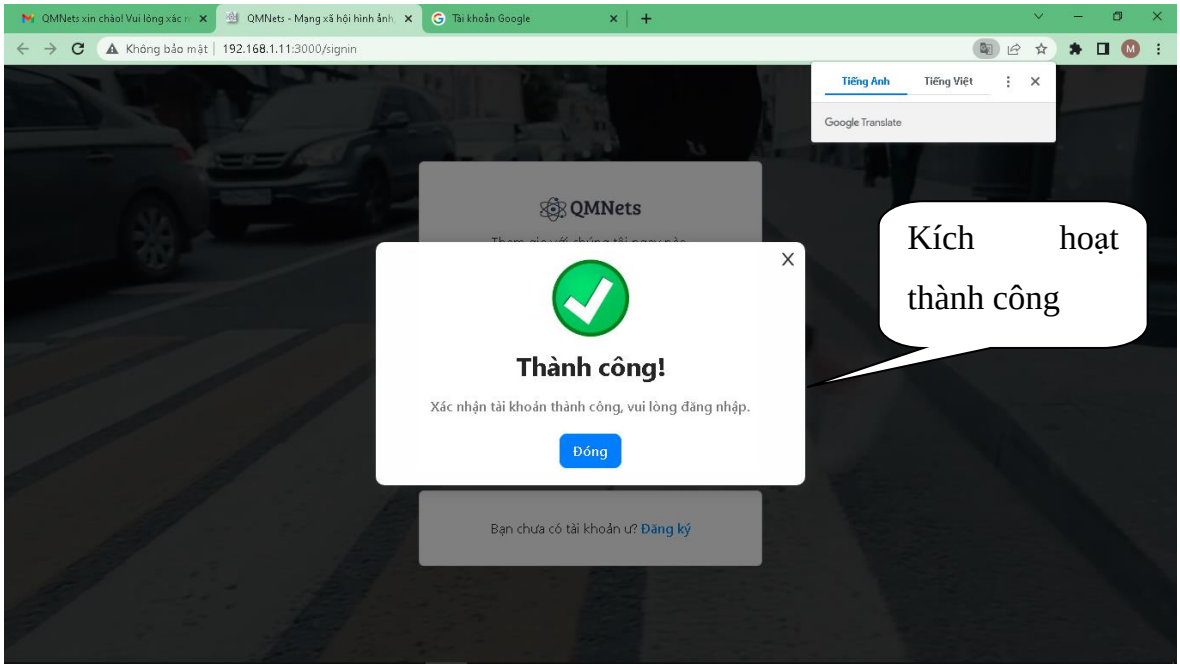

Hình 5.4 Kích hoạt thành công tài khoản đăng kí

Chức năng đăng nhập

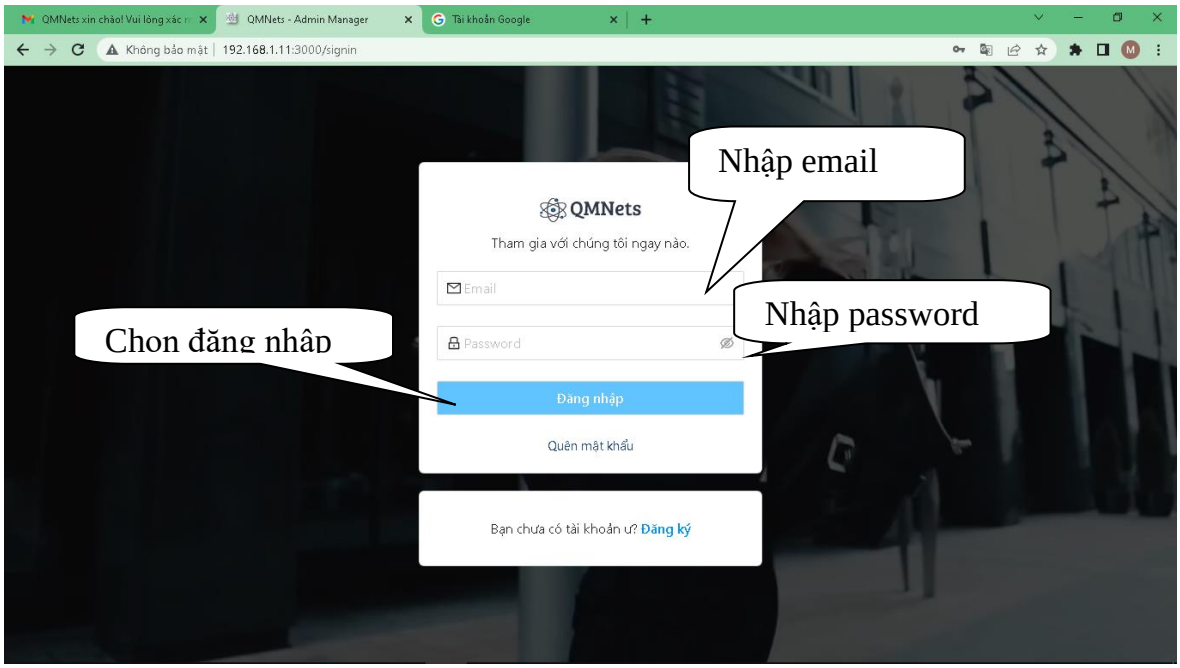

Hình 5.5 Giao diện đăng nhập

Chức năng lấy lại mật khẩu:

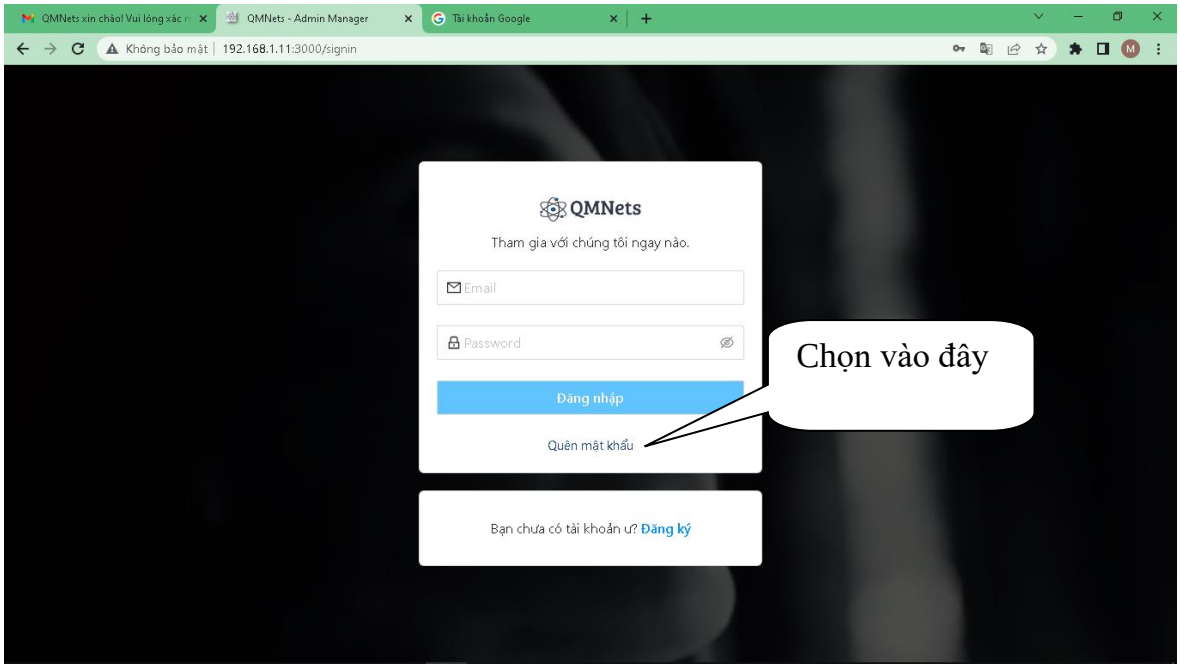

Hình 5.6 Lấy lại mật khẩu 1

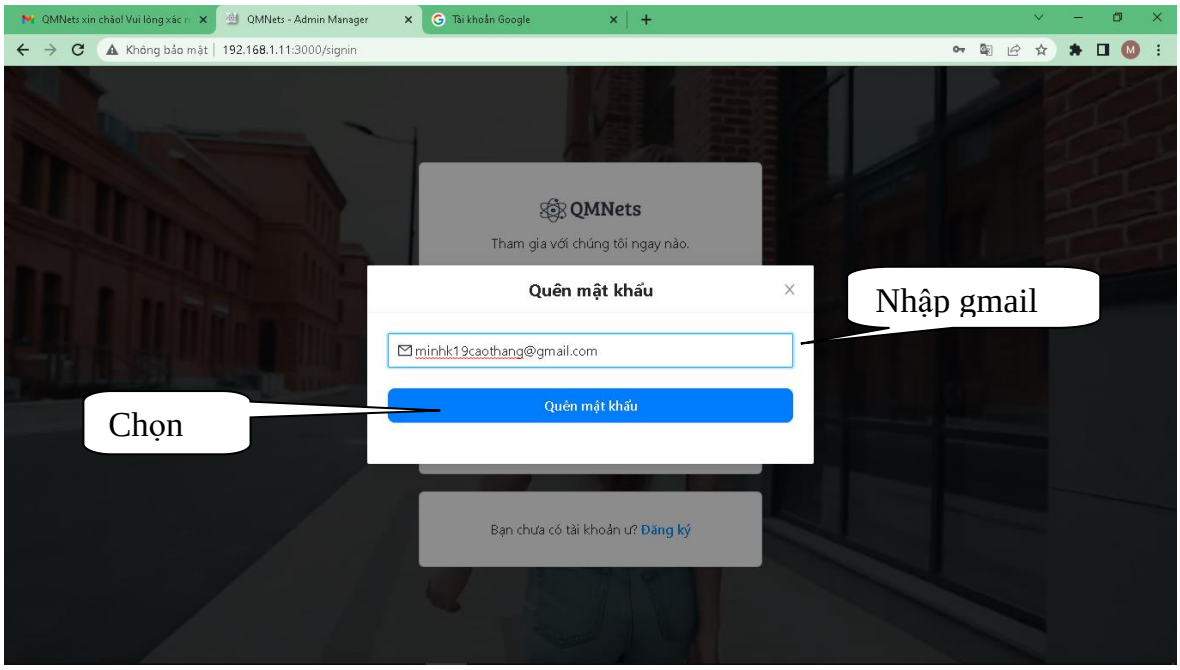

Hình 5.7 lấy lại mật khẩu 2

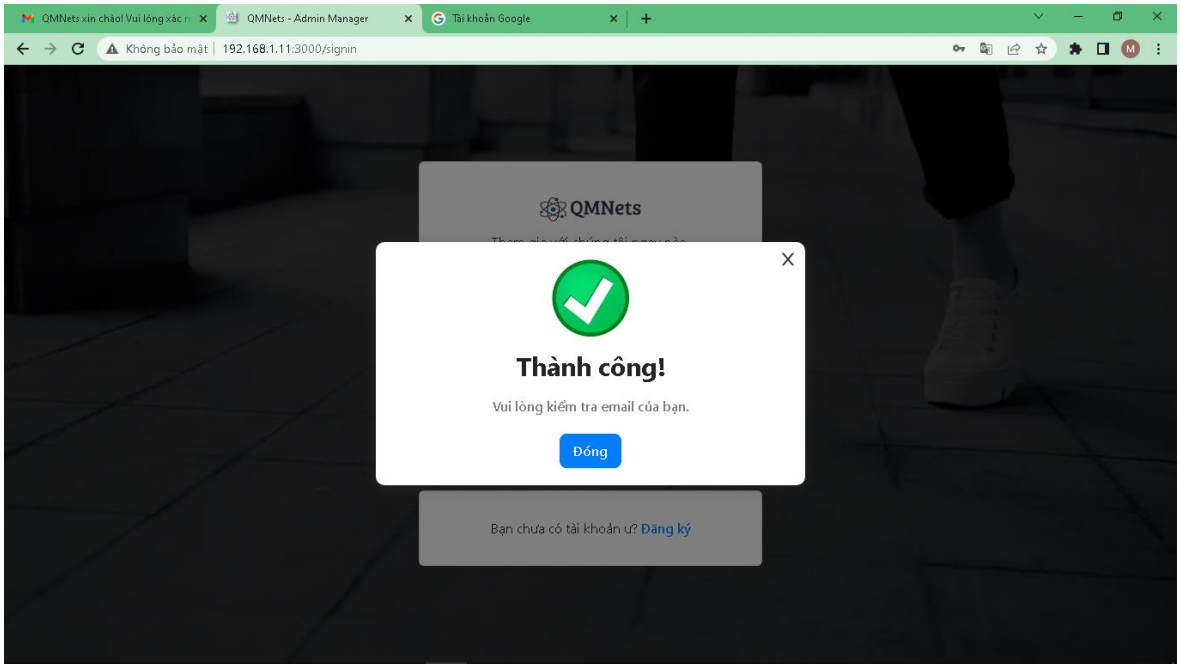

Hình 5.8 Lấy lại mật khẩu 3

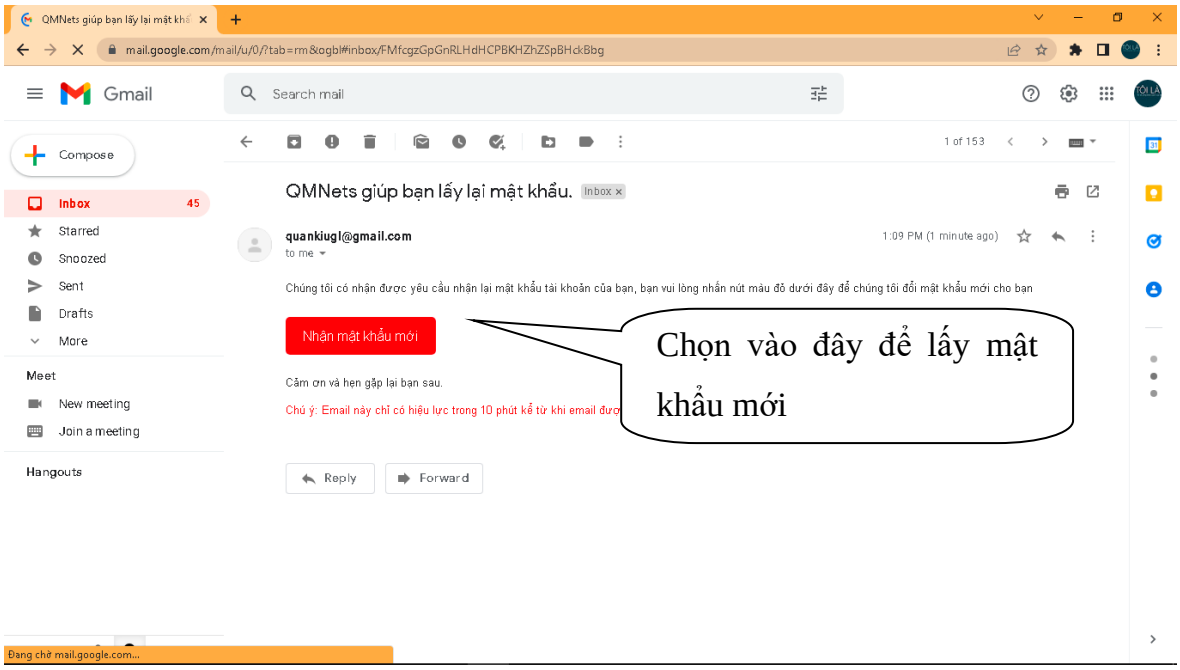

Hình 5.9 Xác nhận email lấy mật khẩu

Đây là mật khẩu mới

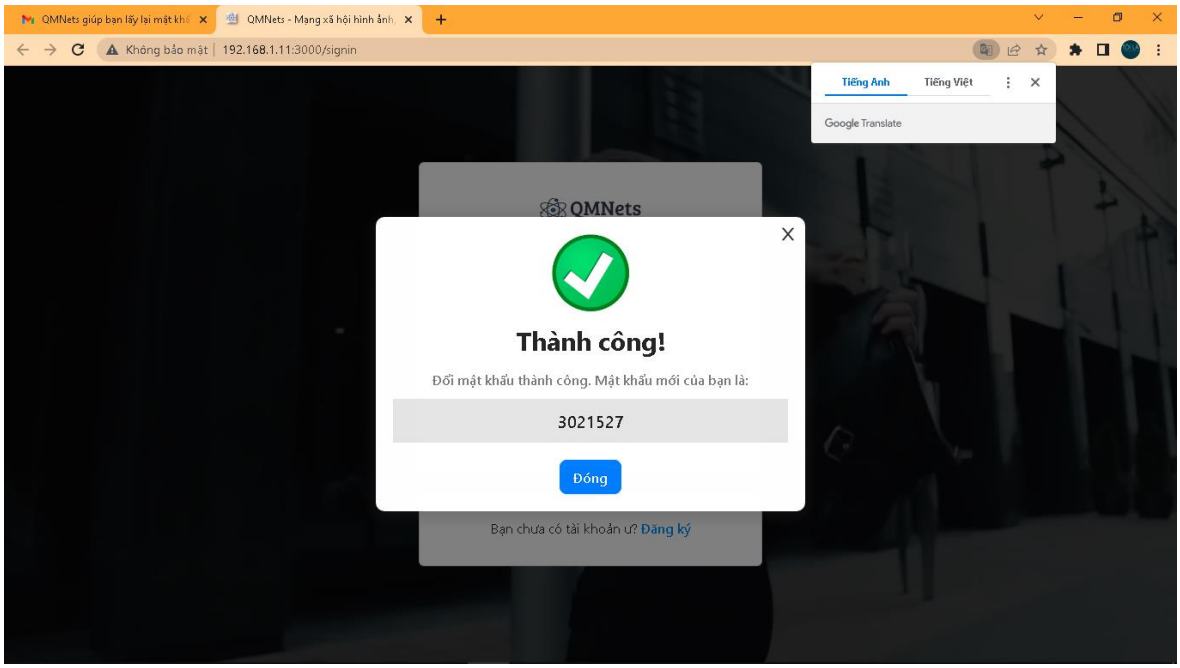

Hình 5.10 Mật khẩu mới

Giao diện trang chủ trang chủ:

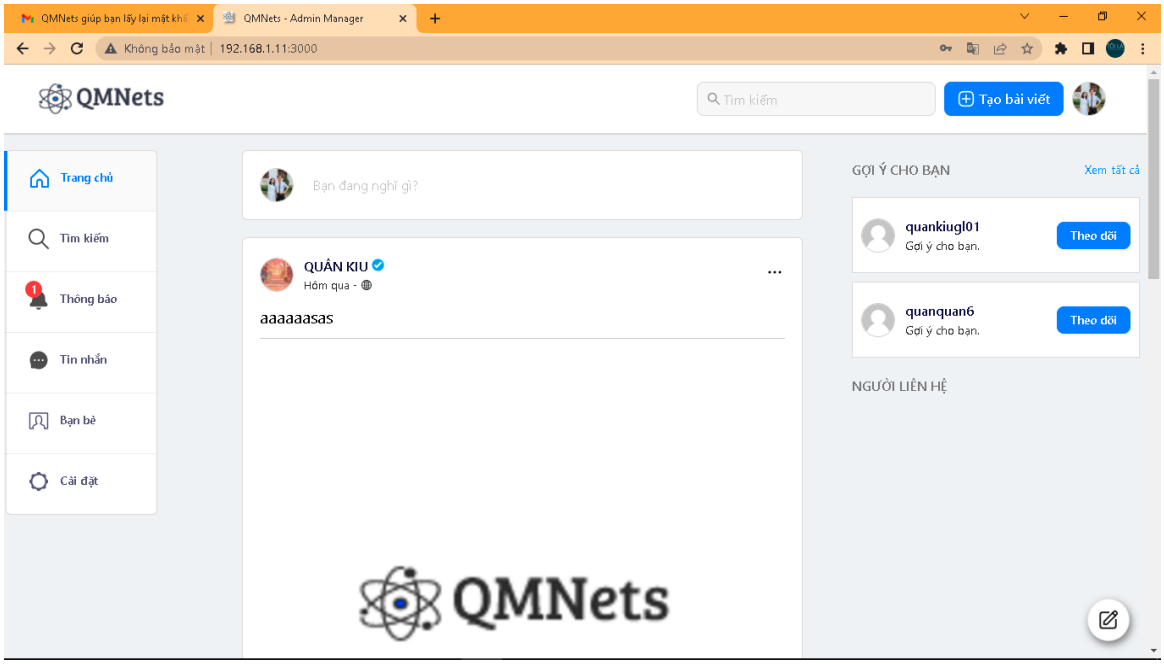

Hình 5 11 Giao diện trang chủ 1

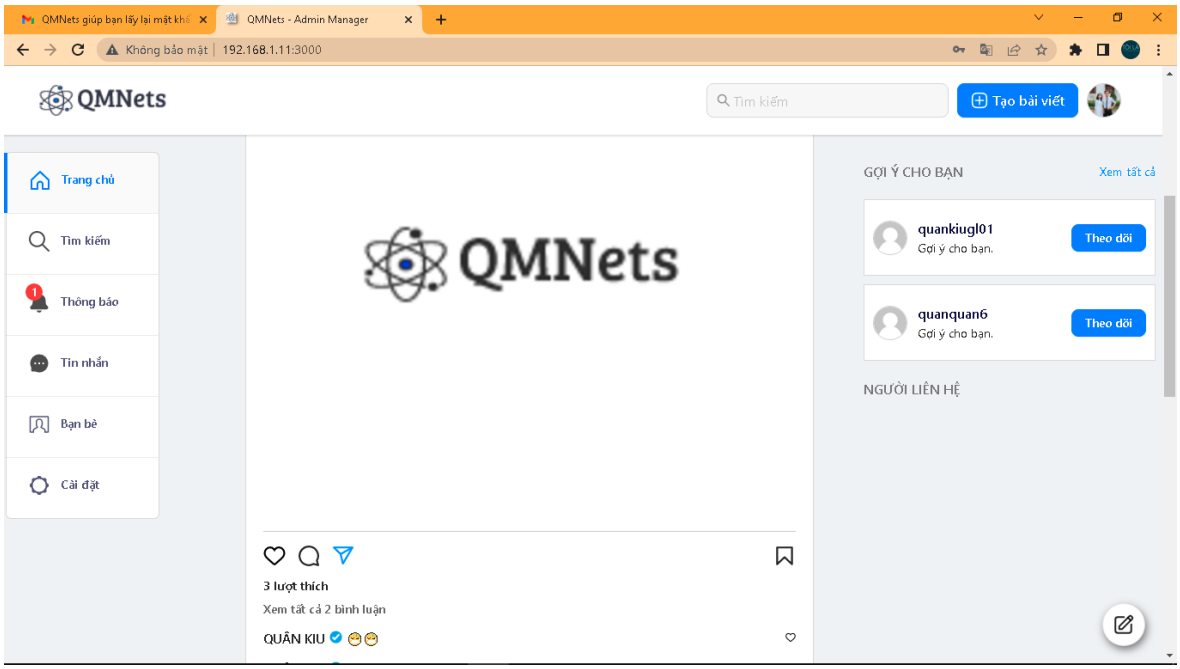

Hình 5.12 Giao diện trang chủ 2

Tìm kiếm người dùng

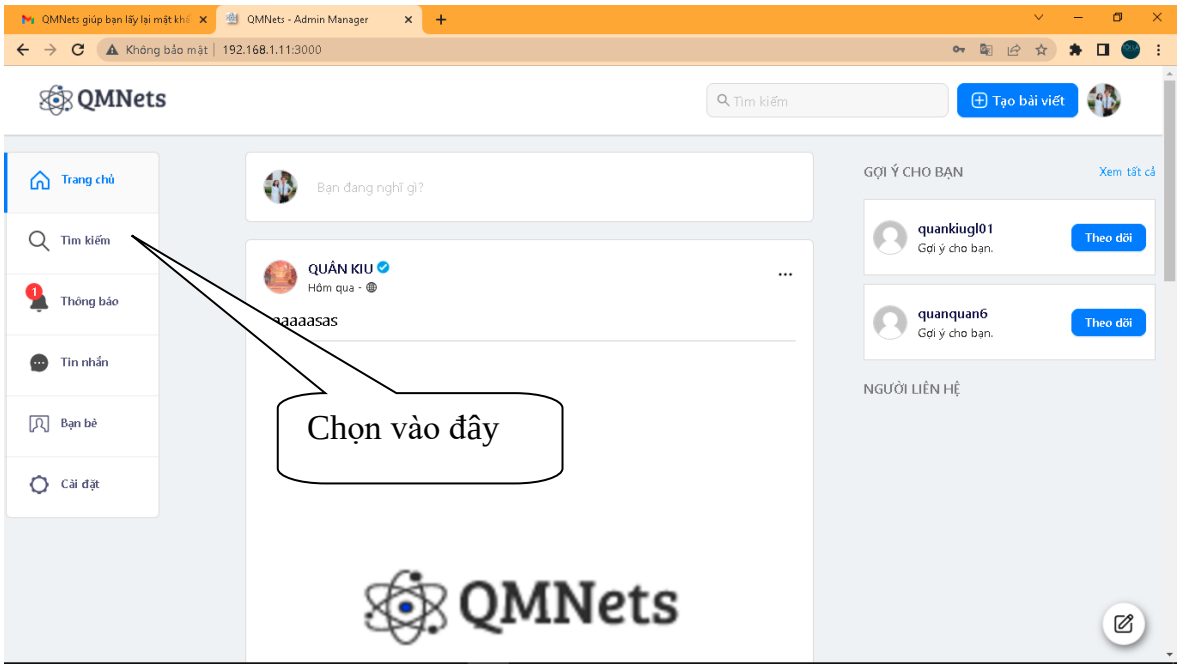

Hình 5.13 Giao diện tìm kiếm người dùng 1

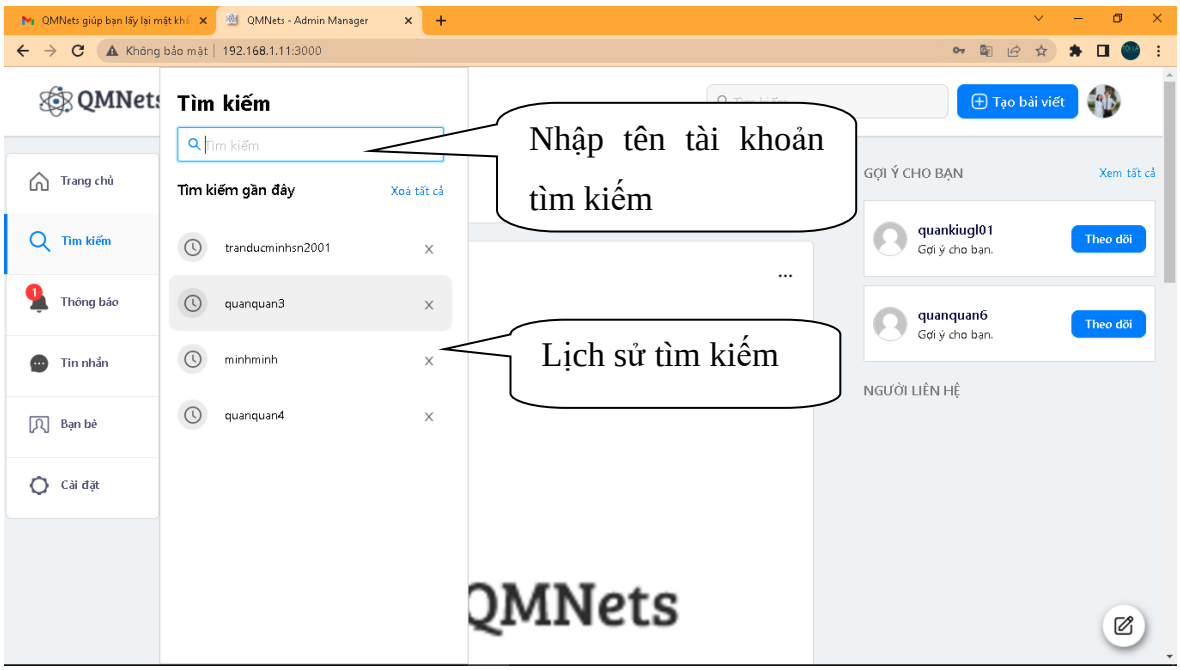

Hình 5.14 Giao diện tìm kiếm người dùng 2

Chức năng thông báo:

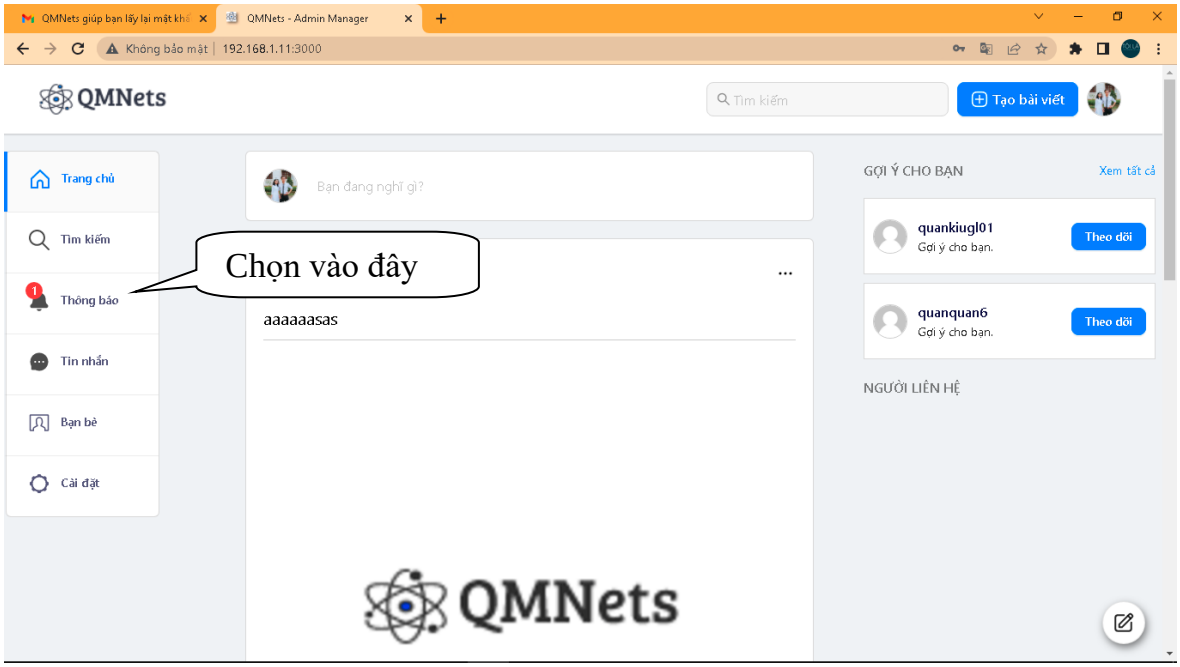

Hình 5.15 Giao diện thông báo 1

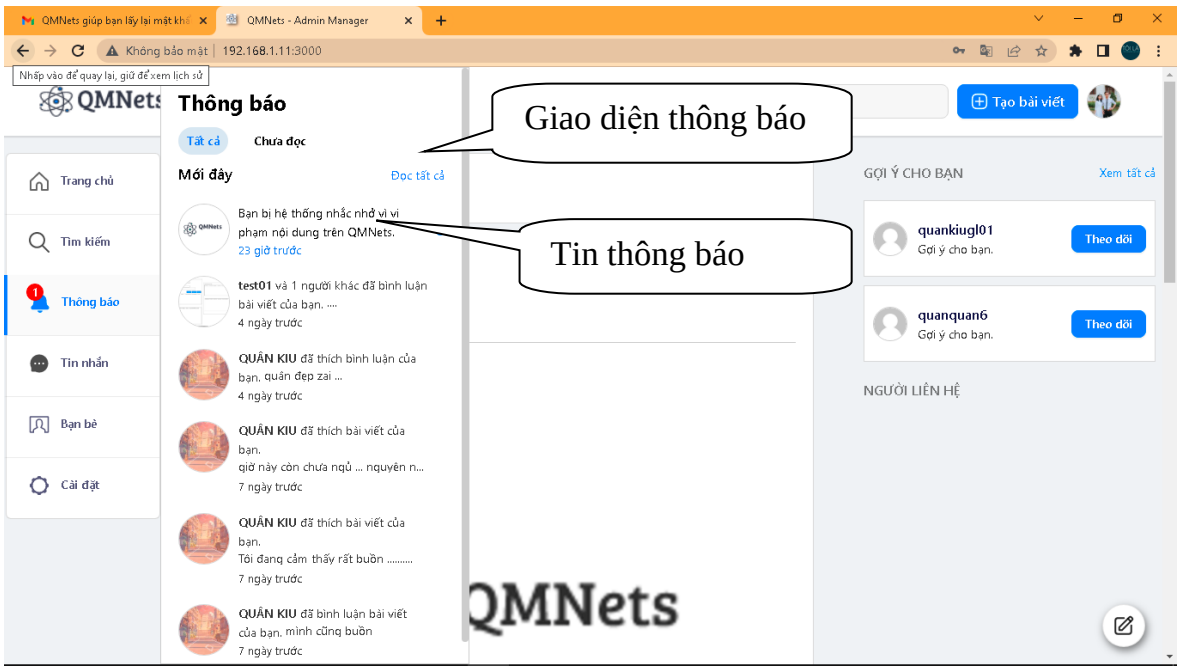

Hình 5.16 Giao diện thông báo 2

Tin nhắn (đã realtime) và cuộc trò chuyện

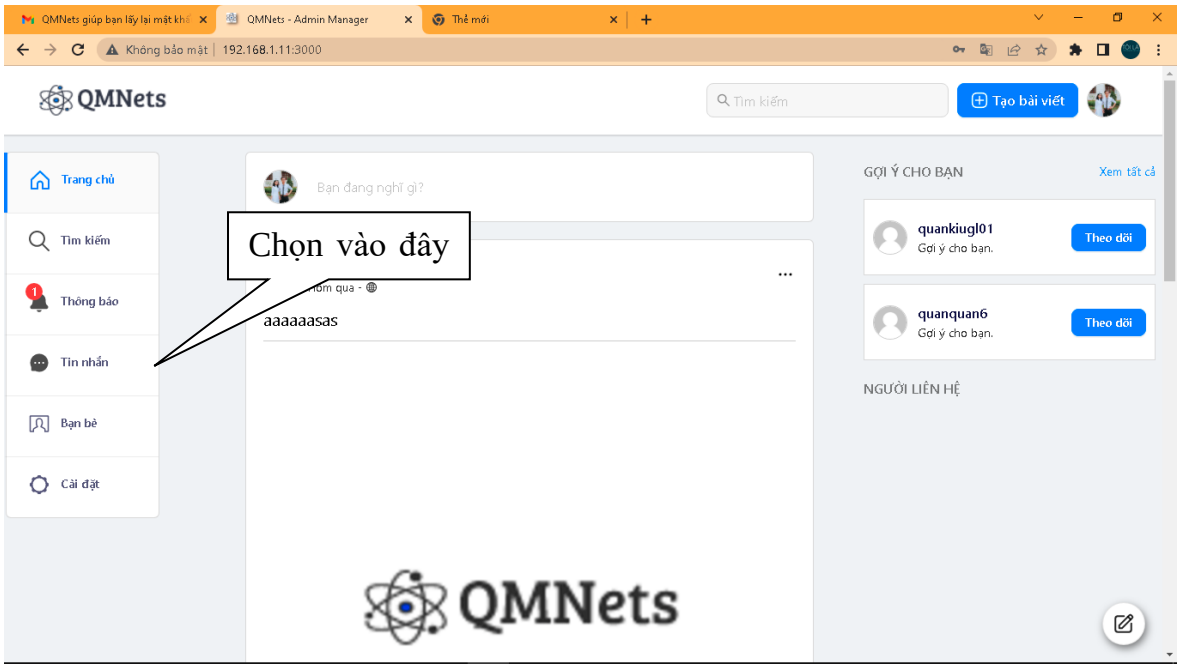

Hình 5.17 Giao diện tìm cuộc trò chuyện 1

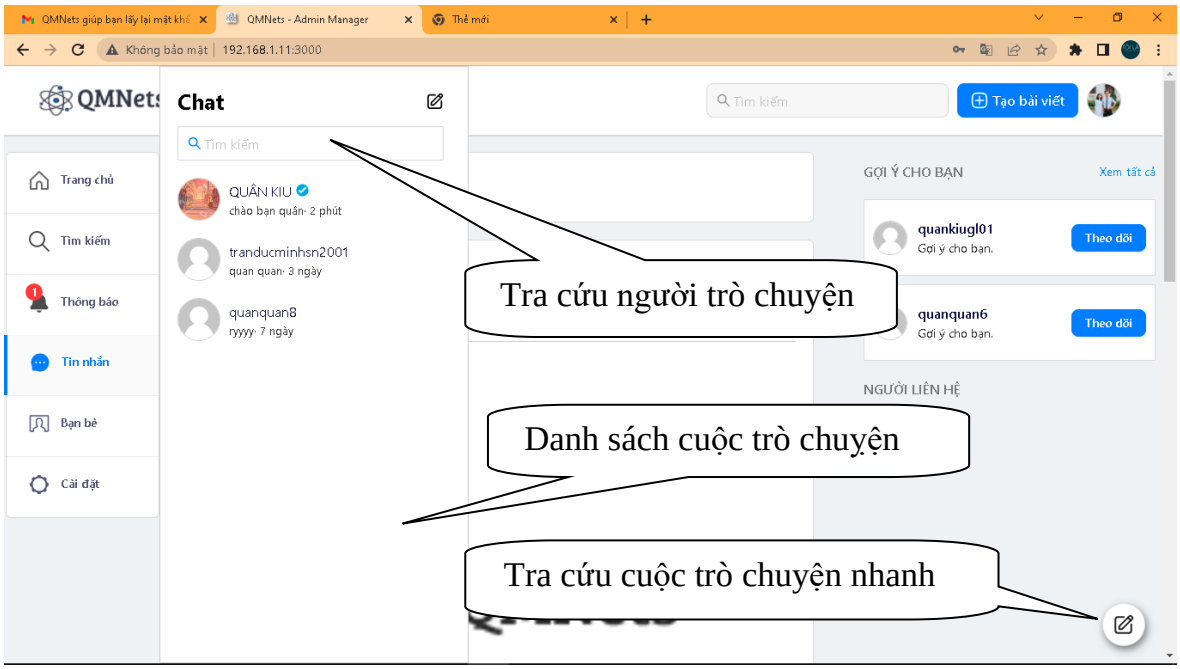

Hình 5.18 Giao diện tìm cuộc trò chuyện 2

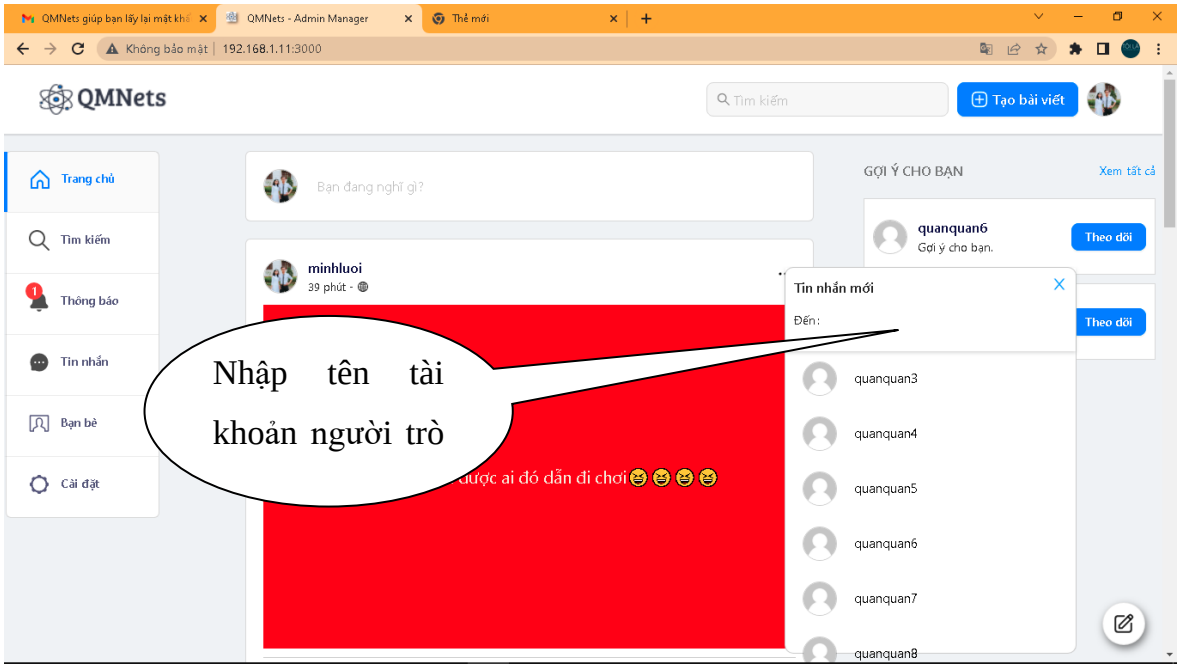

Hình 5.19 Giao diện cuộc trò chuyện nhanh

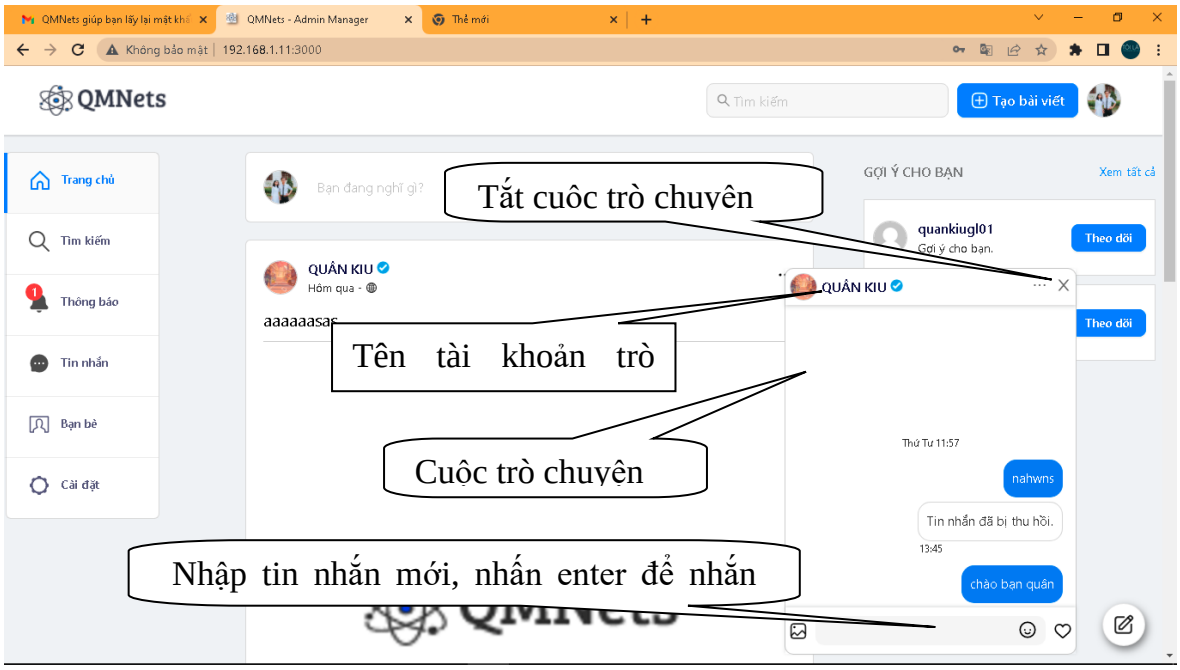

Hình 5.20 Giao diện tin nhắn 1

Hình 5.21 Giao diện tin nhắn 2 và 3

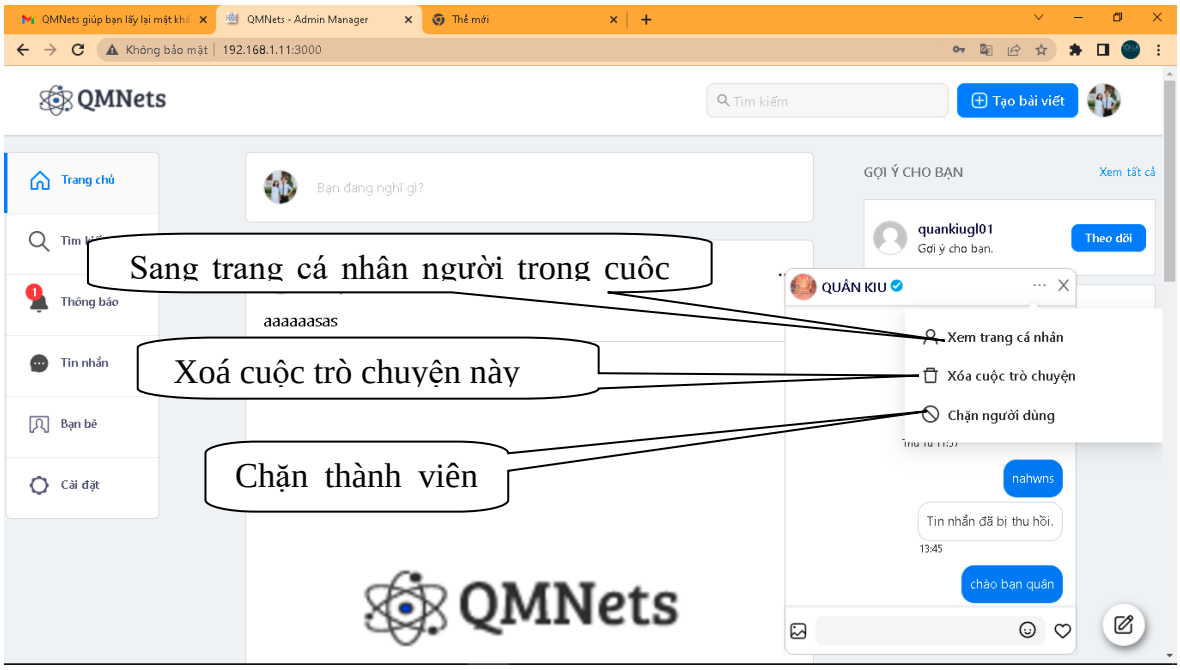

Hình 5.22 Giao diện cuộc trò chuyện 4

Đăng bài viết

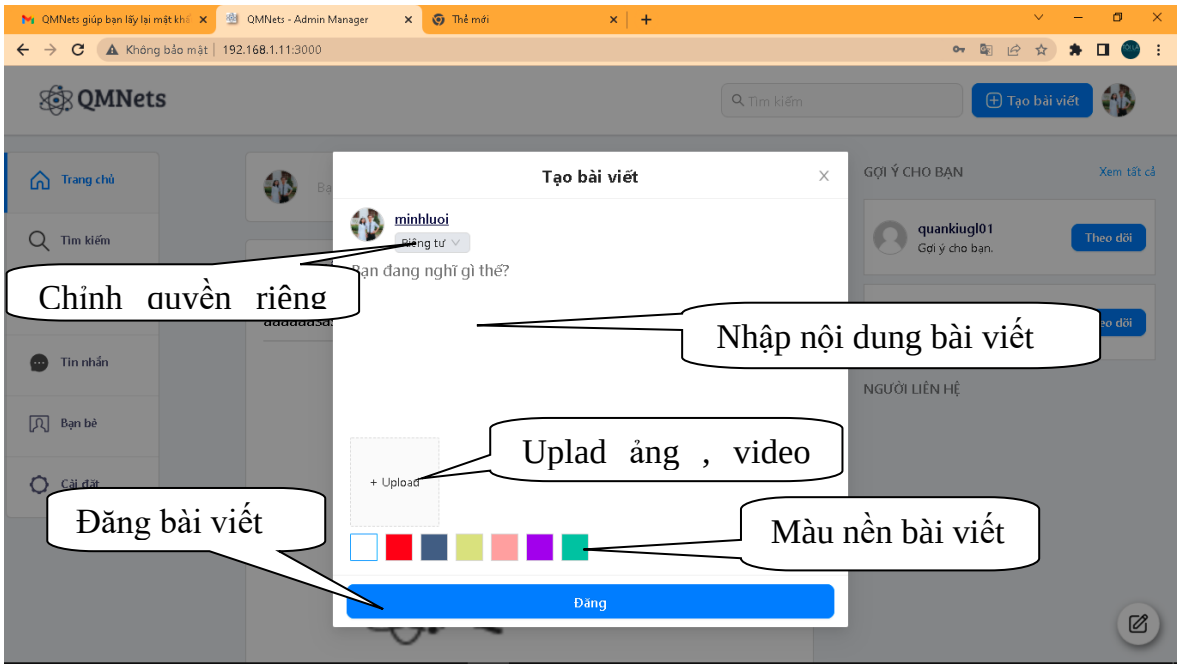

Hình 5.23 Giao diện đăng bài viết

Hình 5.24 Giao diện bài viết 1

Bài viết của người khác(bài viết đã lưu):

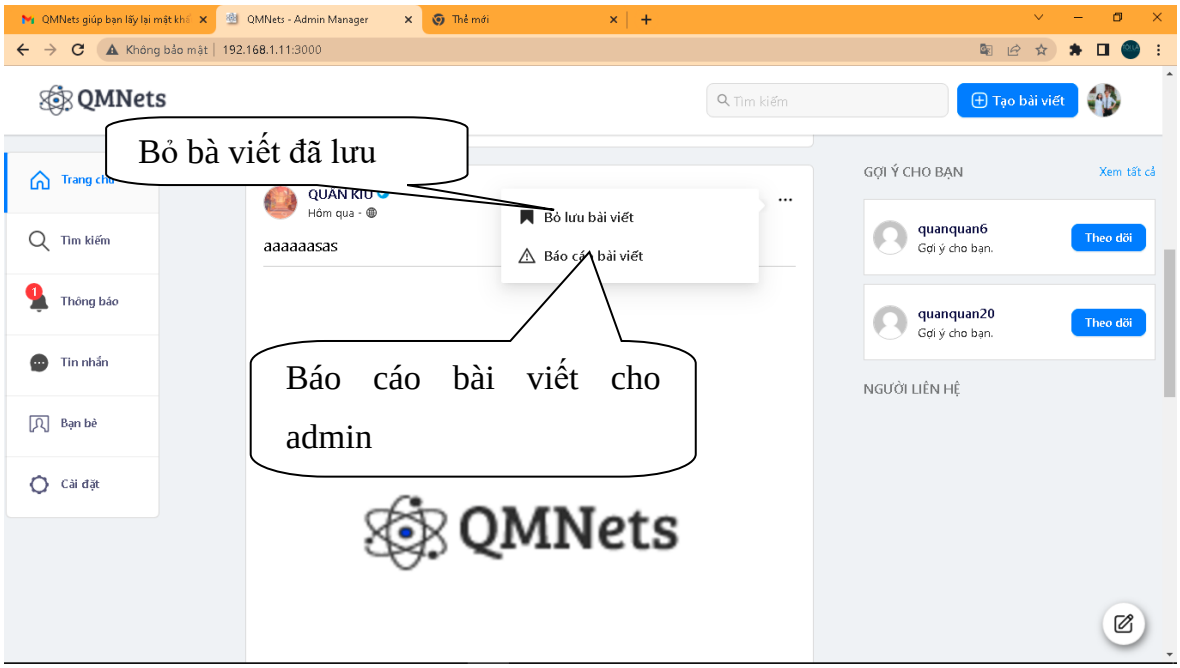

Hình 5.25 Giao diện bài viết 2

Chỉnh sửa bài viết:

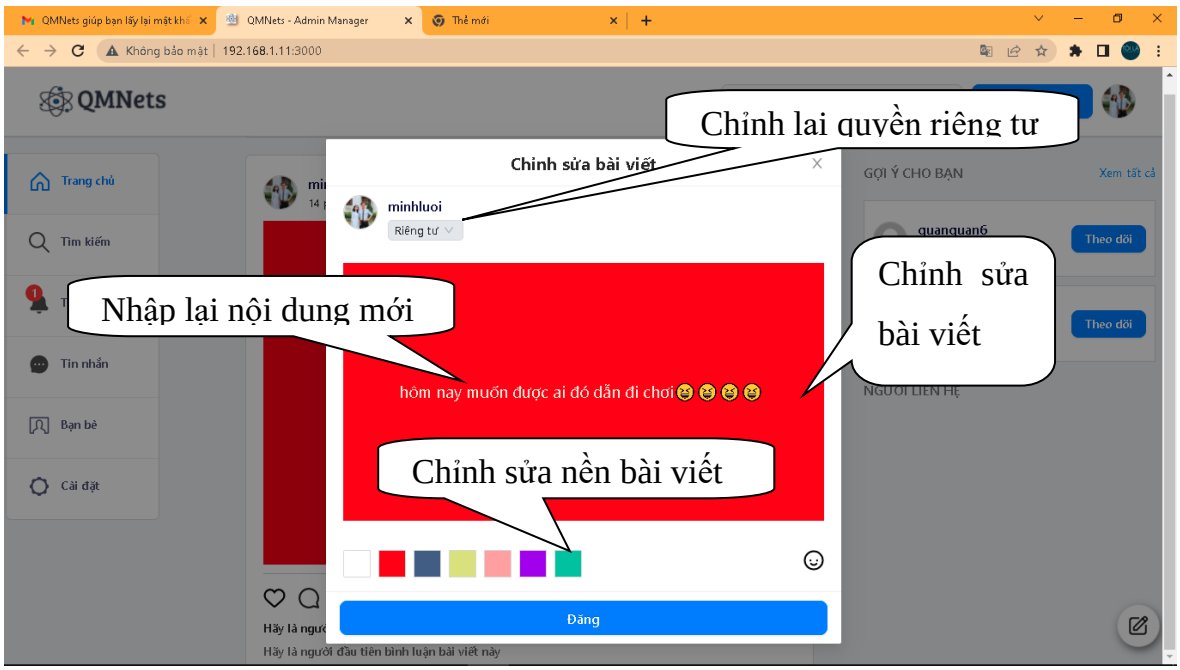

Hình 5.26 Giao diện chỉnh sửa bài viết

Bài viết đã lưu:

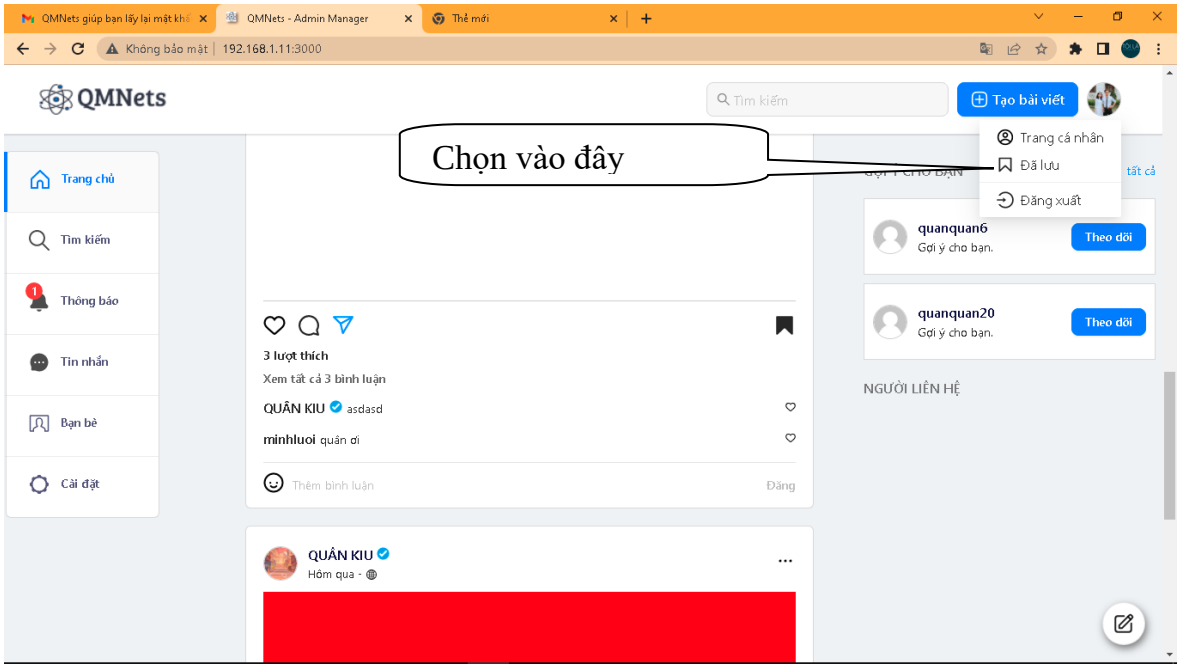

Hình 5.27 Giao diện lưu bài viết 1

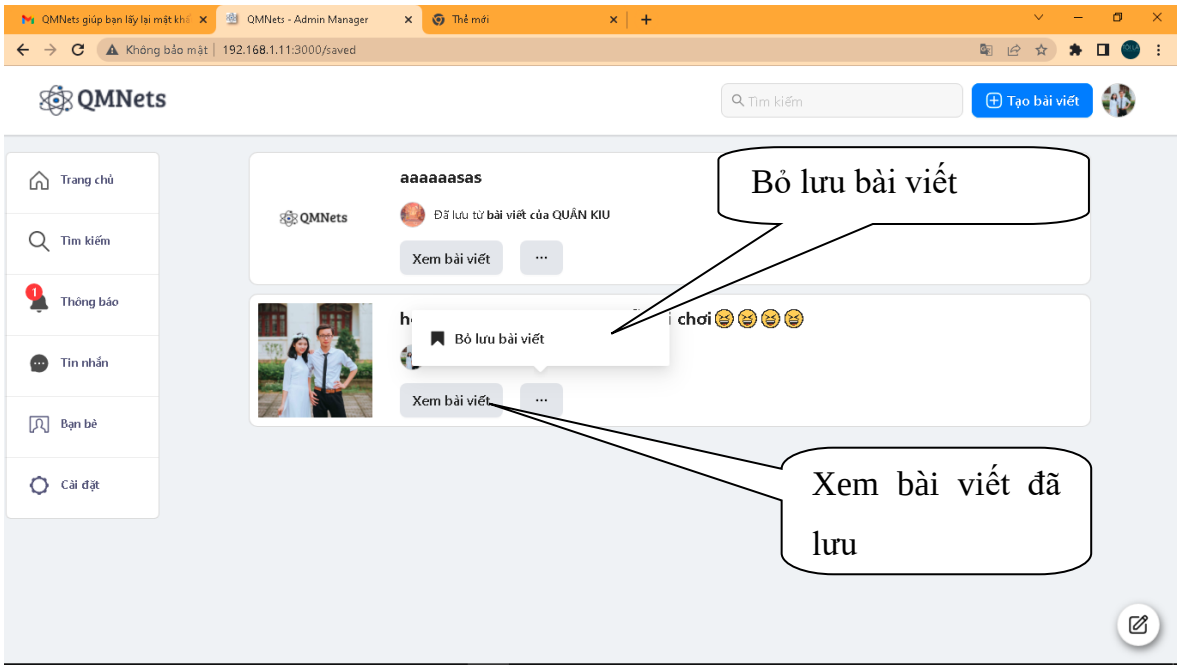

Hình 5.28 Giao diện lưu bài viết 2

Giao diện Bình luận:

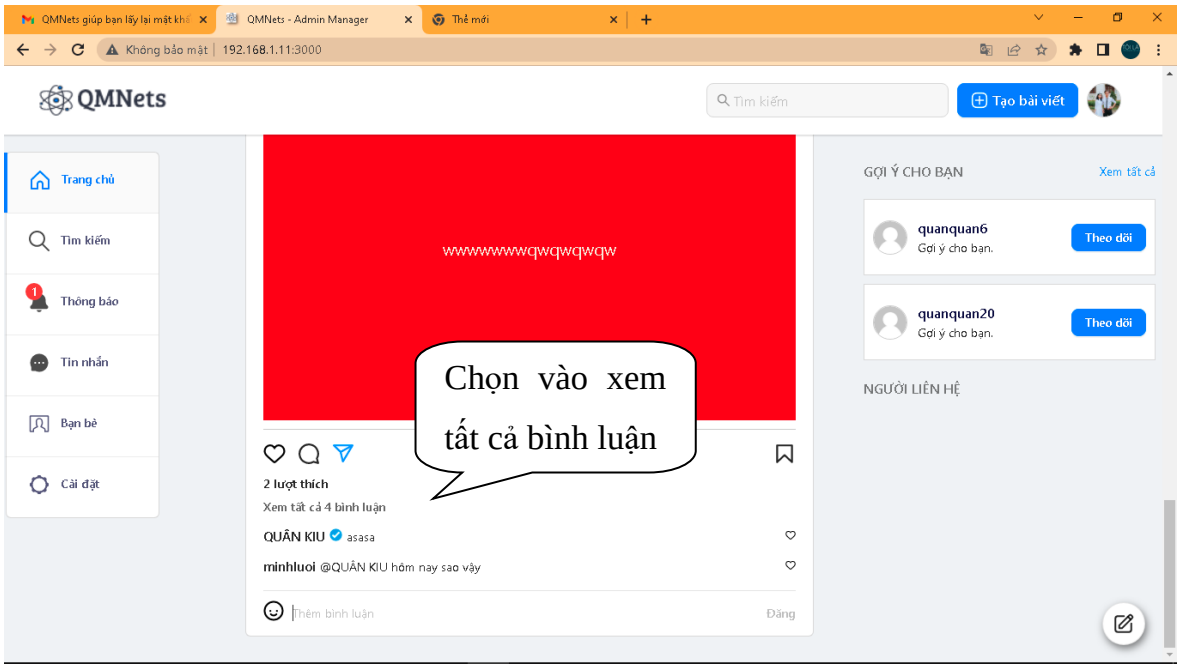

Hình 5.29 Giao diện Bình luận 1

Bình luận của mình

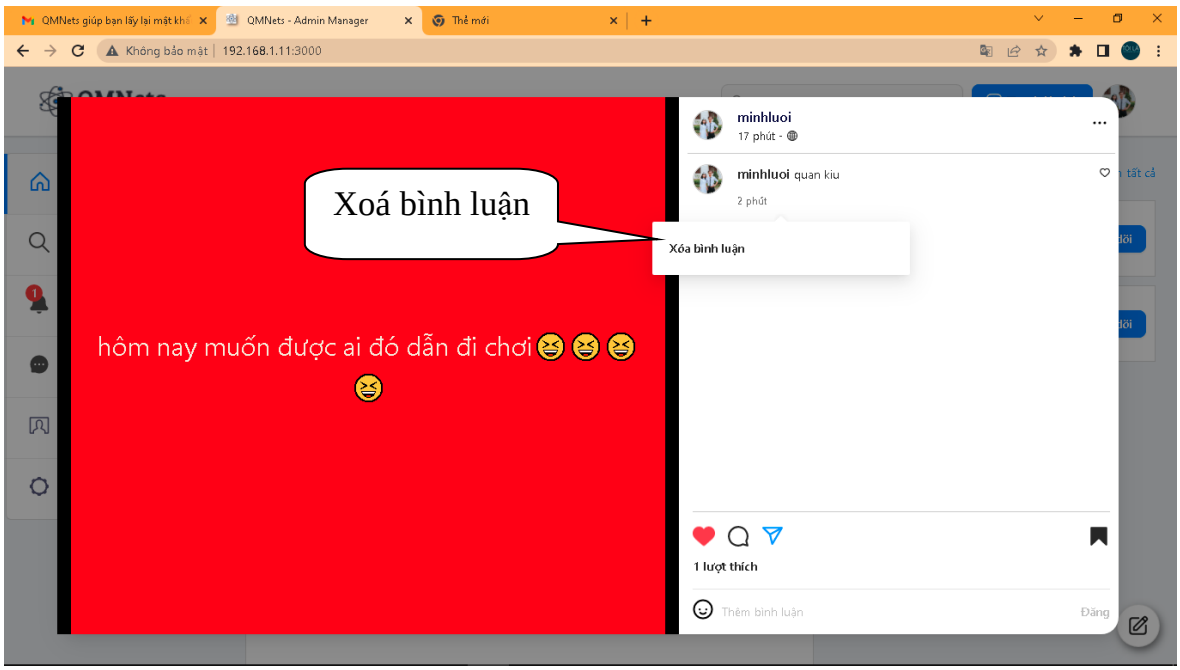

Hình 5.30 Giao diện bình luận 2

Bình luận của người khác

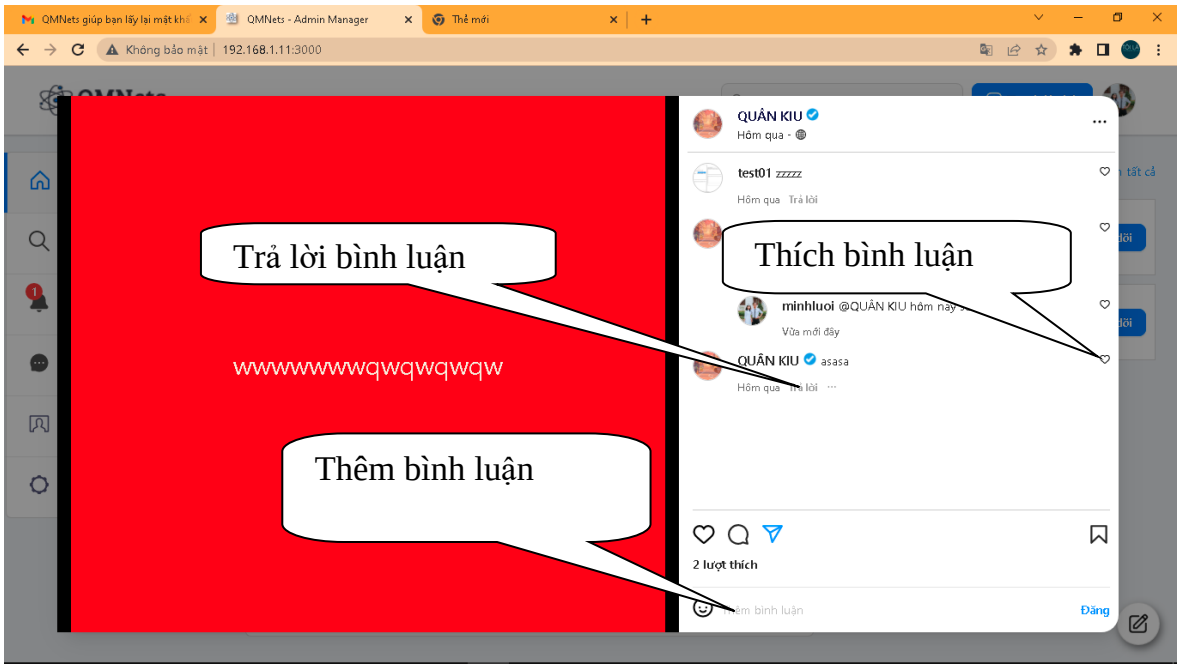

Hình 5.31 Giao diện bình luận 3

Trang cá nhân

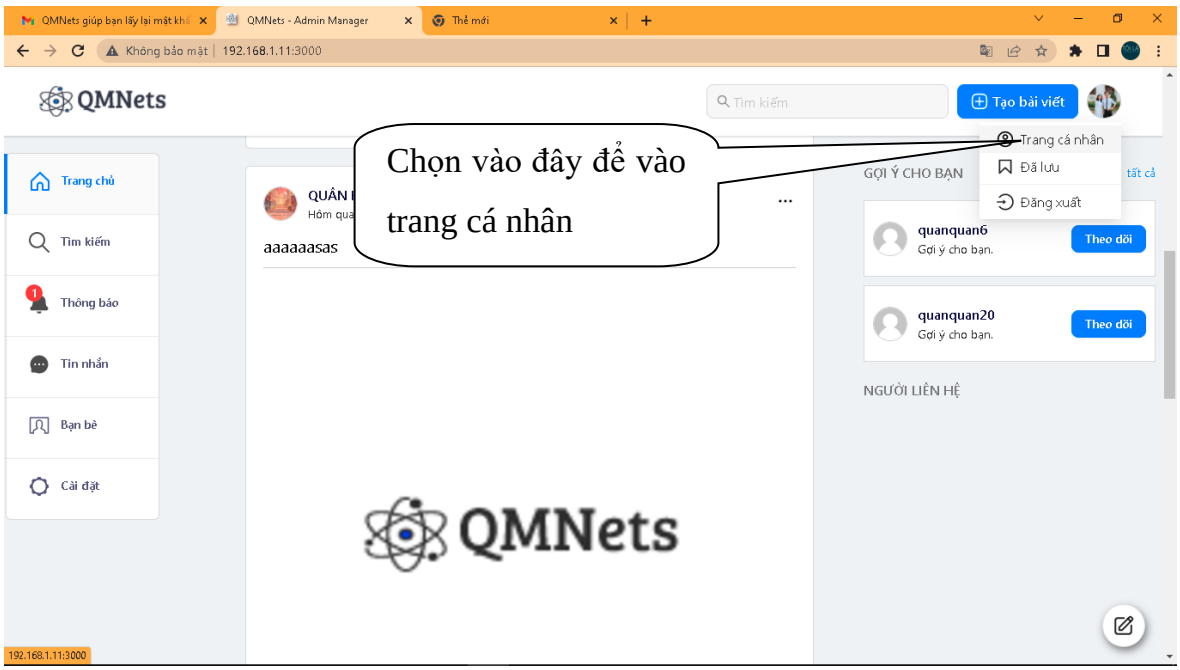

Hình 5.32 Giao diện trang cá nhân a

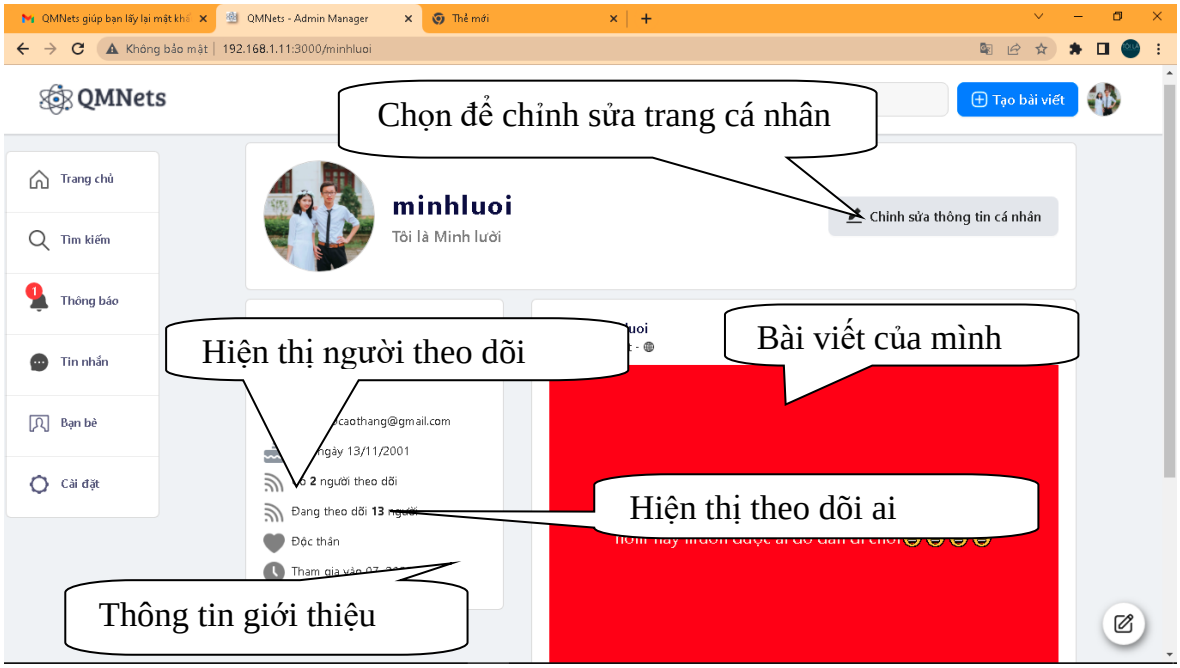

Hình 5.33 Giao diện trang cá nhân b

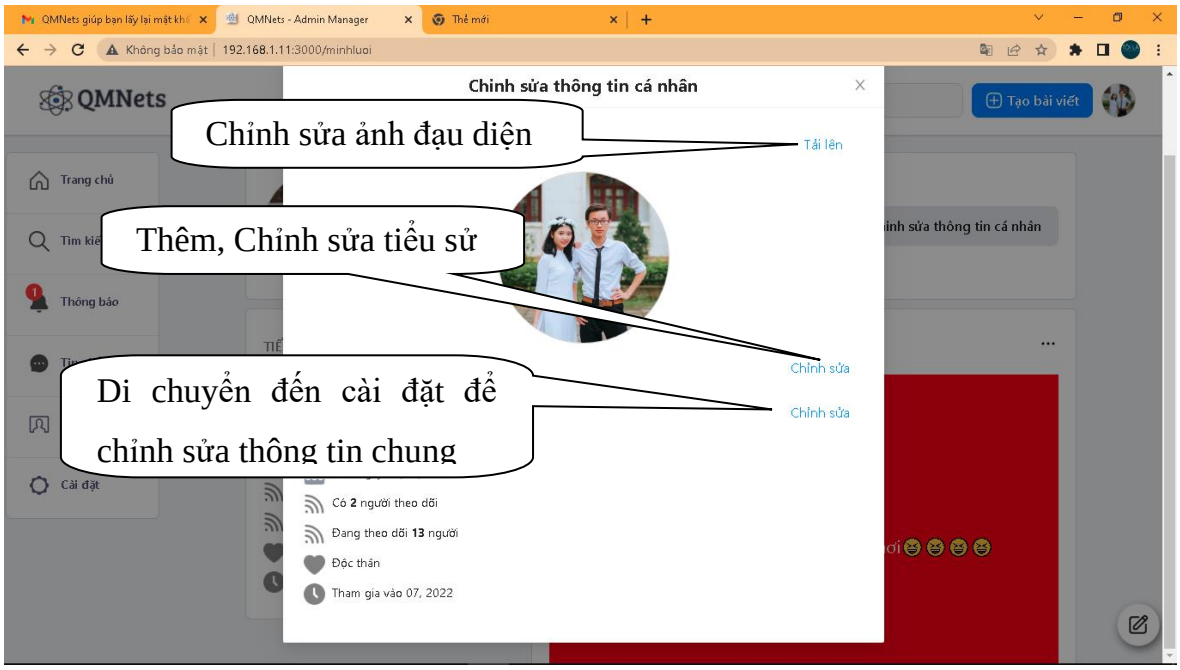

Hình 5.34 Giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân

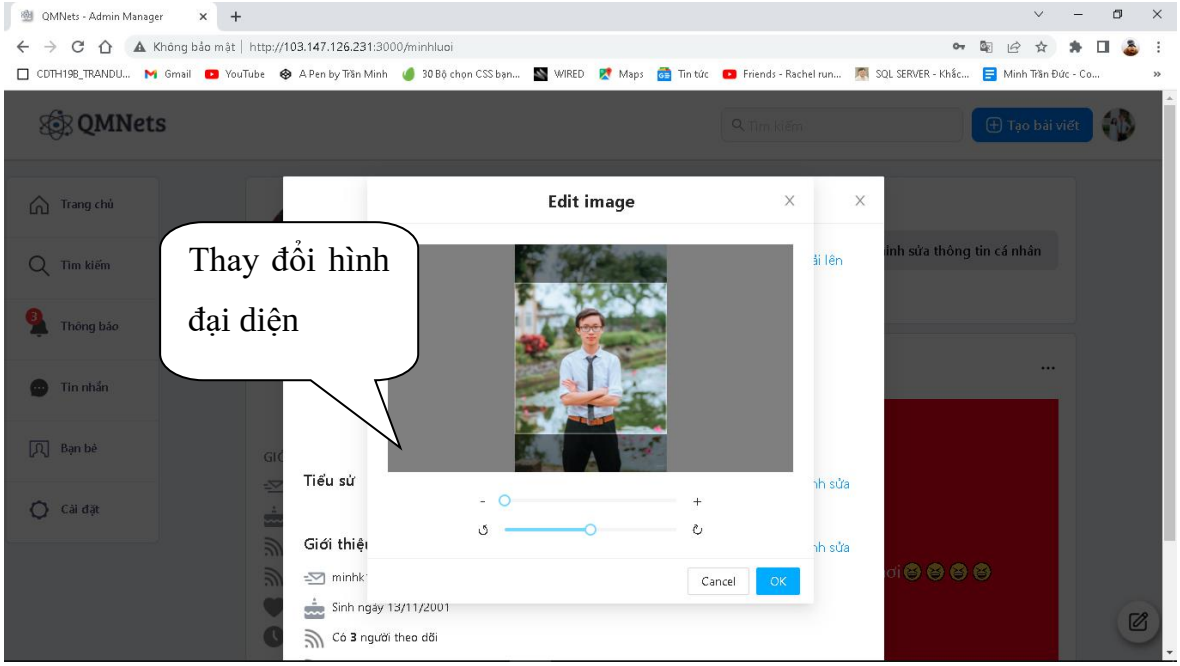

Hình 5.35 Giao diện thay đổi ảnh đại diện

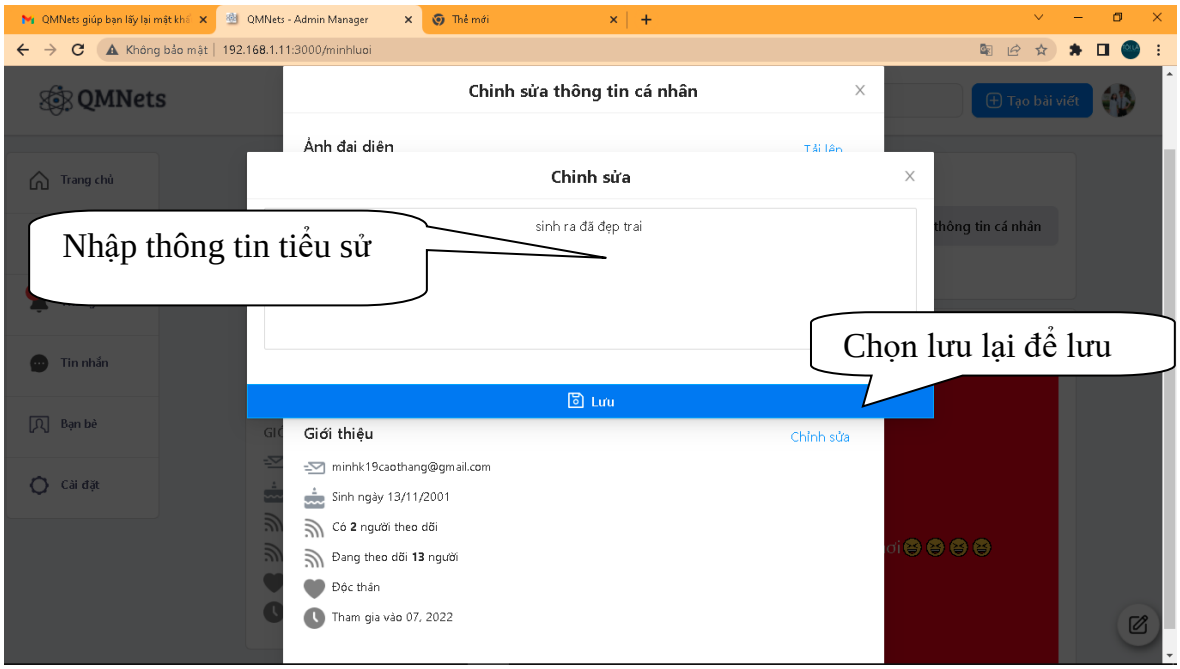

Hình 5.36 Giao diện thay tiểu sử

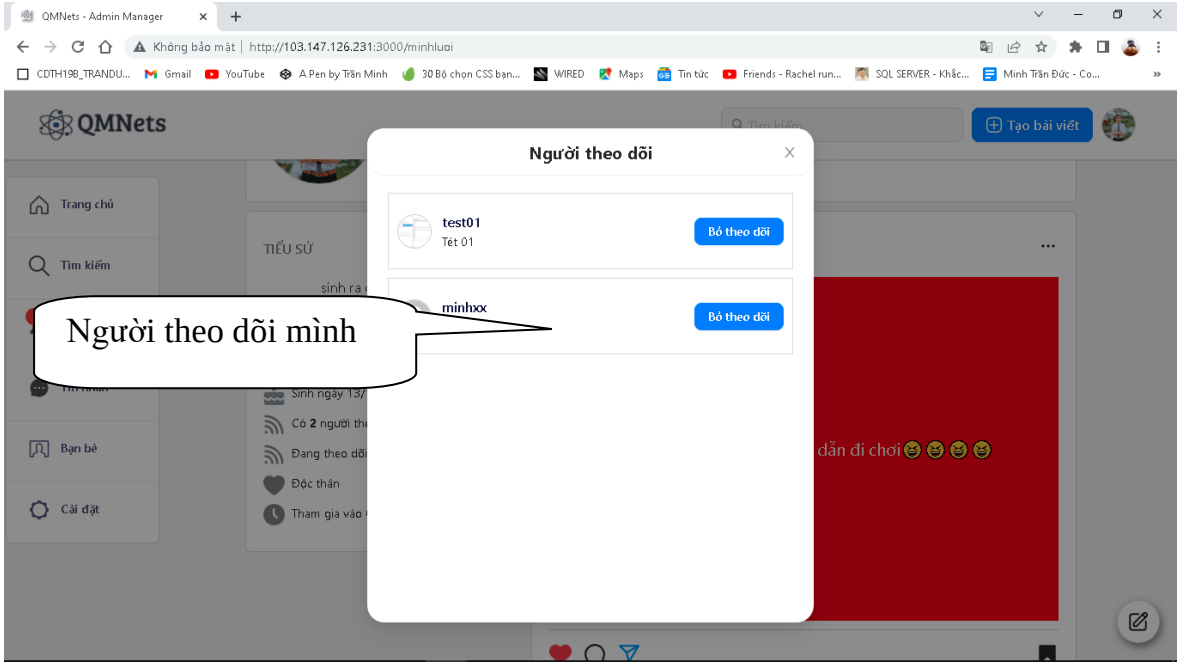

Hình 5.37 Giao diện người theo dõi

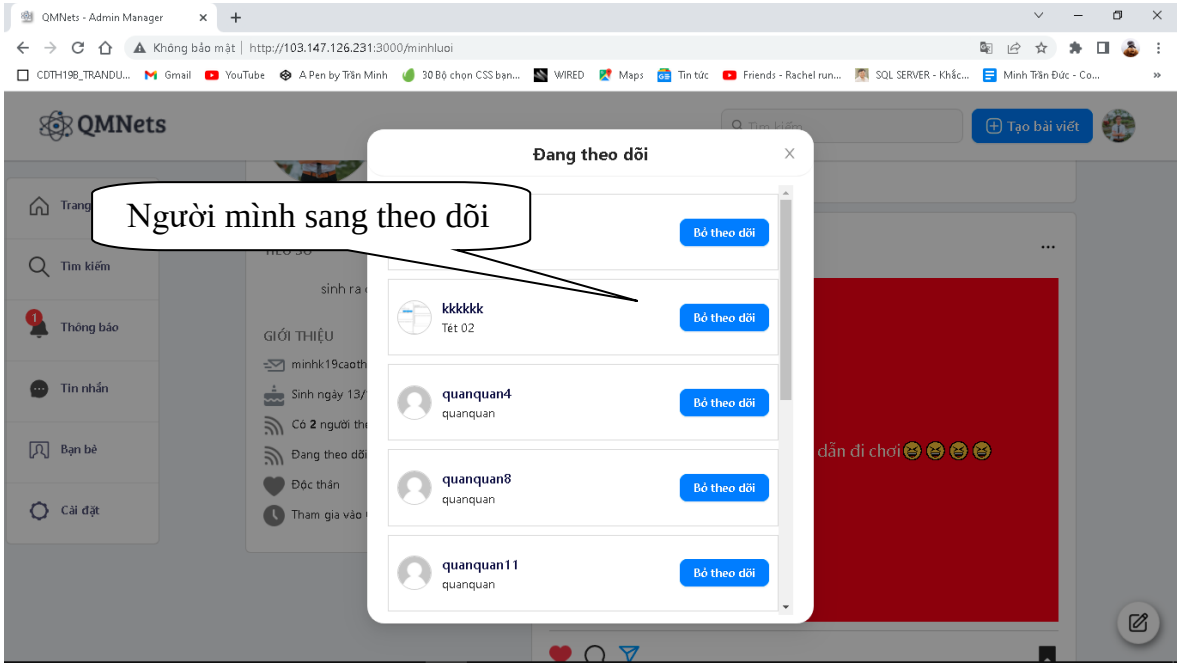

Hình 5.38 Giao diện người đang theo dõi

Bạn bè:

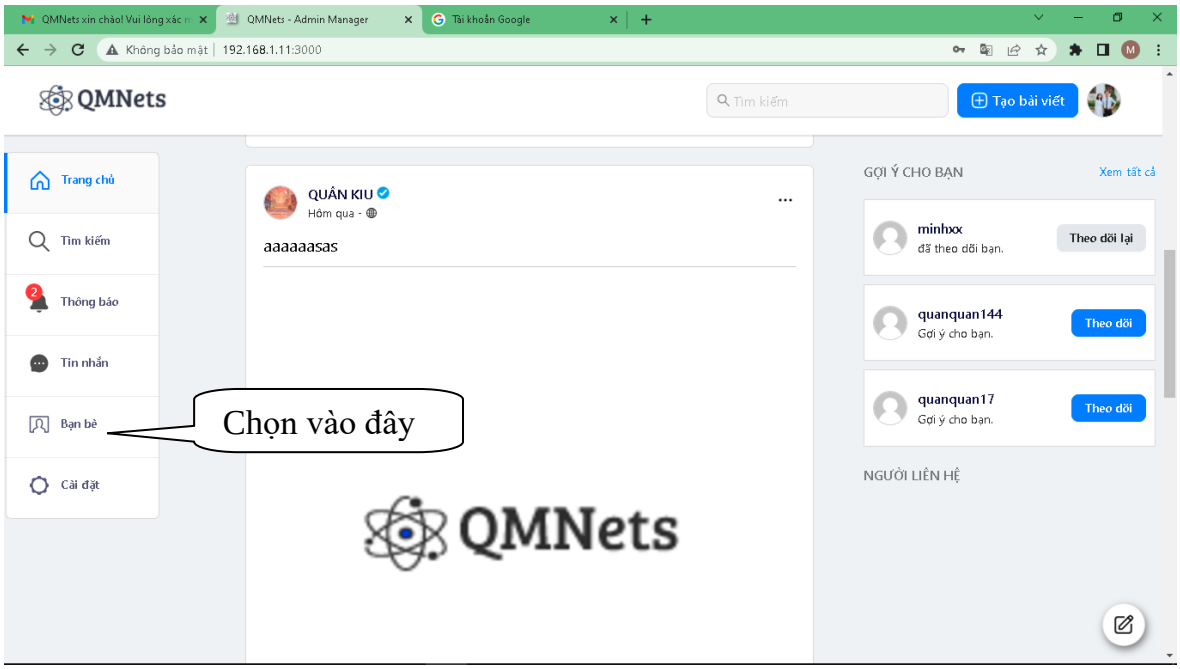

Hình 5.39 Giao diện bạn bè a

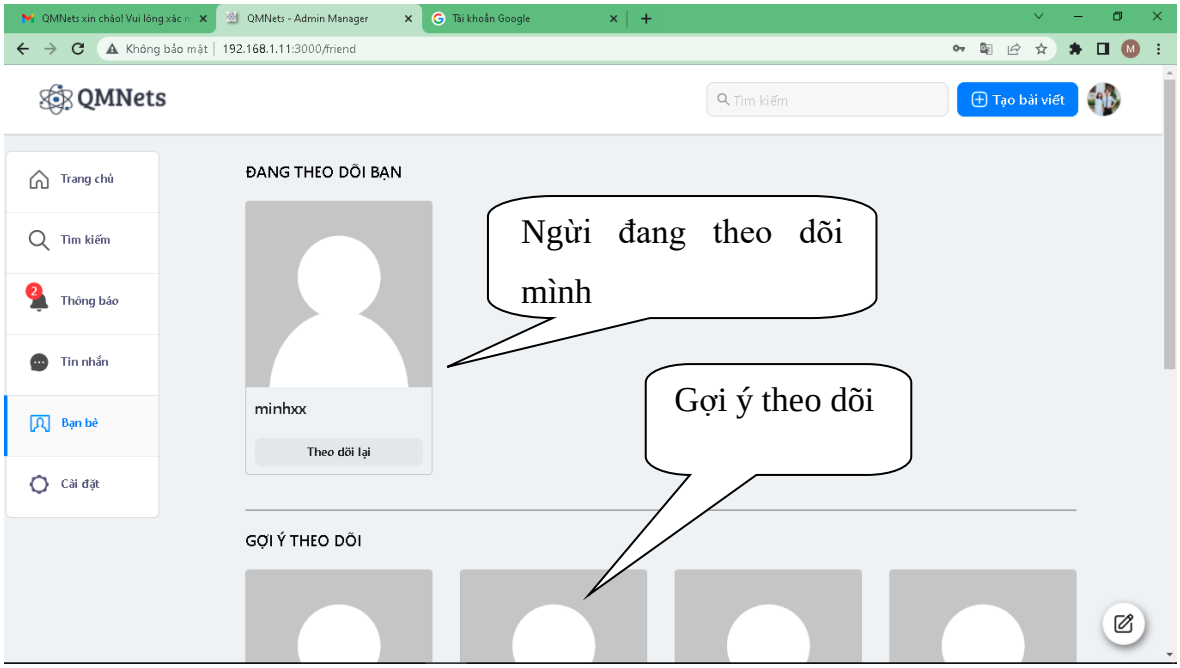

Hình 5.40 Giao diện bạn bè b

Cài đặt

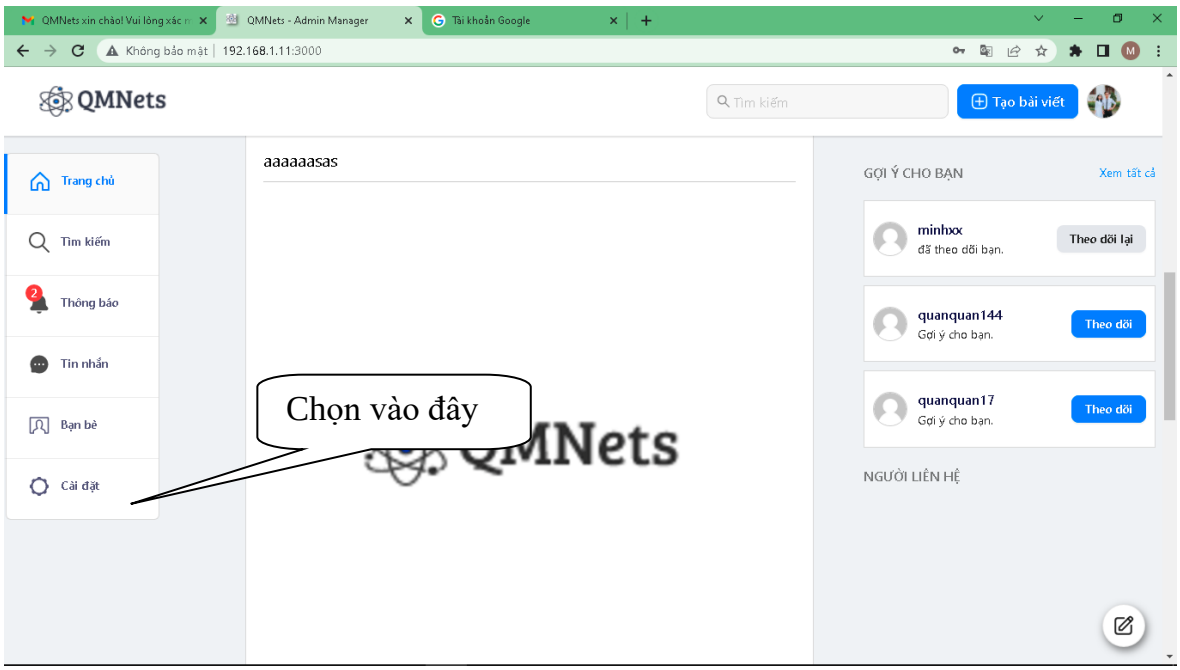

Hình 5.41 Giao diện cài đặt a

Chỉnh sửa thông tin

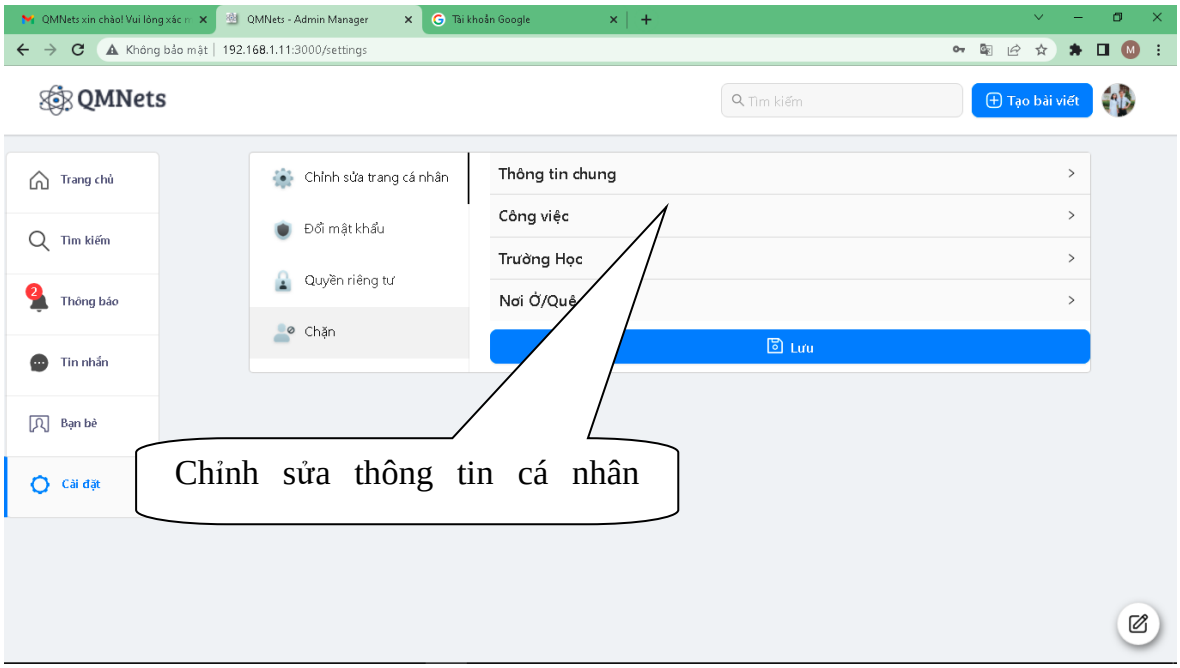

Hình 5 42 Giao diện cài đặt chỉnh sửa thông tin cá nhân b

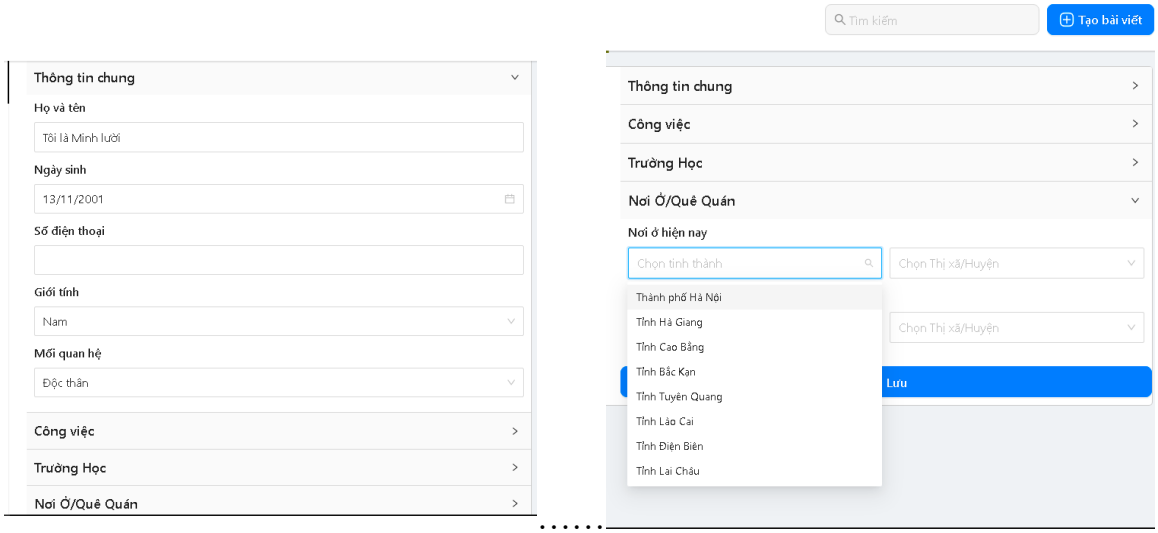

Hình 5.43 Giao diện cài đặt sửa chữa thông tin cá nhân c và d

Chức năng đổi mật khẩu

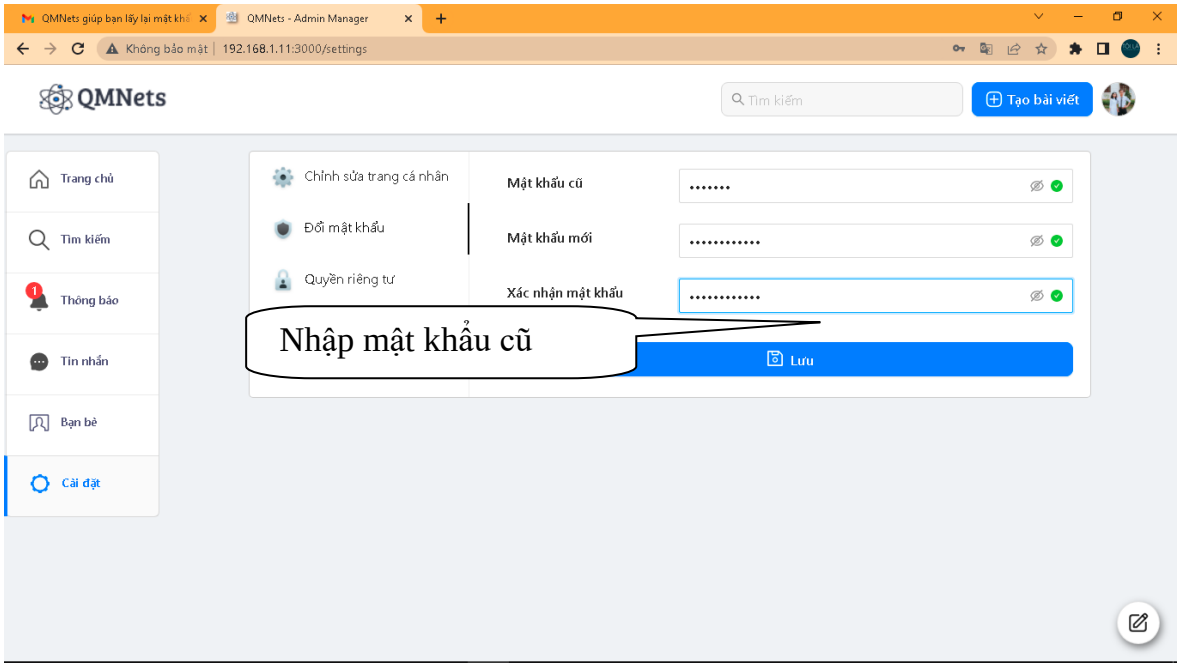

Hình 5.44 Chức năng thay đổi mật khẩu

Chức năng chỉnh sửa quyền riêng tư

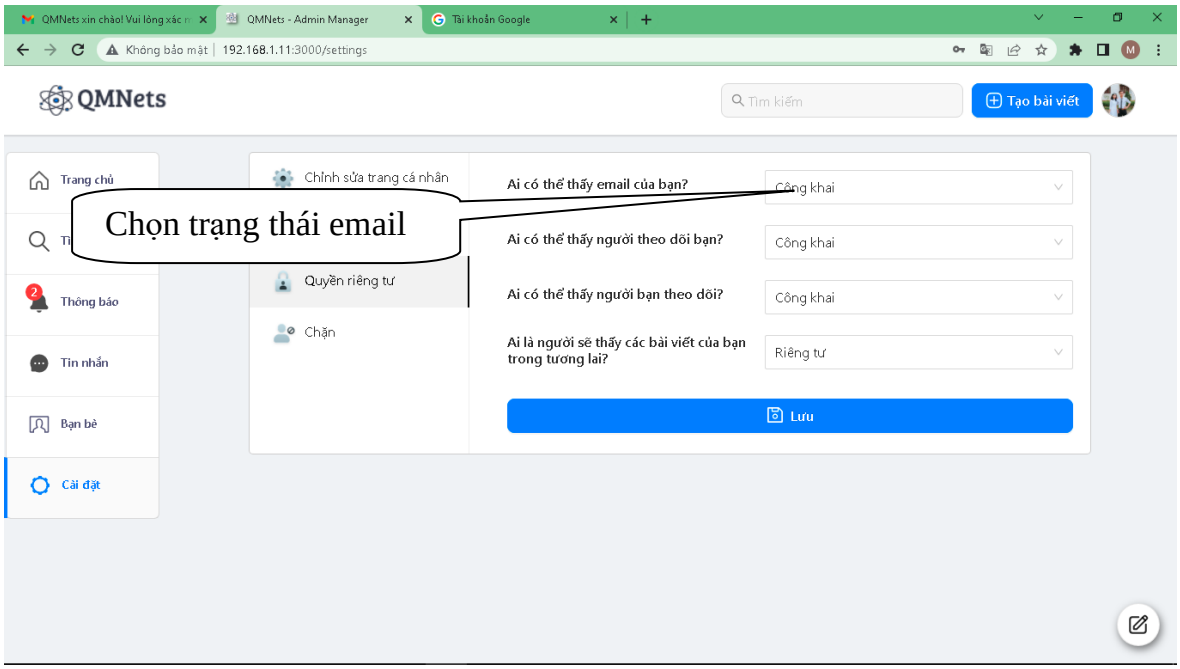

Hình 5.45 Chức năng thay đổi quyền riêng tư

Danh sách thành viên bị chặn:

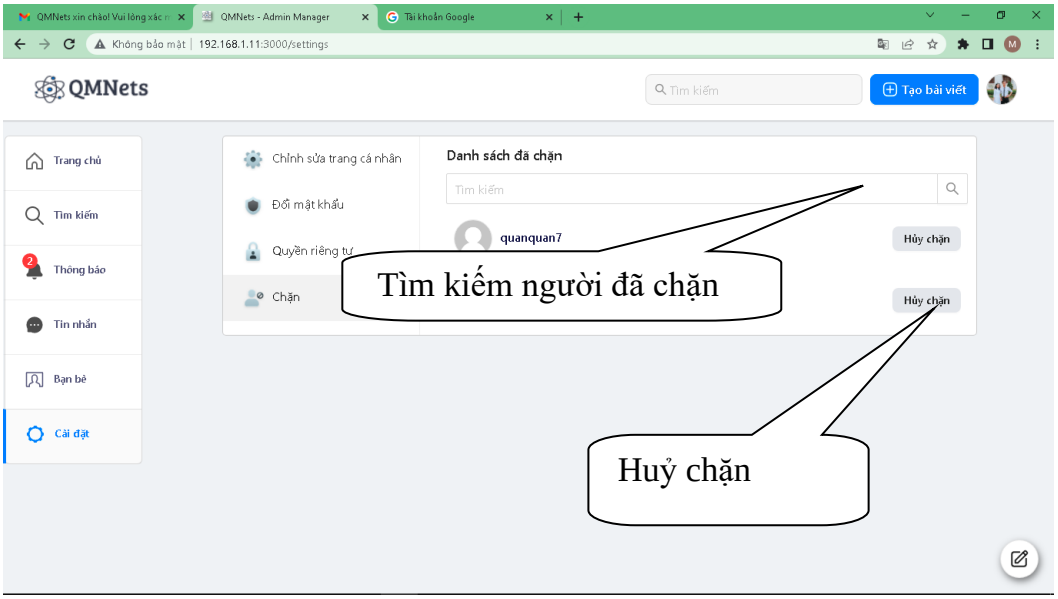

Hình 5.46 Danh sách thành viên bị chặn

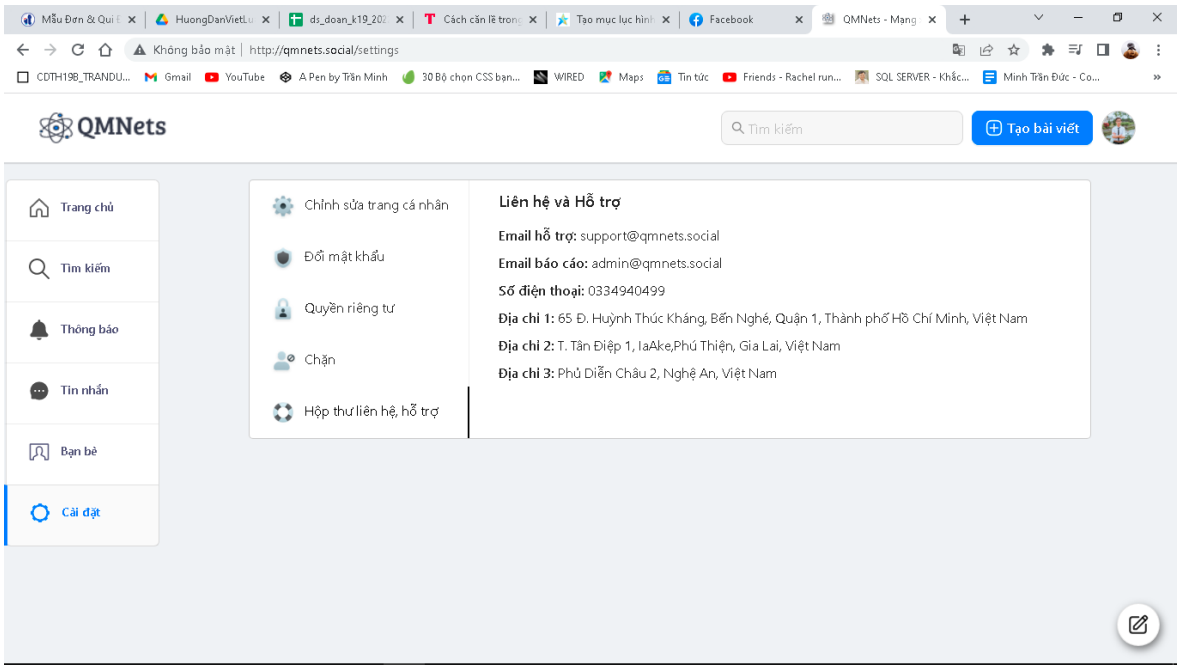

Hình 5.47 Liên hệ và hỗ trợ

5.2 Chức năng cho phân hệ Quản trị viên

Đăng nhập:

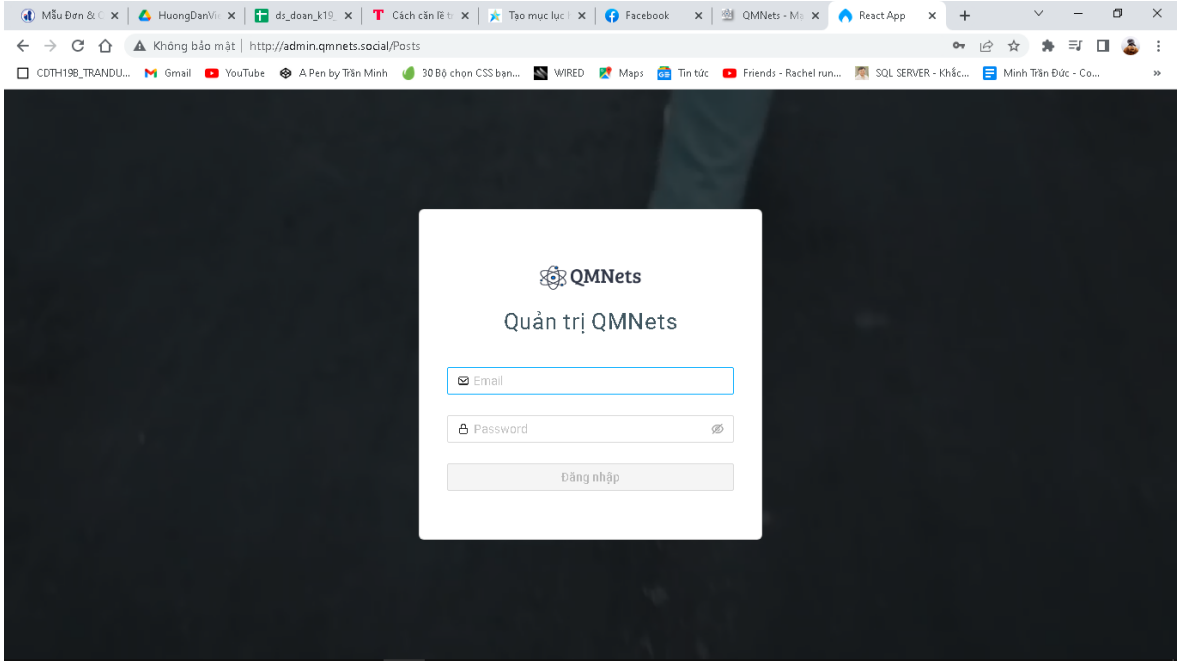

Hình 5.48 Đăng nhập

Hướng dẫn thanh điều hướng:

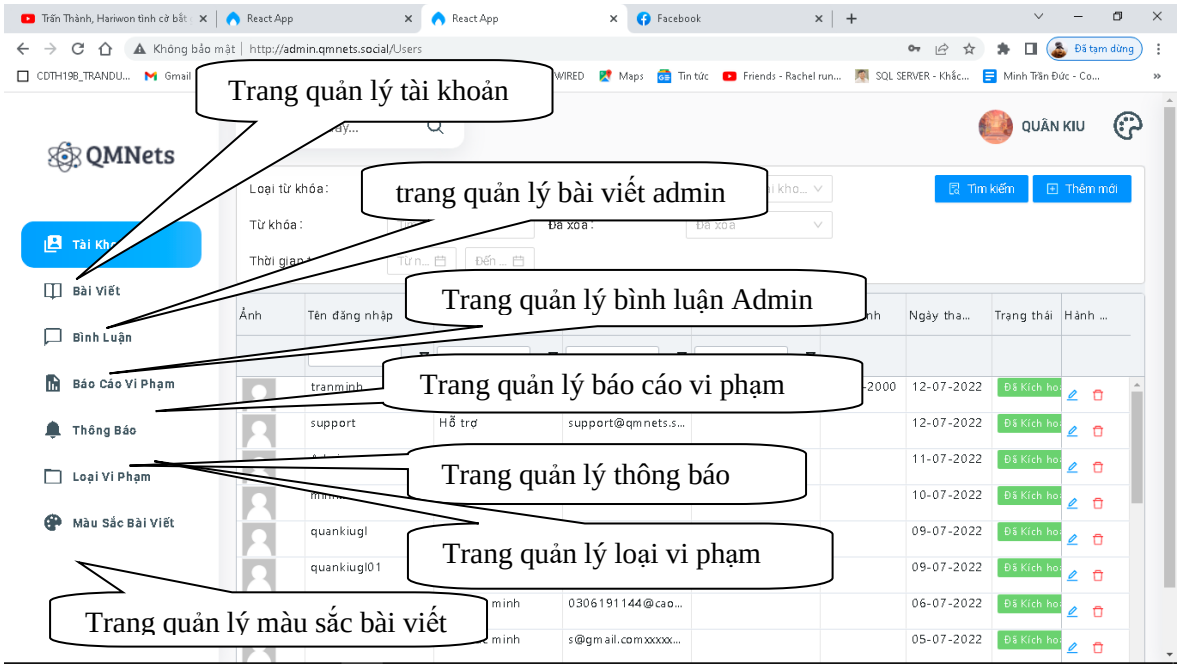

Hình 5.49 Hướng dẫn thanh điều hướng

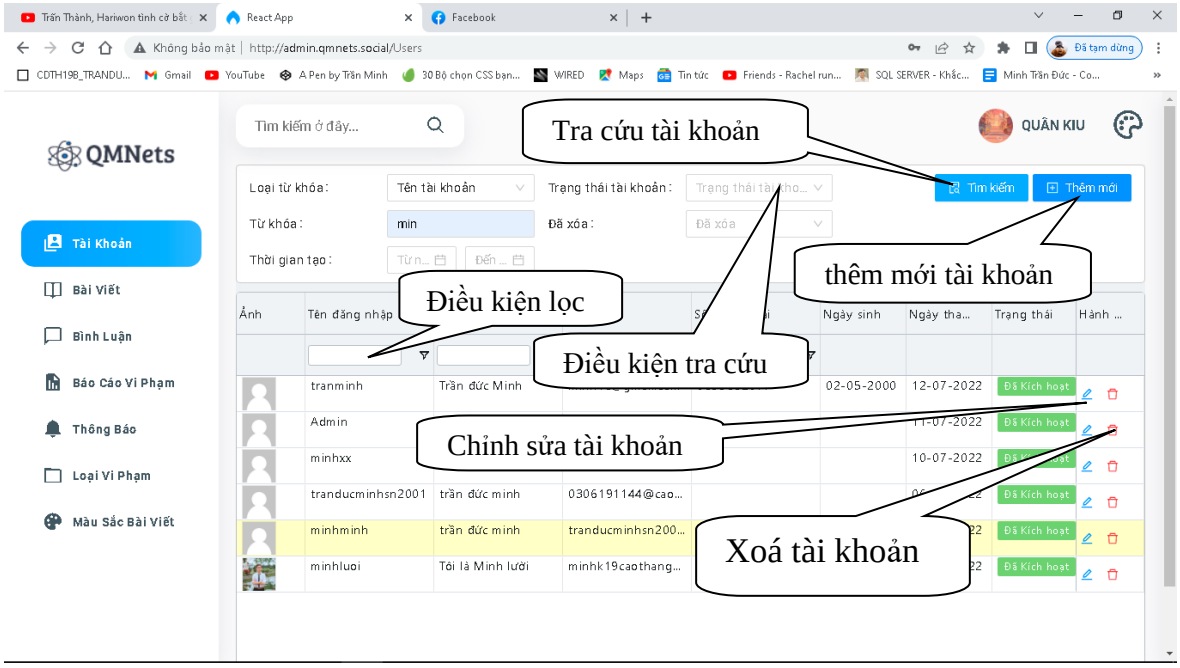

Hình 5.50 Trang quản lý tài khoản admin

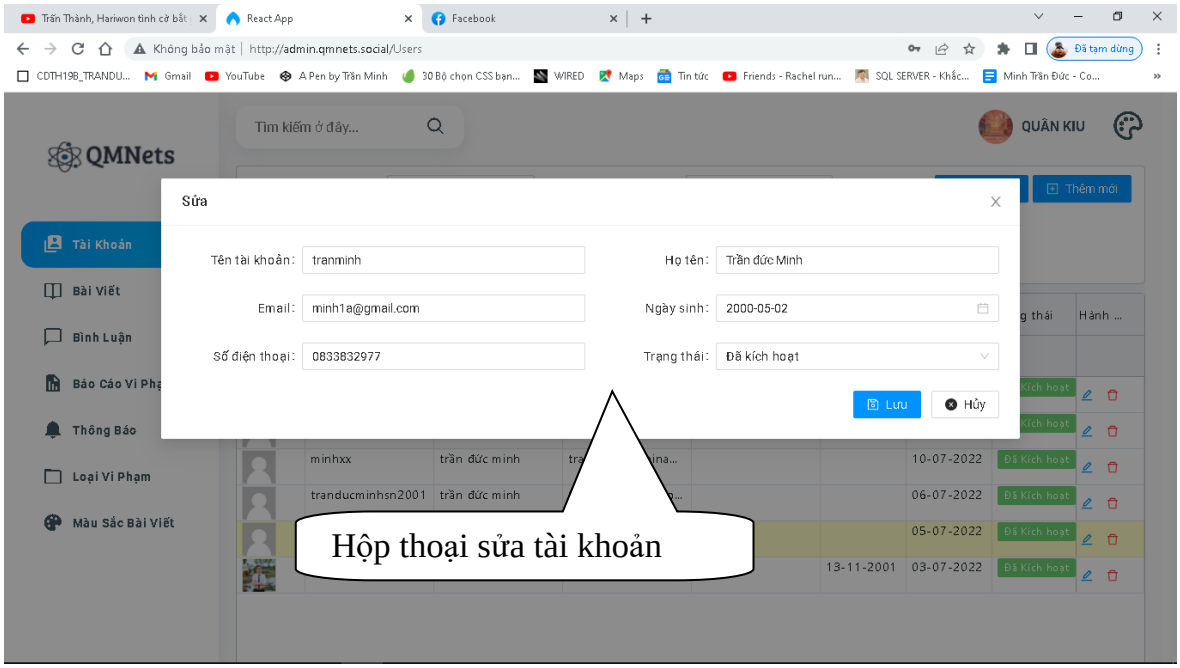

Hình 5.51 Sửa tài khoản

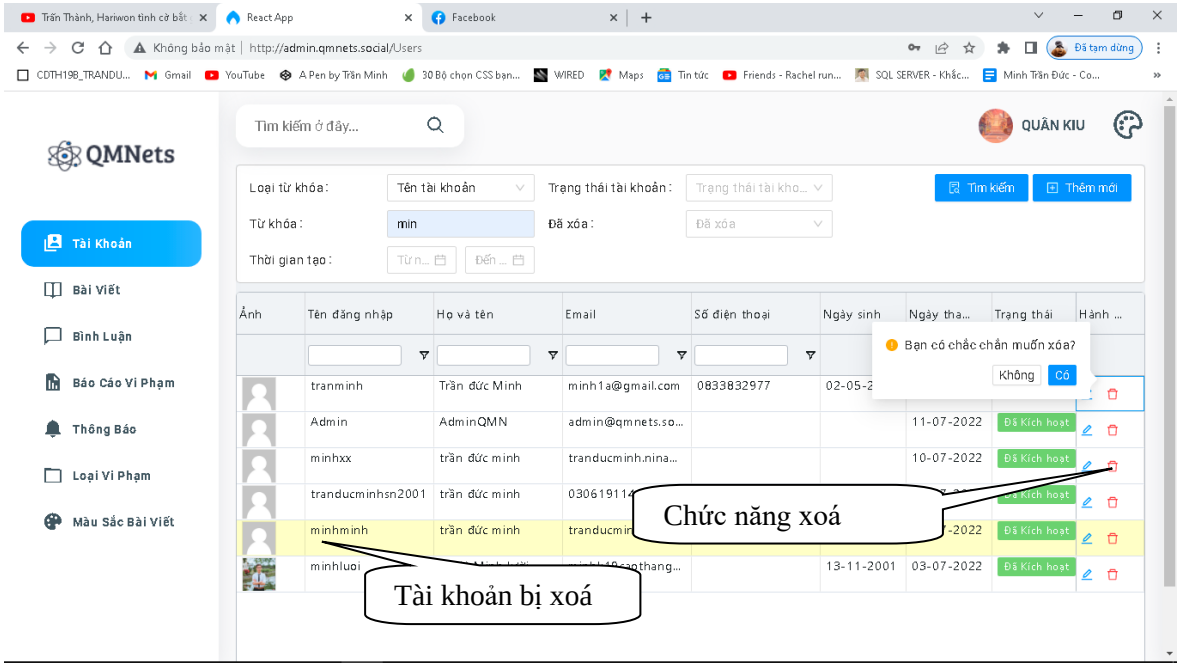

Hình 5.52 Giao diện xoá tài khoản

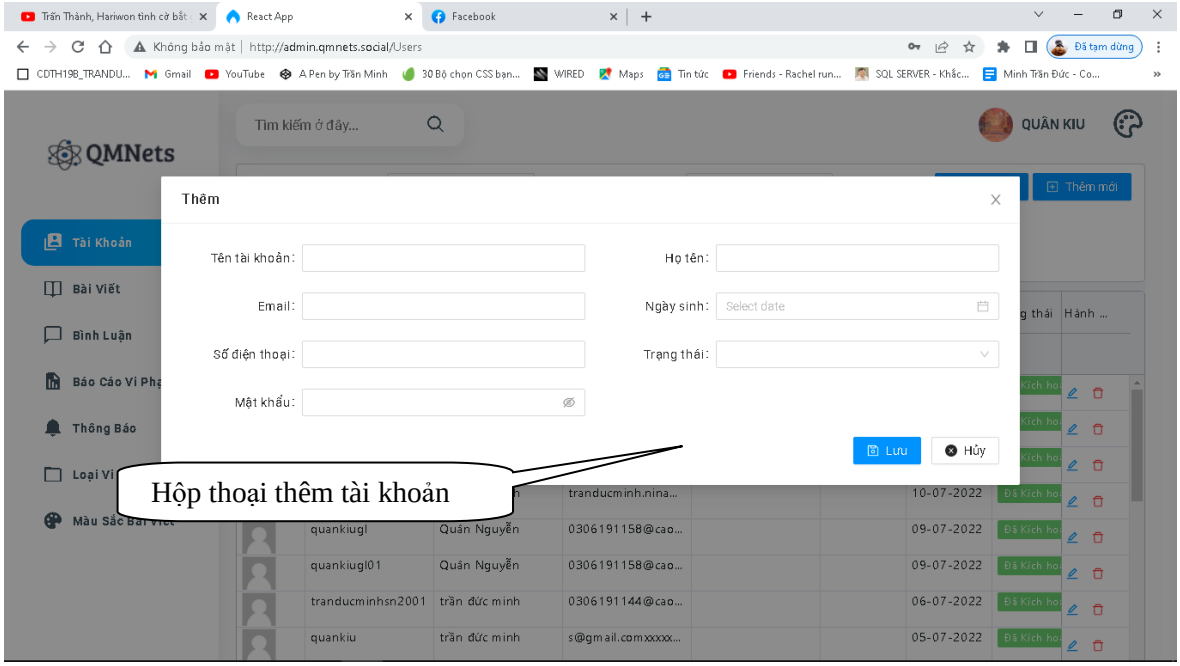

Hình 5.53 Giao diện thêm tài khoản

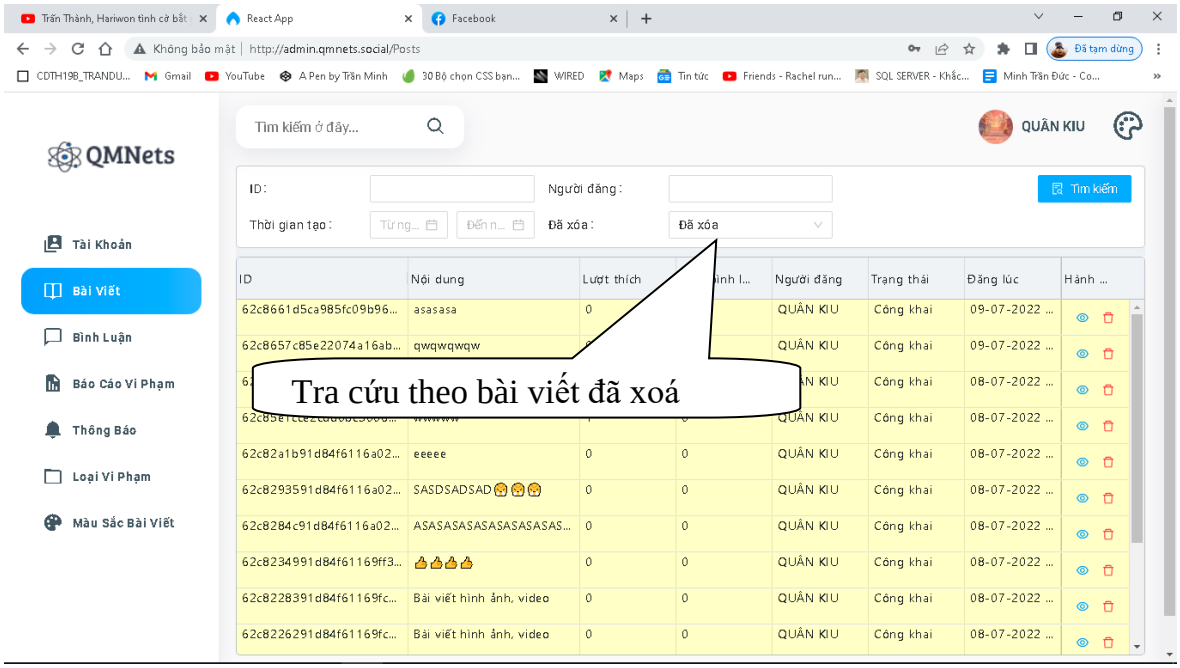

Hình 5.54 Giao diện tra cứu bài viết đã xoá

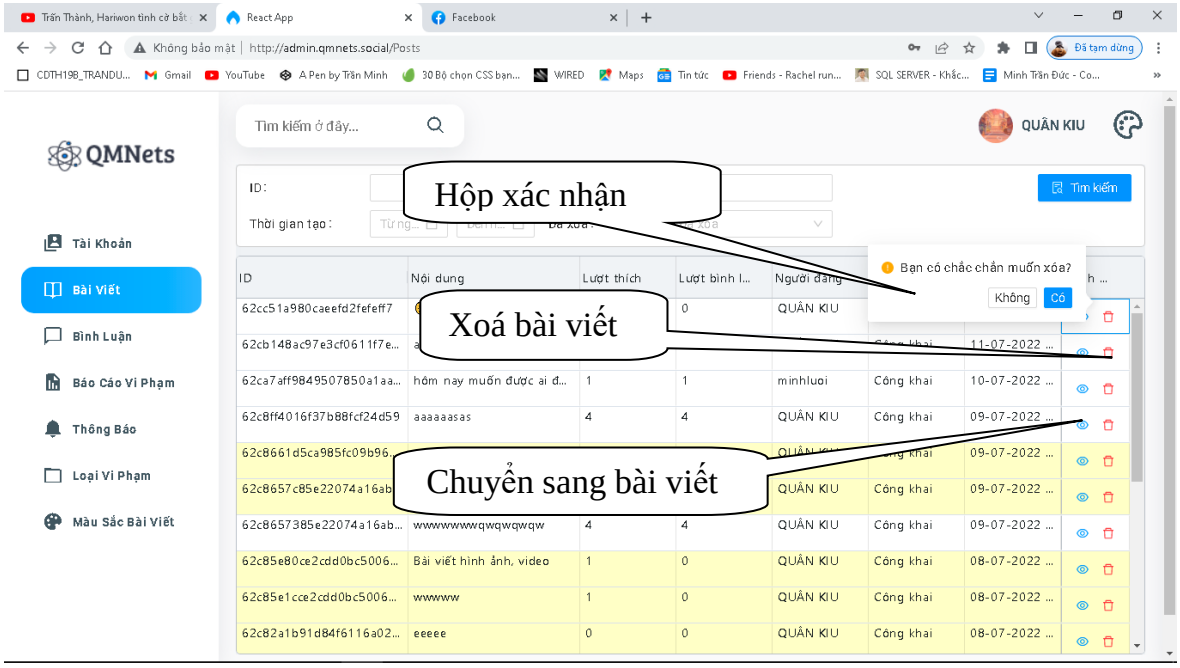

Hình 5.55 Giao diện quản lý bài viết admin

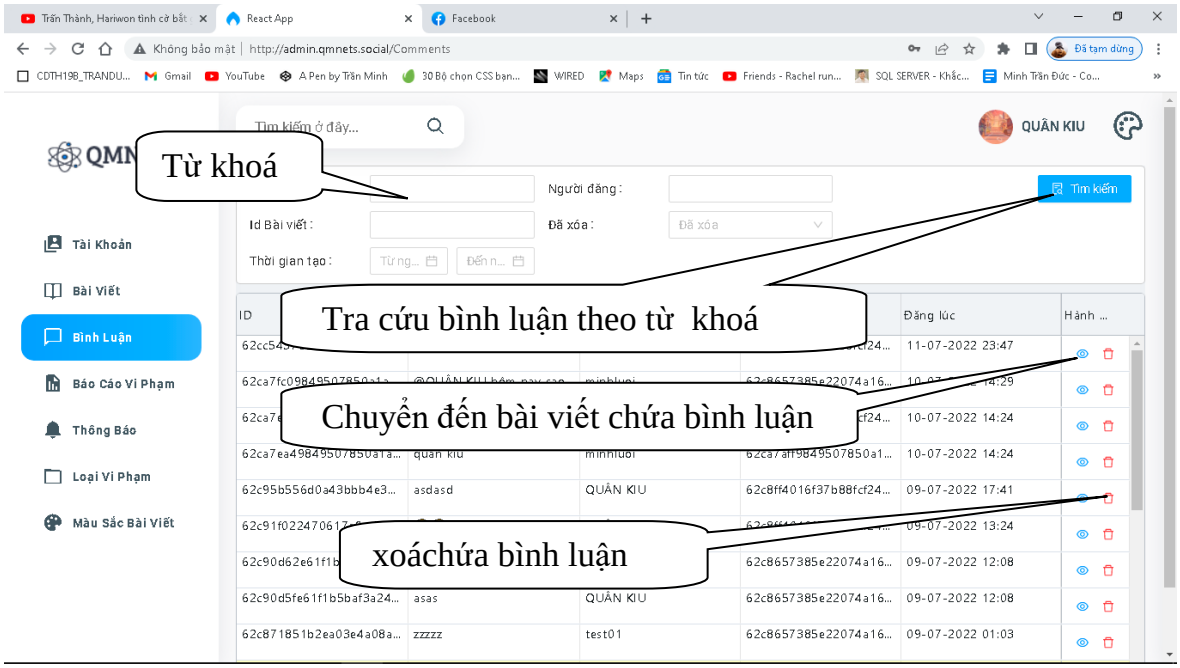

Hình 5.56 Giao diện quản lý bình luận

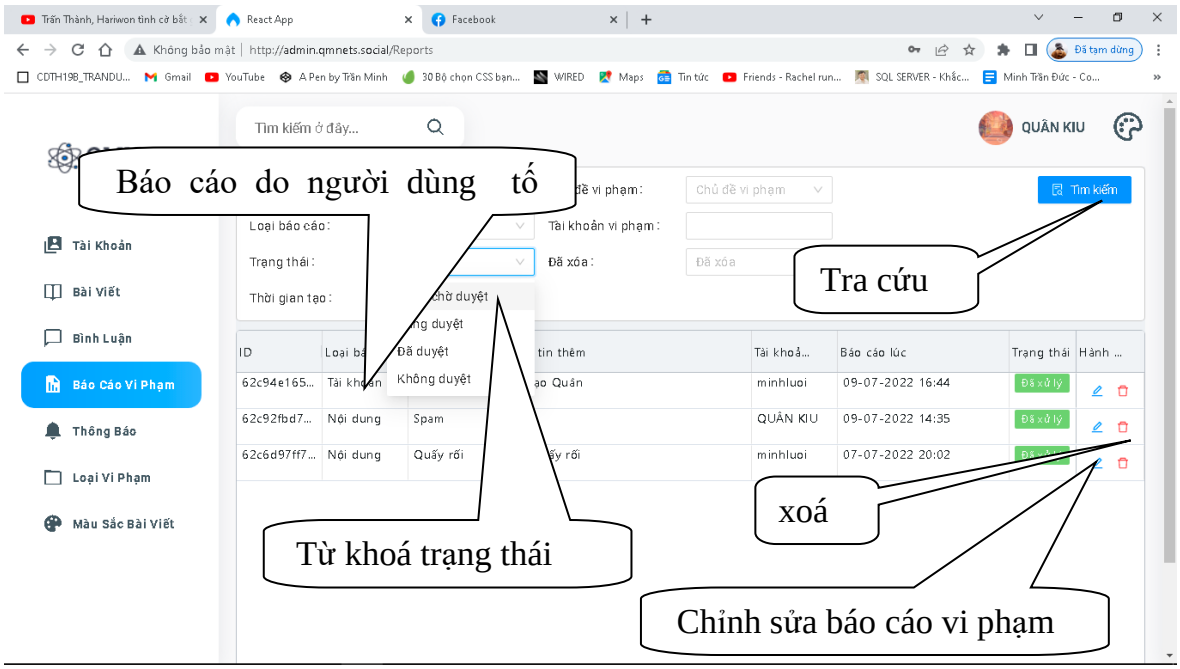

Hình 5.57 Giao diện quản lý báo cáo vi phạm

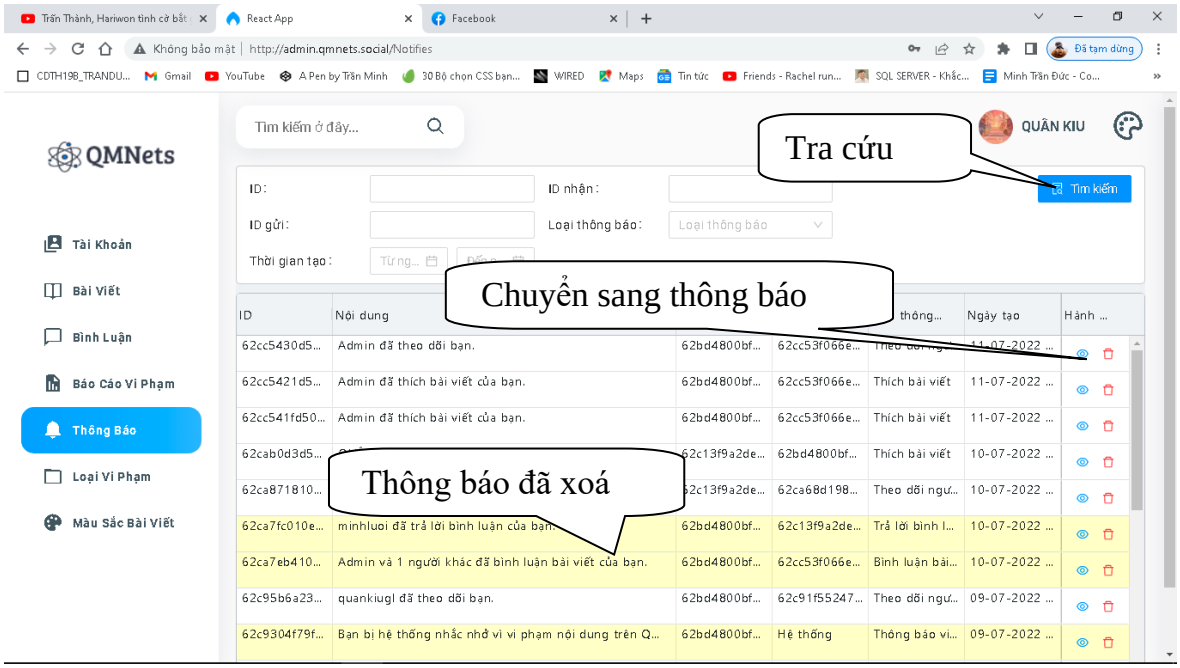

Hình 5.58 Giao diện quản lý thông báo

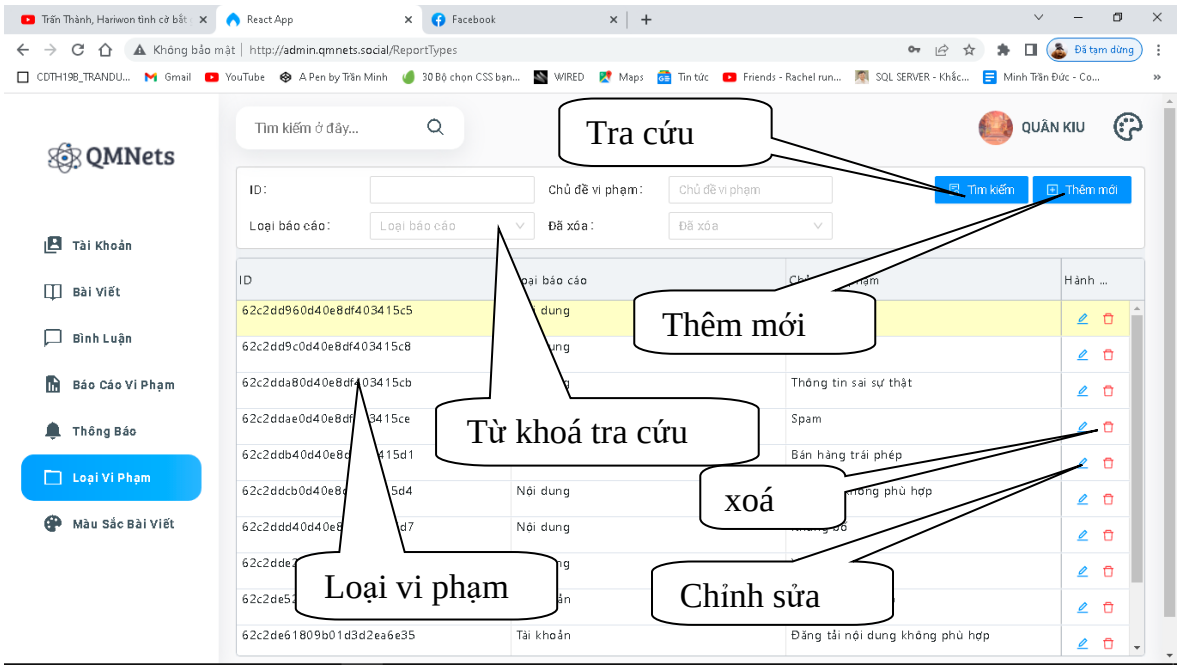

Hình 5.59 Giao diện quản lý loại vi phạm

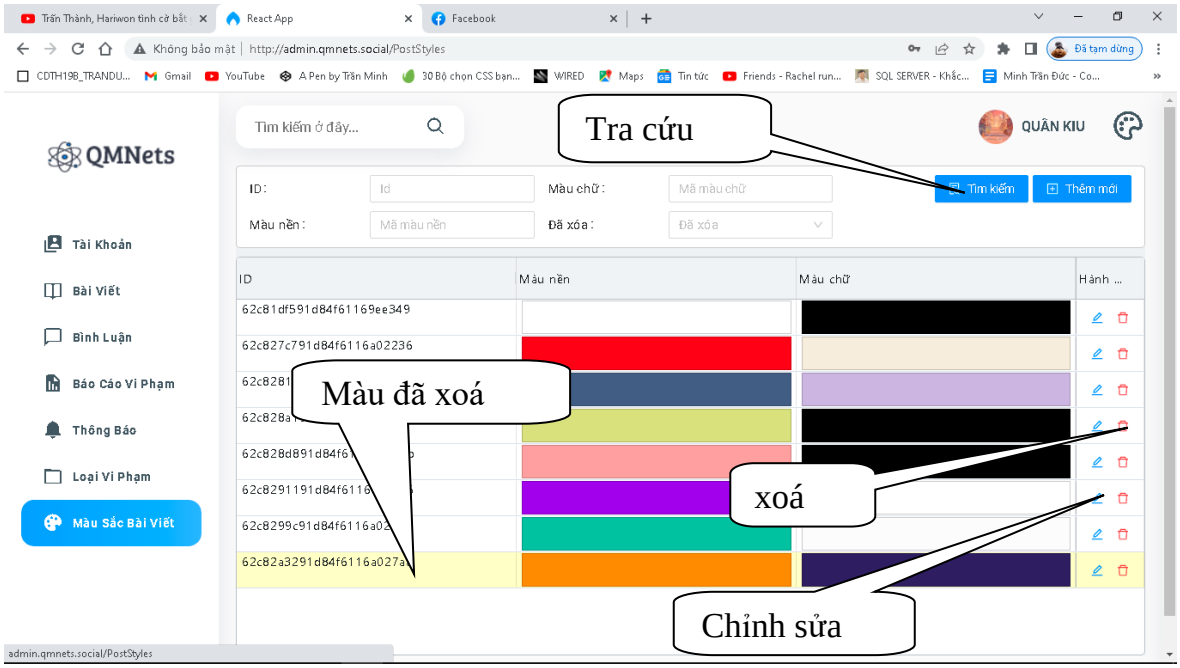

Hình 5.60 Giao diện quản lý màu sắc bài viết

CHƯƠNG :6 TỔNG KẾT

6.1. Những điều làm được

Dự án xây dự được những chức năng cơ bản của mạng xã hội

Quản trị tài nguyên trang web của admin : Quản lý thành viên, quản lý bài viết,quản lý bình luận ,quản lý thông báo, quản lý lỗi vi phạm, quản lý loại vi phạm, quản lý màu sắc bài viết

Thành viên quản lý trang web của mình: đọc , xem bài viết của người khác, quản lý bài viết, quản lý bình luận của mình, quản lý mối quan hệ , quản lý cuộc trò chuyện , quản lý tin nhắn, quản lý thông tin cá nhân

Áp dụng được các công nghệ mạnh, ngôn ngữ mới hiện nay vào dự án

Áp dụng các kỹ thuật thực tế vào dự án

Học được các công nghệ mới cũng cố được kiến thức cơ bản, nâng cao khả năng tổ chức code và làm việc nhóm

Biết sữ dụng các tools để hộ trợ làm dự án

Đã đưa vào thực tiễn để sử dụng:

- Thành viên sử dụng : https://qmnets.social
- Admin sử dụng:https://admin.qmnets.social
- Api service: https//api-service.qmnets.social

6.2. Nhược điểm

Dự án chưa tương thích với điện thoại

Code chưa tối ưu.

Thiếu một số chức năng quan trọng của mạng xã hội như gọi điện, chat group,

6.3 Hướng phát triển

- Cải thiện tốc độ thưc thi của trang web

- Làm thêm chức năng đăng story, tạo hastag để dễ dàng tra cứu bài viết, chat group, gọi video…
- Tối ưu lại các sòng code
- Chỉnh sửa 1 vài chức năng chô phù hợp với dự án
- Nâng cấp server để nhiều người sử dụng
- Cải tiến dự án làm cho chúng tương thích với điện thoại

Tài liệu

Tài liệu tham khảo javascript: https//www.w3shools.com/js/default.asp

Tài liệu reactjs: https://reactjs.org/docs/getting-started.html

Tài liệu html tài liệu ant design: https://ant.design/docs/react/introduce

Tài liệu nodemailer: https://www.w3schools.com/nodejs/nodejs_email.asp

Tài liệu redux-saga: https://redux-saga.js.org/docs/introduction/GettingStarted

https://viblo.asia/p/redux-cho-nguoi-moi-bat-dau-part-1-introduction-ZjleaBBZkqJ

Tài liệu mongodb: https://www.mongodb.com/docs/

Tài liệu Nodejs: https://nodejs.org/en/docs/

Tài liệu Express: https://expressjs.com/en/starter

Tài liệu Mongoose : https://mongoosejs.com/docs/documents.html

Tài liệu soketio: https://socket.io/docs/v4/